



Ảnh T.B. (2001)

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- 1 Hoà bình... Hoà Văn
- 5 Tin / Thời sự
- 12 Dương Thu Hương được giải Prince Klaus
- 13 Ấn tượng một chuyến về H.T., K.T., K.V.

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- 16 Về hai chữ *sinh thì* Nguyễn Văn Trung
- 18 Nhớ Ông Quán Phạm Xuân Nguyên
- 21 Lê Phổ (1907 -2001) Văn Ngọc
- 22 Paris từng đột hoá thân Văn Ngọc
- 25 Ông Lê Minh Hà
- 27 Phỏng vấn Nguyễn Duy Phạm Hoàng, Đỗ Quyên

Bài ca Hoà bình

(thơ Aragon, bản dịch Hàn Thuỷ), tr. 12

Hoà bình...

Hoà Văn

Hoà bình, ấm no, dân chủ, tự do, công lý, tiến bộ xã hội...

Giữa những ngày mà cuộc “ chiến tranh chống khủng bố ” ở Afghanistan có vẻ như đang chấm dứt, mà người dân Afghanistan như đang tìm lại được những điều kiện tối thiểu để xây dựng lại cuộc sống, đẩy lùi hơn 20 năm chiến tranh bạo lực vào quá khứ, giữa những ngày này, có vô lý chăng khi mở đầu lời chúc năm nay với hai chữ có vẻ như quá ư tuyệt vọng ấy : Hoà bình ?

Nhưng hoà bình không cắt đứt với những ước vọng sâu xa và bình thường khác. Mà là mở đầu cần thiết.

Bởi thực ra, hoà bình chưa đến, với dân tộc Afghanistan cũng như với nhiều dân tộc trong vùng hay trên thế giới.

Somalia, Soudan, Yemen, Indonesia..., những “ quốc gia còn đồ ” (rogue states) theo cách nói của Nhà Trắng, vì có khả năng dung dưỡng Bin Laden và đồng bọn, đang ngấm ngấm lo toan. Những người dân Irak tiếp tục phải trả giá từ hơn 10 năm nay cho một tội lỗi của Saddam Hussein mà chính họ cũng không chọn lựa gì. Và Chechenia. Một cuộc chiến tranh thực dân tàn bạo của quân đội Nga, mà người tổng chỉ huy, tổng thống Putin đã “ tân trang được chữ trình ”, nói theo ngôn ngữ bình dân Pháp, chỉ vì đã khôn ngoan bước theo dấu chân tổng thống Mỹ ngay từ ngày 11.9.

Vì nhiều lý do lịch sử, địa lý..., ánh sáng thời sự đang rọi chiếu trên nỗi bất hạnh của dân tộc Palestine bị tước đi quyền sống trên chính đất nước mình. Và, đáp lại sự khủng bố nhà nước của Israel, một bộ phận Palestine cưỡng tín lại tiến hành những cuộc khủng bố tuyệt vọng, đẩy dân tộc Israel vào một bất hạnh khác : trao phó vận mệnh của mình cho một viên thủ tướng, Ariel Sharon, mà chính sách tối tệ - theo phân tích của triết gia Edgar Morin, trên Le Monde 22.11.2001 - “ đang từ từ đưa Israel vào chỗ tự tử, dù là cuộc tự tử này có kèm theo pháo hoa của hai trăm đầu đạn nguyên tử Israel, tiêu diệt một phần lớn người Ả rập. ” Theo E. Morin, nếu Mỹ và châu Âu vẫn bất lực không áp đặt được một sự can thiệp quân sự quốc tế để chia cắt hai bên theo đường biên giới năm 1967, sẽ khó tránh khỏi một tai biến lịch sử ở một tầm vóc chưa hề thấy.

Có thể từ “ bất lực ” thích hợp với nhiều cố gắng thất bại của vài chính phủ châu Âu. Về phần mình, tin ở sức mạnh vô

(xem tiếp trang 11)

sinh hoạt nghệ thuật

ĐÀO DROSTE

Nữ nghệ sĩ tạo hình Đào Droste triển lãm hoạ phẩm, điêu khắc và bố trí (*installation*) tại Đức :

Open mindedness / Visages animés disposés dans un espace
tại REUTLINGEN từ 13.10.2001 đến 3.2.2002 (Städtisches Kunstmuseum Spendhaus / Städtische Galerie)

HƯƠNG THANH & NGUYỄN LÊ

Nhân dịp Tết Nguyên đán 2002 và phát hành đĩa **DRAGON-FLY** (Chuồn Chuồn, ACT 9293-2/ Night&Day), Dragonfly Group sẽ trình tấu ba buổi đặc biệt **15, 16 và 17.02.2002** tại phòng **Duc des Lombards** (Paris) : **Hương Thanh** (*thanh ca*), **Nguyễn Lê** (*guitares*), **Phạm Hạo Nhiên** (*nhạc cụ dân tộc Việt Nam*), **Dominique Borker** (*synthétiseur*), **François Verly** (*percussions & tablas*), **Michel Alibo**, (*basse électrique*).

ĐẶNG THÁI SƠN

độc tấu dương cầm những nhạc phẩm của Debussy, Liszt, Chopin, Mompou, Scriabine tại Musikhochschule FRANKFURT (Đức) ngày 23.2.2002 [Hội Văn hoá Đức-Việt tổ chức]

Tin buồn

Chúng tôi được tin

Ông Đỗ Văn Thái

đã từ trần ngày 22.12.2001 tại Ferney, thọ 78 tuổi. Lễ tang cử hành ngày 28.12.2001 tại giáo đường Ferney-Voltaire.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng chị Đỗ Tuyết Khanh, anh Hồ Văn Tiến và toàn thể tang quyến.

Ông Đặng Văn Long

đã từ trần ngày 6.12.2001 tại Montreuil, thọ 83 tuổi. Lễ tang cử hành ngày 12.12.2001 tại Montreuil.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng toàn thể tang quyến.

Ông Phạm Quang Thiệu

đã từ trần ngày 27.11.2001 tại Nancy, thọ 69 tuổi.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng chị Denise Phạm và toàn thể tang quyến.

Bạn đọc & Diễn đàn

Văn bản và dịch thơ Cao Bá Quát

✉ Xin ngõ vài lời về bài thơ Cao Bá Quát với bản dịch của thi sĩ Hữu Vinh đăng ĐĐ tr. 17, số 112 (tháng 11-2001).

A.- Chữ Hán sai :

(Để cho dễ tìm, tôi ghi *số câu theo bản của quý vị* chứ tôi không đồng ý ngắt câu tùy tiện như vậy. Xem mục C dưới đây.)

Câu 19, chữ thứ 3 : **thả** (1) chứ không phải **thủ** (2)

Câu 21, chữ thứ 7 : **khứ** (3) chứ không phải **khỉ** (4) (phiên âm đúng)

Câu 22, chữ thứ 7 : **sầu** (5) chứ không phải **tình** (6) (**sầu** vần với **lưu**)

(1) thả	且	(2) thủ	取	(3) khứ	去	(4) khỉ	起
(5) sầu	愁	(6) tình	情	(7) xả	捨	(8) đồ	途

B.- Phiên âm sai :

Chữ cuối câu 10 : đọc **xả** (7) chứ không phải **sa**

Chữ thứ sáu câu 11 : đọc **đồ** (8) chứ không phải **độ**

Tôi có tham khảo hai tài liệu :

1) *Chữ Hán* trong quyển T.C.H. Cao Bá Quát, in lần thứ nhất, Nxb Văn Học, 1970. Không biết vị túc nho nào viết chữ Hán bằng bút sắt, chữ đã đẹp lại không sai.

2) *THƠ CHỮ HÁN* (không có chữ Hán) Cao Bá Quát, Nxb Văn Học, 1976. Bản này có những bài dịch thơ hay là nhờ người dịch, chứ nhà *biên soạn* thì rắc *sạn* vào nhiều.

C.- Ngắt câu tùy tiện

Bài thơ gồm 6 đoạn, mỗi đoạn 4 câu. Đoạn đầu và đoạn cuối quý vị gộp hai câu trên lại làm một, thành ra hai đoạn này mỗi đoạn chỉ có 3 câu ! Xáo câu như thế có hại gì đến thơ thì ai quen đọc thơ cũng đều biết, xin miễn bàn.

D.- Dịch sai

I.- Ba câu đầu :

*Trà giang nguyệt,
Kim dạ vị thủy thanh ?
Quan sơn vạn lý hạo nhất sắc,*

Quý vị dịch (câu 1 và 2) :

*Đêm sông Trà trắng sáng bởi vì ai
Muôn dặm sơn khê xanh trong vắt*

Câu trên nếu bỏ chữ *bởi* đi thì đúng với ý thơ họ Cao. Cả ba câu chữ Hán đều tả trắng, không có chữ nào nghĩa là *xanh* cả. Trắng làm sao lại xanh, dù là nguyệt thực. Chẳng nhẽ nhà thông thái lại lầm chữ *thanh* là *trong* ra *thanh* là *xanh* ?

II.- Câu chữ Hán :

Ngã thị Trúc lâm cùng đồ chi Bộ binh !

Quý vị dịch (câu 11) : *Trúc Lâm mặc khách ta là kẻ lạc loài*
Bỏ hai chữ *Bộ binh* đi thì còn gì là *ý thơ* của họ Cao nữa !

Bộ binh là lấy điển : Nguyễn Tịch đời Tấn, trong nhóm Trúc

lâm, tính phóng đạt, thích rượu. Nghe nói trong trại bộ binh có nhiều rượu ngon bèn xin vào làm hiệu uỷ để được uống, vì vậy người ta gọi là Nguyễn Bộ binh.

III.- Câu chữ Hán :

Từu mẫn tu khuynh vị quân thuyết :

Quý vị dịch (câu 13) : *Rượu nốc rồi vì anh ta kể lể*

Chữ *quân* ở đây chỉ trắng chữ đầu phải chỉ người. Sao lại dịch là *anh* ? Nhà thơ nâng chén nói chuyện với trắng đầu phải mới : Lý Bạch có bài *Bả từu vấn nguyệt*. Những tiếng dung tục như *kể lể*, *nốc* hợp với ai đó nhưng sao lại gán cho kẻ hào hoa phong nhã như Chu Thần ? Câu chữ Hán nghĩa là : *Nghiêng bầu rượu, nói với trắng !*

IV.- Câu chữ Hán :

Trà giang nguyệt !

Như kính há ngân lưu,

(Tôi không đọc hạ như quý vị)

Quý vị dịch (câu 20) :

Trăng sông Trà bằng bạc bóng gương nga

Như kính nghĩa là *sáng như gương* thì dịch là *bằng bạc* nghĩa là mờ không tỏ, dù có cả *trăng* lẫn *bóng gương* nga !

Bản dịch đang còn nhiều điểm đáng bàn nhưng thôi.

Tôi viết mấy dòng này là vì ngưỡng mộ danh nhân Cao Bá Quát. Thể phách của ông đã bị hành hình rồi, bây giờ cả đến văn chương cũng bị...

Cao Bá Quát bị tru di tam tộc, may nhờ những người mền tài đức và văn chương của ông, bất chấp hiểm nguy, còn giữ lại được 1353 bài thơ và 21 bài văn xuôi. Tôi chỉ được đọc 3 bài văn xuôi và 156 bài thơ, trong đó không thiếu những bài kiệt tác và một số bài dịch hay. Thế mà chỉ có bản dịch của thi sĩ Hữu Vinh được lọt vào mắt xanh của mấy vị khoa bảng... ! Thế mới biết tại sao họ Cao được tôn là thánh (Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán) mà không đậu đại khoa.

Nguyễn Hữu Thành (Paris, Pháp)

Trả lời của Hữu Vinh :

Cám ơn bác Thành đã chỉ giáo, tôi xin chân thành được học hỏi và xin được trả lời các câu hỏi của bác như sau :

Phân chữ Hán sai.

1. câu 19, chữ thứ 3. Bản chữ Hán này tôi đã căn cứ vào một văn bản quốc ngữ mà viết lại thành chữ Hán. Trong bản ấy, chữ này là *thủ*. Bản của nhà xuất bản Văn Học viết là *thả*, xin ghi nhận. Nhưng dù là *thủ* hay *thả* thì văn mạch, ngữ pháp và ý thơ của hai câu “ *Hữu tửu thủ ẩm* ” và “ *Hữu tửu thả ẩm* ”

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,
Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý,
Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,
Hải Văn, Hoà Văn

**Giá biểu
quảng cáo và rao vặt**

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 10 Euros, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 2 E (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 35 Euros, 1/4 trang : 60 Euros, 1/2 trang : 100 Euros trang, 1 trang : 200 Euros (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chúng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 5 Euros (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên.....

.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu Euros

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM) : 40 Euros ;

Châu Âu ngoài Pháp : 45 Euros ; Các nước ngoài châu Âu : 50 USD).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIEN-DAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 45 Euros vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 12 Euros lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 50 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15 \$ US xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank: SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, Numer Banku : 10 50 12 85 - Numer Konta : 22 55 95 51 85 - Pesel : 480 91 64 10 10.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal Diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 Euros cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

cũng tương tự nhau, không làm sai ý thơ của tác giả.

2. Câu 21, chữ thứ 7. Cám ơn bác đã chỉ giáo. Tôi viết sai, vì vừa dịch vừa viết nên đánh máy theo ý dịch. Theo nguyên bản chữ quốc ngữ của tôi thì phải là *khư* chứ không là *khởi*. Đúng nó là *khư*.

3. Câu 22, chữ thứ 7. Bác cho nó phải là *sầu* chứ không phải là *tình*. Theo bản Việt tôi có, chữ đó là *tình*. *Sầu* hợp vần với *lưu* ở cuối câu 20, nhưng theo tôi *tình* hợp lý hơn vì : 1) hợp vần với phần đầu bài thơ, vần *INH*, 2) “ *Nhi nữ tình* ” là nhóm chữ rất thông dụng trong ngôn ngữ Trung Hoa, không ai nhầm với “ *Nhi nữ sầu* ” cả, mà cũng không có nhóm chữ “ *nhi nữ sầu* ”.

Phân phiên âm sai :

1. Chữ cuối câu 10. Vâng, nó đúng là *xả* chứ không phải là *sa*.
2. Chữ thứ 6 câu 11. Vâng đúng nó là *đồ* chứ không phải là *độ*. [đây là do lỗi của người đánh máy, chú thích của toà soạn]

“ Ngắt câu tùy tiện ”

Tôi cũng không biết nguyên tác Cao Bá Quát viết như thế nào, tôi chỉ căn cứ trên bản Việt tôi có. Điều đáng lưu ý là dù có ngắt câu khác nhau đi nữa, nhưng không làm sai ý tác giả là điều quan trọng. Xin miễn bàn.

Phân dịch sai

1. Chữ *Thanh* : Nếu dịch sát nghĩa, dĩ nhiên trong ba câu đầu đều không có chữ nào nghĩa là xanh. Cũng không đến nỗi, nhìn *thanh* (9) (trong) thành *thanh* (10) (xanh). Tuy nhiên nếu đặt mình giữa cảnh trắng vàng vạc quan san vạn lý ở khung cảnh Việt Nam thì thêm chút xanh cũng chẳng có gì làm sai ý tác giả.

2. Theo bác, bỏ chữ *bởi* mới đúng ý của họ Cao, thì xin mạn phép nói rằng cũng chưa hẳn, vì tập hợp *bởi vì* của ngôn ngữ Việt để dịch chữ Hán *vì* (11) trong câu đầu bài thơ. Bỏ *bởi* còn vì nghĩa cũng giống nhau thôi. Có *bởi* đâu có làm sai ý thơ của họ Cao. Ta thử đọc lại “ *Trăng sông Trà đêm hôm nay vì ai mà trong sáng* ” và đổi lại thành “ *Đêm sông Trà trăng sáng bởi vì ai* ”, có thấy gì khác lạ ?

3. Hai chữ *Bộ binh* : Ý của hai chữ này đã nằm trong nhóm chữ *Trúc lâm mặc khách* vì khi nói tới Trúc lâm thất hiền, người ta nghĩ ngay tới nhóm thi nhân nổi tiếng đời Tấn, thích thơ rượu. Do vậy bài dịch đầu có làm lạc ý mà trái lại làm câu thơ thanh tao hẳn lên so với cách dịch có dùng hai chữ bộ binh như các bài dịch khác.

4. Câu *Tửu mãn tu khuynh vị quán thuyết*. Trong bài này không có ai ngoài tác giả và trăng thôi. Tôi muốn nhân cách hoá và nhấn mạnh đối tượng đang đối thoại nên dùng vậy, có thể đã làm người đọc hiểu lầm ! Còn câu dịch thơ *Rượu nốc rồi vì anh ta kể lể*. Bác cho rằng *nốc* và *kể lể* là dung tục, là làm mất đi phong cách hào hoa, phong nhã, khoáng đạt của các bậc thi ông thì bá Tầu chẳng ? Xin thưa, trong *Toàn Đường thi*, có vô số thơ như thế, ví dụ thơ Lý Bạch, *Nguyệt hạ độc chúc* bài số 2 : “ *...Thánh hiền tức dĩ ẩm, Hà tất cầu thân tiên, Tam bôi thông đại đạo, ngũ đấu hợp tự nhiên...* ” Nếu không *nốc* thì cũng không làm sao tả được cái “ hào sảng ” của thi nhân Tầu uống rượu ! Đây chỉ một bài về phong cách uống rượu của các tay làm thơ Tầu đời xưa, bác vào xem trong hơn 50 000 bài thơ Đường của *Toàn Đường Thi*, bác sẽ thấy *nốc rượu* chưa hẳn là chỉ dành cho các kẻ thô lỗ dung tục. Còn

(9) thanh (trong) 清 (10) thanh (xanh) 青 (11) vị 爲

(12) Cùng sầu thiên vạn đoan,

Mỹ tửu tam bách bôi,

sầu đa tửu tuy thiếu,

tửu khuynh sầu bất lai

窮愁千萬端

美酒三百杯

愁多酒雖少

酒傾愁不來

theo bác nghĩa của câu này là “ *Nghiêng bầu rượu, nói với trăng* ”. Ở đây *khuynh* không có nghĩa là *nghiêng* thường mà chỉ *say rượu*. Bác đọc *Nguyệt hạ độc chúc* bài số 4 có câu “ *...Cùng sầu thiên vạn đoan, Mỹ tửu tam bách bôi, sầu đa tửu tuy thiếu, tửu khuynh sầu bất lai* ” (12). Do vậy câu này có thể nói nó không phải là *nghiêng bầu rượu*, vì nếu chỉ là *nghiêng bầu rượu*, thì không thể có gì để nói với câu “ *tửu mãn tu khuynh...* ” rượu trong ly đã chằm đây... (rồi nghiêng đi mà nói với trăng à) mà phải uống cho say chứ !

5. Câu *Như kính HÁ ngân lưu*, theo ngữ pháp tiếng Tàu câu này phải đọc là *Như kính HẠ ngân lưu*. Nói theo ngữ pháp hiện đại thì *hạ* ở đây không phải là động từ (Verb), nên đọc là *HẠ*, còn nếu là động từ thì đọc là *HÁ* như trong câu 16 “ *Tạc dạ kim phong HÁ kim khuyết* ”.

6. Câu 7 : *bàng bạc*. Xin cám ơn bác, chữ này dùng không đúng. Nên tìm chữ nào chỉ ánh trăng trong hơn là dùng *bàng bạc*.

Xin bác cứ tiếp tục chỉ giáo, tôi nghĩ rằng tôi đã không “ hành hình ” văn chương của họ Cao mà trái lại làm sáng tỏ thêm cách hiểu về bài thơ này.

Kính.

Nguyễn Hữu Vinh (Đài Bắc, Đài Loan)

Đôi lời của toà soạn

Nguyễn Hữu Vinh làm tin học ở Đài Loan. Anh thích dịch thơ Hán văn và chúng tôi đã có dịp giới thiệu những bài thơ anh dịch Ứng Bình Thúc Dạ Thị. Vừa qua, một biên tập viên Diễn Đàn theo dõi diễn đàn VNSA trên mạng internet, thấy thích bản dịch bài thơ Cao Bá Quát, nên đã đề nghị với Nguyễn Hữu Vinh gửi đăng Diễn Đàn. Chúng tôi đăng nguyên tác và bản dịch (và sẽ tiếp tục như vậy) không ngoài mục đích cổ vũ nỗ lực của các bạn trẻ say mê vốn cổ văn học Việt Nam và tin rằng điều này được sự tán thành và giúp đỡ của các bậc hán học cao tuổi đang lo rằng trong thế hệ trẻ không còn người tiếp nối.

Diễn Đàn xin thành thực cảm ơn ông Nguyễn Hữu Thành vẫn kiên tâm “ nhặt sạn ” cho tờ báo và xin lỗi độc giả và tác giả về những chỗ đánh máy sai do lỗi của toà soạn. Nhân tiện, cũng xin ông vui lòng “ nhặt ” luôn cho chữ “ khoa bảng ” trong thư. Là một bạn đọc trung thành của Diễn Đàn, ông thừa biết chúng tôi quá tự trọng để dám nhận danh từ đó, cũng như ông biết rõ trình độ chữ Hán của chúng tôi “ cao ” tới đâu. Mỗi lần lên khuôn, chúng tôi thường nhắc nhở nhau sửa lỗi “ *kẻo ông Nguyễn Hữu Thành lại gửi thư nhặt sạn cho mà coi* ”. Nói vậy, mỗi lần nhận được thư ông, chúng tôi lại đọc với tất cả sự quý mến. Và biết ơn sự quan tâm tỉ mỉ của bạn cố tri.

TIN TỨC

Quốc hội, kỳ họp cuối năm

Sáng ngày 25-12, kỳ họp thứ 10 của Quốc hội khoá X đã bế mạc sau hơn một tháng làm việc. Đây là kỳ họp áp chót trong khoá, và cuộc bầu cử QH khoá XI sẽ được tiến hành trong tháng 5 tới, hai tháng sớm hơn kỳ hạn. Quyết định này là một trong những điều khoản được thông qua trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, nhằm khai mạc kỳ họp đầu của khoá tới vào đầu hè 2002, tránh tháng 9 là tháng có nhiều diễn biến thời tiết không thuận lợi ở nhiều vùng trong nước. Kỳ họp cuối của QH khoá X như vậy cũng sẽ được tiến hành sớm hơn thường lệ (vào tháng 2 hoặc 3.2002 ?).

Ngoài việc thảo luận các vấn đề về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, ngân sách Nhà nước năm 2001 và 5 năm 1996-2000, QH đã phê chuẩn Hiệp định thương mại Việt - Mỹ (xem tin dưới đây), sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, thông qua Luật tổ chức Quốc hội (sửa đổi), Luật tổ chức Chính phủ (sửa đổi)...

Về nội dung sửa đổi hiến pháp, theo bài diễn văn bế mạc kỳ họp của ông Nguyễn Văn An, chủ tịch QH, “trọng tâm là sửa đổi, bổ sung những vấn đề về tổ chức bộ máy nhà nước; đồng thời sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân... nhằm thể chế hóa kịp thời các nội dung mới đã được Nghị quyết Đại hội IX của Đảng xác định.” Các nhà báo nước ngoài theo dõi kỳ họp đã chú ý đến hai nội dung trong những sửa đổi này : một điều khoản cho phép quốc hội đưa ra thảo luận và bỏ phiếu tín nhiệm hay không tín nhiệm “tất cả những người giữ các chức vụ do QH bầu và phê chuẩn” (nghĩa là, kể cả chủ tịch nước, thủ tướng...); và các điều khoản bảo đảm cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh không bị phân biệt đối xử. ĐĐ sẽ trở lại những điểm này khi có văn bản chính xác hơn.

Nông dân và nhà nước

Trong hai tuần đầu của kỳ họp quốc hội, có 621 nông dân từ nhiều tỉnh, thành đã kéo về Hà Nội đứng trước quốc hội hoặc nhà của các lãnh đạo, để khiếu kiện, đòi trung ương giải quyết chủ yếu là những vấn đề liên quan đến đất đai. Theo quan sát của các nhà báo quốc tế, cảnh sát và công an mặc thường phục không tìm cách đuổi họ đi.

Trong ngày 8.12, phó thủ tướng Nguyễn Công Tạn đã trả lời chất vấn của các đại biểu Quốc hội về vấn đề này.

Khi nguyên bí thư tỉnh uỷ Đắc Lắc nêu câu hỏi : “Tôi thấy nhiều người đứng dọc đường đến QH, làm cho cán bộ địa

phương chúng tôi phải suy nghĩ là ngay ở trung ương cũng không giải quyết được thì địa phương rất khó”, ông Tạn đáp lại : “Nếu địa phương làm thật tốt thì dân có kéo lên trung ương không ?” Ông Tạn kể ra vài tỉnh không có người kéo lên trung ương khiếu kiện vì, theo ông, địa phương “giải quyết tốt khiếu kiện từ xã, huyện”. Ông nói tiếp, “Nếu dân ở tỉnh nào kéo lên trung ương khiếu kiện thì phải kỷ luật bí thư, chủ tịch tỉnh đó, và dân ở tỉnh nào kéo lên đông thì chủ tịch tỉnh phải lên đón dân về”, và kết luận, “Xử lý khiếu kiện quan trọng nhất vẫn là chúng ta. Bởi nếu tất cả đều làm tốt thì không có khiếu kiện như thế này và nếu có thì cũng không gay gắt như hiện nay. Do đó, đã sai thì phải nhận, đã nhận thì phải sửa, đã sửa thì sửa cho nghiêm túc”. (Lời bàn của người đánh máy : Hay quá, nhưng cái sai từ cơ bản là chính sách độc quyền của đảng, là nguồn chính của những cái sai khác, bao nhiêu người đã chỉ ra mà chẳng thấy đảng nhận ?)

Vẫn theo ông Tạn : “Nhân dân phải biết luật và làm theo luật. Những người lợi dụng khiếu kiện để vi phạm pháp luật cũng phải bị xử lý. Hiện nay, trong số hơn 600 người về Hà Nội khiếu kiện, các đồng chí có trách nhiệm đã chỉ cho tôi có ít nhất là 14 người chuyên làm cò mồi, kích động. Đây là hành vi không thể chấp nhận được”. (Phó thủ tướng có hỏi các đồng chí có trách nhiệm tại sao những người chuyên làm cò mồi, kích động ấy vẫn cứ hành động nghề của họ không ?)

Ngày hôm trước, trong một buổi thảo luận có truyền hình, ông Tạn đã cho biết trong năm nay trung ương đã nhận được 18 000 đơn và tiếp 470 đoàn đại biểu của nông dân lên khiếu kiện. Theo ông, trước đây họ đi riêng lẻ, gặp nhau mà thành đoàn, bây giờ có những đoàn được tổ chức hẳn hoi, với những mục tiêu rõ rệt.

Trả lời chất vấn của một đại biểu Quốc hội về vấn đề thị trường nông sản, ông Tạn thừa nhận “thiếu sót lớn của Chính phủ là dự báo rồi mà không thông tin được tới dân”. và tuy chính phủ cũng muốn “dự báo xa và chuẩn xác hơn, song đây là việc khó bởi thị trường thế giới có nhiều biến động.”. Theo ông, “phải đa dạng hóa, đa phương hóa bán hàng. Các bộ đã có bộ phận chuyên trách thông tin và sẽ có mạng lưới cung cấp xuống người dân”. (VNExpress 8.12, Reuters 7 và 8.12, Lao Động 10.12.2001)

Hiệp định thương mại Việt - Mỹ có hiệu lực

Sau khi được quốc hội Hoa Kỳ và quốc hội Việt Nam thông qua (lần lượt vào các ngày 18.10 và 7.12), và nguyên thủ hai nước ký phê chuẩn, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đã chính thức có hiệu lực vào thời điểm 15 giờ ngày 10.12.2001 (giờ Washington, tức 3 giờ sáng ngày 11.12, giờ Hà Nội), khi bộ trưởng Thương mại Vũ Khoan và đại diện Thương mại Hoa Kỳ Robert Zoellick trao đổi thư phê chuẩn hiệp định của Chính phủ hai nước.

Theo hiệp định này, tất cả các loại hàng hóa VN (hàng dệt - may, giày dép, đồ gỗ, đồ điện gia dụng, điện tử, hàng thủ công mỹ nghệ v.v.) xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ từ ngày 10.12.2001 trở đi sẽ được hưởng mức thuế quan tối huệ quốc. Mức thuế này trung bình chỉ còn 3 % so với mức thuế quan trung bình 40 % trước đây khi không có tối huệ quốc.

Trong cuộc thảo luận để thông qua nghị quyết phê chuẩn hiệp định, nhiều vấn đề luật pháp đã được các đại biểu QH nêu ra. Trả lời chung của bộ trưởng Tư pháp Nguyễn Đình Lộc là " *Pháp luật của ta phải được điều chỉnh cho phù hợp. Bộ Tư pháp có trách nhiệm xem xét, rà soát văn bản, văn bản nào huỷ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới. Hiện nay mới chỉ tiến hành rà soát ở cấp T.Ư, chưa rà soát văn bản do địa phương ban hành trong khi địa phương ban hành rất nhiều văn bản.* "

Ngoài ra, ông Lộc cũng đề cập tới nhiều vấn đề khó khác cần được xử lý, đó là cơ quan giải quyết tranh chấp, là vấn đề luật sư, là yêu cầu minh bạch và trong sáng của các thủ tục pháp lý... Theo ông Lộc, " *ta không công bố bản án và kể cả các thông tư, nghị định cũng ít công bố trên báo. Vậy ta phải làm thế nào để những quy định đó đến được với người thi hành. Để thực hiện được tính minh bạch và trong sáng của hiệp định, sẽ động chạm đến cả bộ máy, cơ chế ta đang quen thuộc.* "

Chiều 28.11, trong cuộc họp báo quốc tế thông báo việc Quốc hội thông qua hiệp định, bộ trưởng Thương mại Vũ Khoan cho rằng " *Giờ đây, việc quan trọng nhất là xúc tiến hàng loạt công việc để nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hoá, đẩy mạnh đào tạo nhân lực để hội nhập thương mại thế giới.* "

Theo ông Khoan, việc thông qua HĐTM là một bước quan trọng để Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), bởi " *HĐ được thiết kế trên những nguyên tắc cơ bản của WTO.* ". Ngày 29.11, ông Mike Moore, giám đốc WTO, đã tới thăm và làm việc tại VN về vấn đề này. Trong buổi hội

đàm với thủ tướng Phan Văn Khải ngày 30.11, ông Moore đã hứa sẽ làm hết sức mình giúp Việt Nam sớm gia nhập WTO theo tiến độ mà Việt Nam định ra. Tuy nhiên, theo ông Moore, việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO trong kỳ họp tới (dự trù vào năm 2003) là thuộc phía Việt Nam. Việt Nam không chỉ phải đàm phán với các cơ quan của WTO mà phải đàm phán song phương với 144 nước thành viên của WTO, do vậy rất cần thời gian. Bỏ lỡ cơ hội nhỏ cũng sẽ kéo dài thêm thời gian gia nhập WTO của Việt Nam.

Trong ngày đầu tiên của phiên họp thường kỳ cuối năm (28.12), chính phủ đã dành phần lớn thời gian để trao đổi về chương trình tổ chức triển khai thực hiện Hiệp định thương mại Việt - Mỹ. Bộ trưởng Thương mại Vũ Khoan đưa ra 9 việc cần phải làm ngay.

Cụ thể: phổ biến hiệp định bằng cách xuất bản và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, giới thiệu rộng rãi toàn văn hiệp định; gợi ý những việc cần làm kể cả lộ trình thực hiện các cam kết nhằm giúp các bộ ngành, địa phương nắm vững nội dung hiệp định để chỉ đạo thực hiện; tổ chức các cuộc hội thảo với sự tham gia của các chuyên gia Việt Nam, Mỹ... Về lộ trình mở cửa thị trường, Việt Nam sẽ mở cửa từng bước cho các ngành hàng và dịch vụ của Mỹ trong khi các ngành dịch vụ của ta có thể thâm nhập tự do thị trường Mỹ ngay sau khi hiệp định có hiệu lực.

Cũng trong phiên họp này, chính phủ đã thông qua dự án pháp lệnh đối xử tối huệ quốc và đối xử quốc gia trong thương mại quốc tế, dự án pháp lệnh về các biện pháp tự vệ trong thương mại hàng hóa với nước ngoài...

(tổng hợp tin báo chí trong nước)

Độc báo trong nước

Chuyện trong kỳ họp Quốc hội - Những câu hỏi hay

Vì sao nạn tham nhũng không giải quyết được ?

Đó là câu hỏi của Phó Chủ tịch QH Mai Thúc Lân trong phiên thảo luận đầu tiên về thực hiện nhiệm vụ năm 2001. Ông nói : " Vấn đề chống tham nhũng, trên diễn đàn QH này, từ khoá VIII, IX, X đến nay chúng ta liên tục lên án và nói nhiều về chống tham nhũng, nhưng vì sao tham nhũng không giải quyết được ? ".

Tại sao không bớt xây trụ sở để xây bệnh viện và trường học ?

Đó cũng vẫn là ý kiến của Phó Chủ tịch QH Mai Thúc Lân : " Có ý kiến cho rằng bây giờ đề nghị cắt đi khoảng từ 20-30 % chi hành chính, chi xây trụ sở, mua phương tiện đắt tiền và chi mua ô tô để tập trung chi cho giáo dục, y tế và khoa học công nghệ. Quốc hội có thể ra một nghị quyết như vậy không ? (...) Bây giờ ở đâu cũng chi hành chính tăng lên, cũng ô tô, cũng phương tiện đắt tiền, cũng xây trụ sở, trong khi đó trường học, bệnh viện đều thiếu. Xin báo cáo với các đồng chí là một bệnh viện như bệnh viện chữa ung thư ở Hà Nội, nếu vào chúng ta thấy vô cùng khổ sở. Nếu chúng ta bớt xây trụ sở và bớt đi mua ô tô thì chúng ta có thể cung cấp cho các bệnh viện phương tiện hiện đại hơn và phục vụ cho dân được tốt hơn ".

Tại sao chỉ vốn cho doanh nghiệp nhà nước (DNNN) tăng một cách không bình thường ?

ĐB Nguyễn Thị Thu Hồng (Thừa Thiên - Huế) nêu ra các ví dụ : " Năm 1999, dự toán 200 tỉ, chi 700 tỉ ; năm 2000 dự toán 200 tỉ, thực chi 1 086 tỉ ; năm 2001 dự toán 200 tỉ, chi 900 tỉ. Bình quân tăng 450 % so với dự toán đã được QH thông qua ".

Cải cách hành chính nhưng tại sao chi hành chính lại tăng ?

ĐBQH Vũ Trọng Kim đặt vấn đề : " Khoản chi ngoài sự kiểm soát của QH còn quá lớn (7 970 tỉ). Về khoản chi khác (303 tỉ) tính vượt kế hoạch là 42%. Vô lý là khi chúng ta đang cải tiến hành chính thì chi phí quản lý hành chính lại tăng lên (?). Trong khi đó quốc phòng, an ninh quan trọng như vậy thì chỉ chi vượt có 2-3 % dự toán mà thôi. Câu hỏi đặt ra là chi ngân sách như thế có dễ dãi quá không ? ". (theo L.T.H., báo Lao Động 26.11.2001)

Lời bàn của người đánh máy : *Tác giả bài báo viết đây là " những câu hỏi hay ". Nhưng đến bao giờ thì nhà cầm quyền mới có " những câu trả lời hay " ? Và đến bao giờ thì những câu hỏi loại này không còn cần đặt ra nữa, hoặc chỉ còn chiếm một vị trí thấp trong bậc thang nhức nhối của những vấn đề mà những người cầm quyền cần phải tập trung lo toan ? Dự cùng mới biến, và biến mới thông ?*

Cắm cột mốc đầu tiên trên biên giới Việt - Trung

Lễ khánh thành cột mốc đầu tiên trên biên giới Việt - Trung đã diễn ra ngày 27.12.2001 ở hai đầu cầu Bắc Luân tại thị xã Móng Cái (VN) và thị trấn Đông Hưng (TQ).

Mốc biên giới này cao 2,2 m, rộng 50 cm và được làm bằng đá hoa cương, trên đó có gắn quốc huy hai nước.

Theo ông Trần Công Trục, trưởng ban Biên giới, bộ Ngoại giao VN, khoảng 1.400 cột mốc sẽ được cắm dọc đường biên trên bộ dài 1.350 km. Công việc dự kiến sẽ hoàn tất trong vòng ba năm tới.

Năm ngoái, Quốc hội hai nước đã phê chuẩn hiệp định về biên giới trên đất liền, ký tại Hà Nội ngày 30.12.1999, sau gần 20 vòng đàm phán.

Về ranh giới trên biển, hai bên đã đàm phán vòng thứ sáu tại Bắc Kinh ngày 17 và 18.12.2001 để đi đến thiết lập một vùng an toàn và ổn định trên vùng biển Đông. Theo Việt Nam Thông tấn xã thì hai bên “*đã hiểu quan điểm của nhau hơn*” và có khả năng đi đến một giải pháp cơ bản lâu dài thoả đáng cho hai nước. Vòng đàm phán thứ bảy về ranh giới biển sẽ tiến hành tại Việt Nam. (Kyodo News Service 20.12, VNExpos 28.12.2001)

Các nhà tài trợ cam kết ủng hộ Việt Nam 2,4 tỷ USD

“*Đi đến kết quả này bởi các nhà tài trợ đều thống nhất đánh giá, năm qua Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc thực hiện chương trình cải cách kinh tế vĩ mô và cơ cấu rộng lớn cần thiết cho khôi phục tăng trưởng và giảm bớt đói nghèo*”, ông Andrew Steer, giám đốc Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam và là đồng chủ tịch Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho VN khẳng định như vậy sau hội nghị các nhà tài trợ họp tại Hà Nội hai ngày 7 và 8.12. Theo ông, Việt Nam được coi là nước “*an toàn nhất*” ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương giữa lúc tình hình chung không mấy sáng sủa, và do đó cần “*nắm lấy cơ hội, mau chóng hành động để tăng khả năng cạnh tranh và chiếm lĩnh được vị trí tốt*”. Ông A. Steer nhận định tiếp : “*Một trong những lợi thế của VN là năng lực tiềm tàng, lòng hăng hái và tính cần cù của nhân dân. Giải phóng được năng lực tiềm tàng ấy là điều cốt yếu để mở đường vào thịnh vượng.*”

Thay mặt các nhà tài trợ, ông Steer đã đề xuất rất nhiều ý kiến về những cải cách mà VN cần tiến hành. Như cải tổ quy chế đầu thầu ; cho phép khấu trừ toàn bộ các chi phí quảng cáo ; cho phép đàm phán hợp đồng lao động tự do ; chống tham nhũng và tăng lương cho công chức ; thực hiện quyền sở hữu trí tuệ... Trong khi cải cách trong khu vực tư nhân được đánh giá là tương đối tốt thì Ngân hàng Thế giới đồng thời cho rằng, cải cách doanh nghiệp nhà nước còn “*cực kỳ chậm*”. Đến tháng 11, mới chỉ có 120 doanh nghiệp hoàn thành cổ phần hoá (chưa bằng 50% năm 2000). Theo ông Edouard A. Wattez, điều phối viên thường trú chương trình phát triển LHQ tại Việt Nam, cải cách là vấn đề mang tính quyết định, và phải “*xây dựng nền quản lý nhà nước hiện đại*”.

Các nhà tài trợ cũng tỏ ý hoan nghênh các nỗ lực giảm nghèo đói của VN, nhưng nhấn mạnh thêm là chương trình giảm nghèo “*cần được kết hợp chặt chẽ với chương trình phát triển kinh tế và xã hội, vì nếu không có tăng trưởng kinh tế thì mức sống chung không thể được cải thiện*”. (Theo Thanh Niên 8.12, UPI 10.12.2001)

Một chuyến đi không đúng lúc

Phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã đi thăm chính thức Mỹ từ ngày 9 đến 14.12 với mục đích ‘*tăng cường giao thương song phương*.’ Cùng đi với ông, có bộ trưởng Thương mại Vũ Khoan, bộ trưởng Kế hoạch & Đầu tư Trần Xuân Giá, bộ trưởng Xây dựng Nguyễn Mạnh Kiểm. Đây là chuyến thăm đầu tiên của một lãnh đạo cao cấp VN tới Mỹ kể từ khi chính quyền của Tổng thống Bush lên nắm quyền. Ngoài ra, còn có đại diện của nhiều doanh nghiệp trong nước.

Theo tin của các báo trong nước trước chuyến đi, ngoài các cuộc gặp với các lãnh đạo cao cấp của chính phủ và quốc hội Mỹ tại Washington, đoàn sẽ tới New York, San Francisco và có hàng loạt cuộc tiếp xúc với cộng đồng doanh nghiệp tại các thành phố này. Tuy nhiên, theo đánh giá của Tạp chí Kinh tế Viễn Đông (FEER), số ra ngày 20.12, chuyến đi đã được thực hiện trong một thời điểm không thuận lợi, giữa khi các quan chức cao cấp của Nhà Trắng đang bù đầu vào cuộc chiến tranh Afghanistan, và quốc hội thì lo chạy đua với thời gian để hoàn thành chương trình kỳ họp trước lễ giáng sinh. Kết quả là ông Dũng chỉ gặp được bà Condoleezza, cố vấn an ninh và các ông Richard Armitage, thứ trưởng ngoại giao, Donald Evans, bộ trưởng thương mại và Robert Zoellick, đại diện thương mại.

Ngoài các cuộc hội đàm chính thức, ông Dũng đã tham dự ba diễn đàn lớn về quan hệ kinh tế Việt-Mỹ, một ở Washington, một ở New York và một ở San Francisco, đi thăm trường đại học John Hopkins (Washington), công ty viễn thông Intel, trung tâm điện tử nổi tiếng Silicon Valley, cắt băng khai trương Văn phòng Đại diện Hàng không Việt Nam tại khu vực Bắc Mỹ (San Francisco). Tại Washington, ông đã chứng kiến lễ ký hợp đồng mua-bán máy bay giữa tổng công ty Hàng không Việt Nam và hãng chế tạo máy bay Boeing của Mỹ, lễ ký Tuyên bố chung hợp tác trong việc bảo vệ môi trường giữa bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường với Cơ quan bảo vệ môi trường Mỹ. Tại New York, ông đã đến hiện trường Trung tâm Thương mại thế giới, chia sẻ sự cảm thông sâu sắc trước những mất mát mà đất nước và người dân Hoa Kỳ, đặc biệt là người dân thành phố New York phải gánh chịu do thảm họa ngày 11-9 gây ra.

Dự thảo thay đổi tên miền của các ISP

Các nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) như FPT, Netnam, VDC, Saigonnet vừa nhận được bản dự thảo về việc thay đổi tên miền do Trung tâm Thông tin mạng Internet Việt Nam (VNNIC) - cơ quan quản lý tài nguyên Internet - cung cấp. Theo đó, tên miền cấp 2 hiện tại phải chuyển sang cấp 3, có tên miền cấp 2 chung phân theo các lĩnh vực như *com.vn* (kinh doanh thương mại), *edu.vn* (giáo dục - đào tạo), *gov.vn* (tổ chức chính trị phi lợi nhuận)... Ví dụ như *Netnam.vn* sẽ chuyển sang *Netnam.com.vn* hoặc *Vnn.vn* sẽ chuyển sang

Vnn.com.vn... Nguyên nhân được nêu trong dự thảo là “ do Internet ngày càng phát triển, đa dạng về dịch vụ, phong phú về hình thức và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế, kéo theo sự điều chỉnh một loạt chính sách của ICANN tác động đến chính sách quản lý Internet của các quốc gia ”. Tuy nhiên nhiều ISP cho rằng sự thay đổi này không cần thiết vì tên miền càng ngắn càng dễ nhớ và thiệt hại của sự thay đổi này sẽ rất lớn. Khi nhận được bản dự thảo này, các ISP đồng loạt phản ứng, cho rằng : Lý do và nội dung nói trên của bản dự thảo là không xác đáng, sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho các ISP và 250.000 người sử dụng Internet. Theo một quan chức của Công ty FPT thì việc thay đổi này sẽ làm cho các ISP mất đi thương hiệu mà họ đã đầu tư hàng triệu USD để quảng cáo. Tính riêng *www.fpt.vn*, trong 4 năm qua, FPT đã chi gần 500.000 USD để quảng bá ở Việt Nam và quốc tế. Theo thông báo của Tổ soạn thảo quyết định thay đổi tên miền, thời hạn góp ý về việc này phải xong trước ngày 13-12. Nhưng đến ngày 7-12, tất cả các ISP đều không đồng tình với việc sẽ quy định thay đổi tên miền và khẳng định : “ *Quyền chuyển đổi tên miền không thể phụ thuộc vào VNNIC mà là quyền của doanh nghiệp vì tên miền là tài sản và quyền lợi của họ* ”. (Báo Lao động 8.11.2001)

Phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh

Theo đề nghị của chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 7.9.2001, thủ tướng Phan Văn Khải đã ký một nghị định “ *phân cấp quản lý nhà nước* ” cho Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân thành phố trên một số lĩnh vực về “ *quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và phát triển kinh tế, xã hội ; quản lý nhà, đất và hạ tầng kỹ thuật đô thị ; ngân sách nhà nước (liên quan tới thành phố) ; bộ máy và quản lý cán bộ, công chức.*”

Theo nghị định việc phân cấp này “ *nhằm để cao trách nhiệm và tạo điều kiện phát huy tính chủ động, sáng tạo để giải quyết kịp thời các vấn đề đặt ra thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND, UBND thành phố, khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của thành phố trong phát triển kinh tế - xã hội, tương xứng với vị trí, vai trò của Thành phố đối với cả nước và khu vực.*”

Nghị định nêu rõ một số nguyên tắc phải tuân thủ và quyền hạn được phân cho thành phố trong các lĩnh vực nói trên, như “ *quyết định các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn trong nước, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn do thành phố quản lý, trừ những dự án có nguồn vốn ODA, vốn tín dụng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính bảo lãnh ; phê duyệt kế hoạch đầu tư, tiêu chuẩn xét thầu, kết quả đấu thầu, chỉ định các gói thầu đối với các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố...*”

Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 27.12.2001. Đây có thể là một thử nghiệm tiến tới việc nhà nước trao nhiều quyền tự chủ về kinh tế hơn cho các địa phương ?

Việt Nam đứng đầu thế giới về xuất khẩu hạt tiêu

Theo hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam thì tiêu sẽ là món hàng then chốt để kiếm ngoại tệ trong 10 năm tới. Sản lượng tiêu

đen sẽ được nâng từ khoảng 60 000 tấn năm nay lên tới 150 nghìn tấn năm vào năm 2010. Theo nguồn tin từ bộ thương mại, lượng hạt tiêu xuất khẩu của VN trong năm nay đạt 56 000 tấn, con số này bao gồm cả phần hàng tồn kho năm 2000. Việt Nam như vậy đã vươn lên chiếm vị trí số một trong các nước xuất khẩu hạt tiêu.

Đầu năm nay, hiệp hội Hồ tiêu quốc tế ước lượng sản lượng tiêu xuất khẩu trên toàn thế giới có thể lên đến 183 000 tấn, với ba nước chủ chốt là Ấn độ, Indonesia và Việt Nam.

Tuy nhiên, tiêu Việt Nam hiện còn thấp về chất lượng, vì thiếu thiết bị sấy khô, phải phơi ngoài trời, nên tuy mức yêu cầu của thị trường thế giới tăng, tiêu Việt Nam khó có khả năng thâm nhập các thị trường cao giá như Mỹ, Tây Âu. Năm nay, giá tiêu xuất khẩu của VN đạt 1 600 USD/tấn. Việt Nam hiện bán tiêu thô cho Singapore, Hồng Kông và Hà Lan để các nước này chế biến và tái xuất ra thị trường quốc tế.

Ngoài tiêu, hạt điều cũng là một sản phẩm nông nghiệp mạnh thế của VN. Năm nay, sản lượng điều đạt 140 000 tấn, trong đó có 35 000 tấn được xuất khẩu, đạt kim ngạch 110 triệu USD. (theo Nhân dân điện tử 26.12, Reuters 21.12.2001)

Tình hình đầu tư khá hơn

Theo bộ Kế hoạch và Đầu tư, từ đầu năm đến ngày 20.12.2001 có 461 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, với tổng số vốn gần 2,2 tỷ USD, đã được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam. Trong số dự án này, các ngành công nghiệp chiếm 327 dự án với tổng số vốn trên 1,6 tỷ USD.

Những địa phương nhận vốn đầu tư cao nhất là Bà Rịa-Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương và Hà Nội.

Theo đánh giá của bộ, năm nay tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục có dấu hiệu khởi sắc, các chỉ tiêu cơ bản đều tốt hơn so với năm 2000 : vốn thực hiện đạt khoảng 2,3 tỷ USD (tăng khoảng 3%), doanh thu đạt 7,4 tỷ USD (tăng 6%), xuất khẩu đạt 3,6 tỷ USD (tăng 9%), nhập khẩu tăng 8%, số lao động tăng 5%.

Hiện nay trên toàn lãnh thổ Việt Nam có 3 044 dự án có vốn đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng số vốn 37,6 tỷ USD, trong đó có 1 499 dự án với số vốn 20,6 tỷ đã đi vào sản xuất kinh doanh, 769 dự án với tổng vốn 11,1 tỷ đang trong quá trình xây dựng cơ bản, các dự án còn lại đang làm thủ tục hành chính.

Đầu tư nước ngoài đã tạo việc làm cho 399 000 người lao động trực tiếp.

Gần 30 % những người phá thai là những em vị thành niên

Năm nay Việt Nam có khoảng từ 1 triệu đến 1,4 triệu người phá thai, trong số này những người vị thành niên chiếm tỷ lệ từ 20 đến 30 %.

Theo báo Thanh Niên, bác sĩ Nguyễn Tuấn Anh thuộc bộ Y tế cho biết phần đông các em này phá thai tại các nhà thương tư, với độ hiểm nguy cao. Lý do, theo ông, là vì những nhà thương công không có đủ dịch vụ và các bác sĩ ở đây có thành kiến với tình trạng của họ.

Để khắc phục tình hình này, bộ Y tế đang đề ra một dự án nhằm khuyến khích các em vị thành niên đến các trung tâm y tế chính thức để được chăm sóc và được giáo dục về việc bảo quản sức khoẻ.

Ủy ban quốc gia về Dân số và Kế hoạch gia đình cho biết chính phủ cũng đã chấp thuận kế hoạch sinh đẻ cho niên khoá 2001-2002, với mục tiêu đưa tỷ lệ sinh đẻ từ 1,4 % hiện nay xuống còn 1,1 %. Cách đây 10 năm tỷ lệ đó là 2,1 %, với số dân 79 triệu. Theo Ủy ban thì kết quả trên đã đạt được nhờ những phương pháp kế hoạch gia đình và những đợt giáo dục liên tiếp. Chính phủ cũng đặt mục tiêu từ đây đến năm 2010 phải giảm bớt một nửa con số những người phá thai. (AP 13.12.2001)

Bị phạt tù vẫn lên chức

Ông Hồ Trọng Khải, sau khi bị phạt tù vì tội buôn bán hàng cấm, hàng giả, được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty Xây dựng đề kè thủy lợi Hưng Yên. Khi tiền án bị phát giác, ông tiếp tục được lên chức Phó chi cục trưởng Chi cục Phòng chống lụt bão và Quản lý đê điều. Năm 1997, sau khi nhà nước thành lập Công ty Xây dựng đề kè thủy lợi Hưng Yên, ông Hồ Trọng Khải được bổ nhiệm làm giám đốc. Do có nhiều đơn thư tố giác của nhân dân, Tỉnh ủy Hưng Yên đã điều tra và xác nhận ông Khải từng bị Tòa án quân sự Không quân tuyên phạt 22 tháng tù và bị tước quân tịch vì tội buôn bán hàng giả, hàng cấm. Ông Khải đã móc nối với đơn vị cũ làm hồ sơ giả để chuyển ngành về cơ quan nhà nước. Khi xin vào Đảng, ông đã không khai báo trong lý lịch về sự việc này. Ban thường vụ Tỉnh ủy quyết định khai trừ ông Khải ra khỏi đảng, UBND tỉnh cũng quyết định cách chức giám đốc. Sau đó, quyết định khai trừ đảng giảm xuống còn... cảnh cáo. Cuối tháng 10.2000, Tỉnh ủy Hưng Yên ra thông báo "vẫn giữ nguyên hình thức kỷ luật về chính quyền (cách chức giám đốc công ty) đối với ông Khải". Nhưng tiếp theo, bằng một quyết định khác, ông Khải được bổ nhiệm giữ chức Phó chi cục trưởng Chi cục Phòng chống lụt bão và Quản lý đê điều của tỉnh. (Theo Lao Động 20.11.2001)

Hà Nội trồng lại cây xanh

Hà Nội vài năm nữa có thể sẽ chỉ còn “*cây cơm nguội vàng, cây bàng lá đỏ*” trong bài hát mùa thu tuyệt đẹp của Trịnh Công Sơn (và giọng hát lưu luyến mãi của Hồng Nhung).

Thật vậy, theo một bài báo trên tờ **Hà Nội Mới** về việc trồng lại cây xanh cho thủ đô (xem Nhân dân điện tử 21.12.2001), “*một số loại cây cũ thời gian qua đã bộc lộ nhiều nhược điểm*” và cần phải loại bỏ. Như cây xà cừ (chiếm tỷ lệ 28% số lượng cây trồng trên phố), có bộ rễ chùm quá lớn, rất tốn đất trong khi không đủ sự vững chắc; cây bàng vì có nhiều sâu róm; cây *cơm nguội* vì hay bị các loài tằm gửi sống ký sinh dẫn đến tình trạng dễ bị sâu mục, không an toàn cho người đi đường. (bài báo không nêu câu hỏi tại sao không xử lý được cây có sâu hay tằm gửi mà lại phải chặt nó !)

Theo bài báo, Hà Nội hiện nay có tất cả 200 nghìn cây xanh, thuộc 150 loài cây có bóng mát. Cây xanh Hà Nội được tập trung chủ yếu trong khu Hoàn Kiếm, Ba Đình. Các quận còn lại, cây không nhiều, lý do chính là thiếu không gian trong việc bố trí cây. Các phố ‘lý tưởng’ như Phan Đình Phùng, Hoàng Diệu, Trần Phú, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt... quanh năm xanh bóng mát nhưng tầm nhìn lại rất thoáng bởi những hàng cây cao, lá xanh quanh năm. Ngoài ra, các phố mới có hàng cây đẹp là phố Nguyễn Khuyến, Đại Cồ Việt.

Tỷ lệ cây xanh Hà Nội hiện nay là 4m²/người. Mỗi năm, Hà Nội trung bình trồng mới từ 1 500 đến 2 000 cây. Tuy nhiên tỷ lệ cây xanh trên đầu người của Hà Nội còn thấp so với những đô thị khác. Theo Công ty Công viên cây xanh Hà Nội, mục tiêu đến hết 2002 mới chỉ là 5m².

Những loại cây sẽ được sử dụng trong tương lai gồm *bàng lẵng, phượng, sưa, sữa, sấu, lát, long não, buồng*. Vào hè, *bàng lẵng* sẽ tím dọc phố Thọ Nhuộm, Ngọc Khánh, Đại Cồ Việt, Hoàng Quốc Việt; *phượng* đỏ phố Lý Thường Kiệt, Thái Thịnh. *Buồng* vàng rực đường Giải Phóng, C2 Thái Hà, đường Chùa Bộc; *hương sấu* diu diu phố Phan Đình Phùng, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Tri Phương. *Sưa* tiếp tục được chăm chút ở phố Nguyễn Du, Phùng Hưng và sẽ ngào ngạt ở đường Trần Khát Chân, đường Láng - Hòa Lạc, đường Đồng Tâm. Đầu xuân, *sưa* nở trắng phố Tôn Thất Tùng, dốc Ngọc Hà.

Xà cừ trên đường Hoàng Diệu sẽ dần được thay thế bằng buồng hoặc sưa...

Bà Tuyết Thanh, Trưởng phòng kế hoạch Công ty Công viên cây xanh Hà Nội nhấn mạnh: “*Mỗi tuyến đường sẽ được trồng riêng từng loại cây theo đúng quy hoạch. Ngoài việc đảm bảo phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, yêu cầu chính là cây phải có gỗ tốt, ít bị sâu mục, ít đổ khi gặp bão, có tán cây và độ phân cành đẹp, cho hoa theo mùa*”.

Album “**Nhật thực**” của Trần Thu Hà gặp rắc rối

Theo báo Thể thao Văn hóa (bản tin VNEpress đưa lại ngày 28.12.2001), cục Nghệ thuật biểu diễn đã đình chỉ việc sản xuất album “**Nhật thực**” của Trần Thu Hà và yêu cầu sửa đổi lời ca một số bài trong album, vì “trần tục quá mức” (lời ông Lê Nam thuộc phòng Quản lý biểu diễn và băng đĩa, cục Nghệ thuật biểu diễn). Tờ báo trích những câu hát:

“*Trần trên cát, chúng mình tìm nhau. / Anh ơi hãy ghi chặt em... / Trên da thịt em thơ ngây, em khát có anh ôm ngực em siết, rồi ghi chặt vắt kiệt nư hân*” (nhạc sĩ Ngọc Đại phổ thơ Vi Thùy Linh).

Bản tin của VASC Orient thì lại trích một bài khác (“Khoảnh thân trong chăn”, cũng thơ của Vi Thùy Linh: “*Thêm chồng. Thêm có chồng ở bên. Chỉ cần anh gối lên đùi. Mình ôm lấy anh, anh ôm mình. Biết sự bình yên của mặt đất...*”.

Vi Thùy Linh sinh năm 1980, đã có hai tập thơ được xuất bản: *Khát* (nxb Thanh Niên, 1999) và *Linh* (cùng nxb, 2000). Diễn Đàn số 111 đã đăng một trang thơ của cô.

Theo ông Lê Nam, xét về pháp lý, *Nhật thực* không vi phạm gì cả, song một số đoạn ca từ đã “*phạm vào không gian văn hóa âm nhạc của người Việt Nam.*” (sic)

Ông Lê Việt Thắng, trưởng phòng Ca múa nhạc, sở VH TT TP HCM, khẳng định: “ *Nếu những ca khúc này xin phép sản xuất và biểu diễn ở trong Nam thì chắc chắn là không được* ”. Hội nhạc sĩ Việt Nam trước đó đã có công văn khẳng định : “ *Phần âm nhạc tìm tòi, có chỗ thành công nhưng cũng có đoạn chưa đạt. Còn về ca từ thì tập thơ đã được xuất bản nên đề nghị cho sản xuất và phát hành* ”. Kết cục chưa ngã ngũ.

Văn Hùng Cường biểu diễn tại TP HCM

Đêm nhạc, được tổ chức tại Nhạc viện TP HCM ngày 22.11.01, mở đầu với lễ trao bằng khen của thủ tướng chính phủ cho nhạc sĩ Văn Hùng Cường “ *đã đoạt giải nhất - huy chương vàng WPC 2001 trong cuộc thi piano quốc tế lần 45 do Hội Học bổng âm nhạc Mỹ tổ chức tháng 7-2001* ”, cùng với lời chúc mừng của giám đốc Nhạc viện TP HCM Hoàng Cương dành cho người học sinh xuất sắc của nhạc viện. Sau hai bản Sonata của Beethoven, Cường cùng dàn nhạc của Nhạc viện TP HCM, do Minh Cẩm chỉ huy, trình diễn bản *Concerto n°5 pour piano*, tác phẩm mà Cường đã chơi trong đêm chung kết WPC 2001 và giành huy chương vàng. Là học trò của giáo sư Paul Schenly, Văn Hùng Cường đã trình tấu tác phẩm của Beethoven với một vẻ đẹp mới mẻ, theo kỹ thuật của trường phái Mỹ. (Tuổi Trẻ, 24.11.2001)

Sinh viên Đại học Kiến trúc TP. HCM đoạt giải thưởng quốc tế

Tác phẩm *Hoa phương Nam* của nhóm sinh viên Huỳnh Ngọc Xuyên Vũ, Nguyễn Công Minh, Võ Quang Thi (khóa 98, khoa kiến trúc) và *Đô thị yên tĩnh* của Phạm Tuấn Khanh (khóa 96, khoa kiến trúc, hiện làm việc tại viện Thiết kế - bộ Quốc phòng) đã đoạt giải thưởng danh dự tại cuộc thi “ ý tưởng sinh viên ” khu vực châu Á - Thái Bình Dương do Hiệp hội Kiến trúc quốc tế tổ chức tại Bắc Kinh tháng 11.2001. Nếu như *Hoa phương Nam* mô tả và sắp xếp lại chợ nổi Phụng Hiệp (Cần Thơ) theo một ý tưởng khá độc đáo, thì tác phẩm *Đô thị yên tĩnh* thể hiện ý tưởng “ chấp nhận những sai lầm để thiết kế mới nhằm bảo tồn các kiến trúc cổ ” tại khu vực quận 1, thành phố HCM. Giải nhất cuộc thi này thuộc về một sinh viên Thái Lan. Lần này là lần thi thứ tư được tổ chức, với 170 tác phẩm của sinh viên thuộc 10 quốc gia ở châu Á gửi đến dự thi, trong đó có 11 tác phẩm của VN. (Tuổi Trẻ, 7-12-01)

Xuất khẩu nhà tre

Trên 20 mẫu nhà tre lắp ráp đã được cơ sở Tre Việt (Q. Thủ Đức, TP HCM) xuất khẩu thông qua các công ty thương mại. Đây là những mẫu nhà tre đáp ứng các tiêu chuẩn theo luật về nhà cửa của Mỹ về độ cách âm, độ chịu lực gió, độ thẩm thấu, chống nhiệt, v.v. Được thiết kế đầy đủ phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn, nhà bếp, toilet, các mẫu nhà tre lắp ráp này đang được ưa chuộng và được cấp phép xây dựng tại các bang Florida, Washington và đảo Hawai, giá 1000 USD/m². Nhà tre có các kiểu mái lợp bằng rạ, lá dừa, tre với ván sàn và vách được làm từ nguyên liệu tre đã qua xử lý mối mọt, dán thành ván gỗ cao cấp. Tre Việt xuất khẩu qua thị trường Mỹ 8-10 container/tháng các mẫu nhà tre và đồ gia dụng gỗ tre. (Tuổi Trẻ, 4-12-01)

Tin Ngắn

* “ *Chẳng lẽ Hà Nội phải nhắc nhở Washington về tự do buôn bán* ” Đó là lời bình luận của tờ The Asian Wall Street Journal (AWST) sau khi tổng thống G.W. Bush thông qua điều luật sửa đổi nhằm cản trở việc xuất khẩu **cá da trơn** của các nước, trong đó có Việt Nam.

* Lượng **kiều hối** chuyển về qua ngân hàng Nhà nước chi nhánh TP Hồ Chí Minh và Công ty Việt kiều trong mười năm qua lên hơn 2,5 tỷ USD và 50 nghìn lạng vàng. Ngoài ra, người Việt ở nước ngoài đã thành lập 476 công ty theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước với vốn pháp định khoảng 700 tỷ đồng (tương đương 46,6 triệu USD)

* Đêm 9.12, kẻ gian đã đột nhập **lấy cắp 197 chiếc** trong tổng số 308 **cổ vật thuộc loại quý hiếm** đang cất giữ trong kho **bảo tàng tỉnh Kon Tum**. Cổ vật là một nổi đồng và 196 chiếc chiêng lớn nhỏ có đường kính từ 0,35 m đến 1,00 m. Ngoài ra còn mất thêm 10 bộ trang phục truyền thống của đồng bào các dân tộc Brâu, Rơ Măm, Giẻ Triêng, Xơ Đăng, Ba Na, Gia Rai, v.v. do các nghệ nhân dệt bằng chất liệu đặc biệt.

* Nhà máy **đóng tàu** Hạ Long đã khởi công thực hiện một con tàu **tải trọng 12 nghìn tấn** theo đơn đặt hàng của một đơn vị vận tải biển và dịch vụ hàng hải trong nước với tổng giá trị đầu tư là 155 tỉ đồng. Tàu được đóng theo thiết kế của Viện Khoa học công nghệ tàu thủy, có chiều dài 136,4m, rộng 22m, cao 10,5m, chiều sâu mớn nước (phần thân tàu chìm trong nước) 7,6m, có thể hành trình tới mọi cảng biển quốc tế.

* Năm 2001 tổng doanh thu **được phẩm** trong cả nước được dự đoán sẽ đạt 2 600 tỷ đồng, tăng 14 % so với năm 2000. **Giá trị tiền thuốc trung bình/đầu người đạt 5,5 USD** nhưng do giá thành thuốc sản xuất trong nước hạ nên lượng thuốc cung ứng cho mỗi người đã tăng lên từ 25 đến 30% so với các năm trước với nhiều chủng loại thuốc hơn.

* Trong chương trình biểu diễn tại VN tối 28.11, dàn nhạc London Festival với sự chỉ huy của nhạc trưởng Ross Pople đã kết hợp với **tài năng trẻ violon Việt Nam Bùi Công Duy** trình diễn bản *Concerto cho violon cung rê trưởng*, opus 35 của Tchaikovsky.

* Từ ngày 28.12.2001 đến ngày 6.1.2002, uỷ ban Thể dục - Thể thao sẽ phối hợp với Quỹ Nhi đồng LHQ và Liên đoàn xe đạp - mô-tô thể thao Việt Nam tổ chức **cuộc đi xe đạp xuyên Việt để cổ động việc phòng, tránh tai nạn cho trẻ em và chống hút thuốc lá**. Dự cuộc đua có 12 vận động viên của Mỹ và sáu vận động viên Việt Nam.

* Theo đề nghị của bộ Văn hóa - Thông tin, phó thủ tướng Phạm Gia Khiêm vừa ký văn bản về việc chính thức lấy ngày **giỗ tổ Hùng Vương** (10-3 âm lịch) hằng năm làm ngày quốc lễ. Cán bộ, công chức sẽ được nghỉ vào ngày này.

* Ngày 4.12, 2 trường ĐH Bách khoa Hà Nội và Kỹ thuật Dresden (Đức) đã công bố **thành lập viện đào tạo và nghiên cứu Việt - Đức**. Số tiền đầu tư xây dựng trụ sở và mua sắm thiết bị là hơn 1 triệu USD. Theo kế hoạch, viện sẽ tổ chức - bắt đầu từ năm 2002 - các khóa đào tạo cao học trong lĩnh vực kỹ thuật điện và chế tạo máy. Học viên sẽ học 2 năm, trong đó 6 tháng cuối thực tập tại ĐH Kỹ thuật Dresden.

“ Làng nổi bán máu ”

“ Làng nổi ” nằm bên bờ sông Đáy (Phủ Lý-Hà Nam), gồm 18 chiếc thuyền kết dính bên nhau, với hơn 100 người chuyên nghề bán máu.

Câu chuyện bắt đầu từ một ông lão của “ làng nổi ” nay đã 79 tuổi, quê Bình Định, ra Bắc năm 1954. Ông đã bán máu trong suốt 47 năm. Ông nói : “ *Trước đây ở bộ đội tôi đã có vài lần hiến máu nhân đạo để cứu sống đồng đội trong trận mạc. Sau đó do nỗi buồn của cuộc sống độc thân lẫn cảnh sống khó khăn, tôi tìm đến làng nổi. Một đời bán máu tự nuôi mình mới đó mà nay tuổi đã già, sức đã yếu.* ”. Một ông lão khác, ông Đ. 70 tuổi, không hề biết đến cha mẹ, đi “ bụi ” từ bé nay không vợ, không con, cũng một mình, một thuyền đơn chiếc. Ông nói : “ *Tuổi tôi muốn bán được máu phải cậy nhờ anh em cả trên bến lẫn dưới thuyền* ”. Chị H. 49 tuổi mà trông như một “ bác gái ” đã về già. Quê chị ở xóm Chiếu, cầu Ông Lãnh, bến Văn Đồn, phường 9, quận 4 TP.HCM. 12 năm gia nhập làng bán máu, chị là người thường vay nợ ăn uống từng ký gạo để đến tháng bán máu trả nợ. Chị H. nêu một ‘định nghĩa’ thật buồn : “ *Người nghèo là người không bán được máu. Và người nghèo nhất là người không còn máu để bán* ”. Hiện “ làng nổi ” có hai người “ hết bán được máu ” vì đã trên 70 tuổi, bốn cháu dưới 10 tuổi thì chưa thể đi bán máu được, còn đa số ai cũng lao vào bán máu (nữ chiếm 61%, nam 12% - theo Công an phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý). Nhưng tương lai của những cháu bé khi qua tuổi lên 10 ? Mẹ của cháu P. chỉ vào con mình nói trong nước mắt : “ *Con nhỏ này cũng sắp phải đi bán máu đấy ! Anh chị nó ngoài bán máu còn phải nhặt đồng nát hoặc đi làm phụ xây mới trụ được cuộc sống không nghề nghiệp này.* ” Trên nguyên tắc, hai tháng mới được bán máu một lần, nhưng trong hai tháng đó có thể đi bán tại 10 “ cửa ” khác nhau, hết Bệnh viện Hà Nam ra Hà Nội, Bắc Ninh, lại vào Thanh Hoá, Vinh, xong quay ra Saint Paul, Thanh Nhân. Phải tìm cách đi lọt 2-3 “ cửa ” bán được nhiều máu mới mong đủ ăn. Muốn cho mau lại máu, người “ làng nổi ” thường ăn cá mè rán, hoặc hút trứng gà sống. Chi tiết này giải thích vì sao trong quán nước, thấy khách thanh niên nam nữ vào, chị bán hàng không cần hỏi han gì, luôn tay đập trứng gà, cứ hai quả cho vào một cốc vại đầy rượu và họ chỉ tu vài hơi là cạn cốc. Họ là những người phiêu bạt từ các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá, Hải Phòng, Hà Tây, Nam Định, Hà Nội về đây cắm chốt. Họ nói : “ *Mỗi lần bán 200ml máu được 150.000 đồng, nhưng số tiền đó không hoàn toàn thuộc về người bán, vì muốn được nhân viên giám định huyết học phê “ khoẻ ”, cũng phải “ đếm ” cho họ !* ” Lại còn phải trừ đi tiền vào “ cửa ” cho cai dẫn cửa, cai cửa, sếp cai (ông bầu có dịch vụ điện thoại để giao dịch), rồi tiền tàu xe, v.v. Mỗi lần đi bán máu về họ chỉ còn khoảng 40 000 đồng mua gạo cho con. Thương tâm nhất là vợ chồng bà L. vừa bán máu, vừa đi ăn xin khắp thị xã mà con vẫn thất học. Vậy mà ở “ làng nổi ” cũng có một “ cô Tấm ”, người duy nhất cự tuyệt nghề bán máu. Cô cặm cùi theo nghề thêu ren để kiếm sống, mỗi ngày cô giúp mẹ được 2000-3000 đồng. Cô vừa học vừa làm, và nhất định theo học tiếp, không chịu bị mù kiến thức ở lớp 5. (Tuổi trẻ Chủ nhật, 25.11.2001)

Hoà bình... (tiếp theo trang 1)

hạn của quân đội Hoa Kỳ, tổng thống George W. Bush đã nói rõ “ *Năm 2002 sẽ là năm chiến tranh* ”. Không có vấn đề “ bất lực ” ở đây. Những cuộc “ chiến tranh tìm diệt khủng bố ” sẽ được kiên quyết tiến hành ở bất cứ nơi đâu, không kể tới những “ thiệt hại bên lề ” - ở Afghanistan, những thiệt hại bên lề trong dân sự ấy đã được các phương tiện truyền thông “ giảm thiểu ” tối đa trên các bản tin. Và dĩ nhiên, không cần thiết phải truy tìm những gốc rễ kinh tế, chính trị hay xã hội của khủng bố...

Không thiếu những lý do khiến cho, hơn lúc nào hết, **hoà bình** đáng và cần trở thành một tâm nguyện tích cực nhất nhân dịp đầu năm này !

Song dĩ nhiên, hoà bình chỉ là tiền đề cho những ước vọng sâu xa về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, với một mức sống mỗi ngày được nâng lên theo những tiến bộ của nền kinh tế. Chưa nói tới toàn cầu hoá, những số phận cá nhân khó tránh khỏi giao thoa với cuộc sống của những người chung quanh, trước mắt là của cộng đồng gần gũi nhất của mình.

Về phần mình, qua hơn hai mươi năm sống trong hoà bình, người Việt Nam đã có dư đủ thời gian để kiểm nghiệm rằng tuy vậy cuộc sống cả về vật chất và tinh thần của mình vẫn chưa được bảo đảm vững chắc. Và những cản trở, đe dọa bây giờ không còn đến từ bom đạn của kẻ thù bên ngoài, mà phần chính lại là từ bộ máy nắm quyền lực chính trị, kinh tế của nước mình. Những cán bộ, công an các cấp, như trong phần lớn những trường hợp tương đương, có người tốt, người xấu. Vấn đề là cái cơ cấu tổ chức quyền lực của xã hội gieo cái cảm giác bất lực, cái cảm giác thấp cổ bé miệng chẳng thể đổi thay được tình thế bất hạnh khi gặp phải, chẳng khác gì ngày xưa dưới thời thực dân, phong kiến. Đòi hỏi công lý, dân chủ, đến từ cuộc sống cụ thể đó. Song song và hỗ trợ cho những đòi hỏi các quyền tự do chính trị, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng... Những quyền tự do, dân chủ đã trở thành một phần cơ bản trong cuộc mưu cầu hạnh phúc của người dân.

Những đòi hỏi đó trong những năm qua càng ngày càng vang lên ở mọi tầng lớp nhân dân, từ thành thị tới nông thôn, rừng núi (mà mỗi kỳ họp quốc hội gần đây đều chứng kiến qua những cuộc biểu tình của nông dân đến từ khắp các tỉnh, từ nam chí bắc). Không chỉ giới hạn trong một số trí thức - mà chính quyền vẫn ương bướng dùng các thủ pháp công an ngăn chặn tiếng nói tự do, làm mất đi mọi khả năng cảnh báo của họ về những biến chuyển xã hội và làm cản trở sự phát triển của một xã hội công dân lành mạnh. Một hậu quả hiển nhiên của chính sách đàn áp thiển cận đó là, dù nhà cầm quyền có lớn tiếng kêu gọi chống tham nhũng năm này qua năm khác, quốc nạn này vẫn cứ mỗi ngày một trầm trọng thêm.

Những tiến bộ về kinh tế đạt được qua hơn mười năm “ đổi mới ” chứng minh là có thể và cần thiết mau chóng có những đổi thay thiết yếu về dân chủ, tự do, làm nền cho những tiến bộ xã hội khác, góp phần bảo vệ cuộc sống hoà bình mà dân tộc ta đã trả giá đắt để đạt được.

Hoà bình, ấm no, tự do, công lý...

Những ước vọng sâu xa nhưng lại cũng rất ở tầm tay. Lời chúc đầu năm xin gửi đến tất cả.

Hoà Văn

Dương Thu Hương nhận giải Prince Claus Awards

Ngày 12 tháng 12 vừa rồi, đại sứ Hà Lan tại Hà Nội đã làm lễ trao tặng nhà văn Dương Thu Hương giải Prince Klaus.

Hôm trước, ngày 11/12/2001, Viện Prince Claus đã tiến hành long trọng lễ trao tặng giải thưởng này tại cung điện Palais Royal, Amsterdam, với sự tham dự của Nữ Hoàng Béatrice, hoàng thân Claus, hoàng tử, đại sứ các nước có người được giải (không có đại sứ Việt Nam) và nhiều nhân vật quốc tế trong lĩnh vực văn học nghệ thuật. Tuy mắc bệnh nặng, hoàng thân Claus chủ tịch danh dự viện Prince Claus đã đọc một diễn văn ngắn, kết thúc bằng một câu rất cảm động : khi bị cuộc đời dày vò mình, xin đừng khóc, hãy cứ sống.

Viện Prince Claus được thành lập năm 1997 với mục đích khuyến khích sự trao đổi giữa những nghệ sĩ và những nhà tư tưởng, hỗ trợ những hoạt động văn hoá, những hoạt động phục vụ sự phát triển. Mỗi năm, viện trao một giải thưởng đặc biệt 100 000 Euros và khoảng 10 giải thưởng khác, mỗi giải 20 000 Euros, cho những người đã cống hiến cao trong những lĩnh vực đó tại Châu Phi, Châu Á, Châu Mỹ Latinh và quần đảo Caraïbe. Đề tài trọng tâm năm nay là nghệ thuật Carnaval.

Viện Prince Claus đã trao giải thưởng đặc biệt cho Stichting Zomercarnaval (Viện Lễ hội mùa hè, Hà Lan) và ông

Peter Minshall (Trinidad).

Mười người được vinh danh lần này là :

Chris Abani, Nigeria/USA ; Dương Thu Hương, Vietnam ; Samuel Fosso, Central African Republic ; Jahan-e Ketab, Iran ; Mehri Maftun, Afghanistan ; Antoun Maqdesi, Syria ; Elena Rivera Mirano, Philippines ; Ibrahim Salahi, Sudan/UK ; Talingo, Panama ; Iván Thays, Peru.

Về nhà văn Dương Thu Hương, báo cáo của Hội đồng giám khảo giải Prince Claus ghi nhận trong quyển Prince Claus Awards 2001 Book :

Dương Thu Hương (1947, Việt Nam) là người suy luận tự do. Tác phẩm văn chương và thái độ công khai của bà biểu lộ một lối nhìn phản kháng đối với tình trạng xã hội và một sự dẫn thần cho sự cải cách, cho tự do. Bà công nhận rằng tiếng tăm của bà ở các nước ngoài góp phần bảo vệ bà. Trong nước của bà, bà luôn luôn bị chính quyền theo dõi. Nhưng, với những nhà văn và những nhà tư tưởng, những ai được trước tác và thái độ của bà khích lệ đều luôn luôn quan tâm tới bà (Phan Huy Đường dịch từ tiếng Pháp).

Cũng trong quyển sách này, phần giới thiệu Dương Thu Hương có hình bìa quyển *Truyện tình kể trước lúc rạng đông*, một tấm hình mới đây của Dương Thu Hương và bài giới thiệu *Beyond Violence* của Phan Huy Đường, do Nina McPherson dịch qua tiếng Anh.

CHANT DE LA PAIX

*Je dis la paix pâle et soudaine
Comme un bonheur longtemps rêvé
Comme un bonheur qu'on croit à peine
Avoir trouvé*

*Je dis la paix comme une femme
J'ouvrais la porte et tout à coup
Ses deux bras autour de mon âme
Et de mon cou*

*Je dis la paix cette fenêtre
Qui battit l'air un beau matin
Et le monde ne semblait être
Qu'une odeur du thym*

*Je dis la paix pour la lumière
A tes pas dans cette saison
Comme une chose coutumière
A la maison*

*Pour les oiseaux et les branchages
Verts et noirs au-dessus des eaux
Et les alevins qui s'engagent
Dans les roseaux*

*Je dis la paix pour les étoiles
Pour toutes les heures du jour
Aux tuiles des toits et pour toi l'
ombre et l'amour.*

Aragon

(Les yeux et la mémoire)

BÀI CA HOÀ BÌNH

*Tôi nói hoà bình chợt thoáng hiện nhợt mờ
Như niềm hạnh phúc vẫn ước mơ
Như hạnh phúc chưa dám tin đã tới
Bất ngờ*

*Tôi nói hoà bình như người đàn bà
Tôi mở cửa vào nhà, bỗng tự nhiên
Vòng tay nàng quấn quanh hồn tôi quanh cổ
Dịu êm*

*Tôi nói hoà bình cánh cửa sổ mở rộng
Một buổi sáng trời trong
Và không gian thấy như chỉ là hương
Cỏ thơm*

*Tôi nói hoà bình thay cho vùng ánh sáng
Theo bước chân em vào mùa
Như một điều bình thường thâm lặng
Trong nhà*

*Cho bầy chim và những cành cây
Xanh và đen, la đà trên mặt nước
Và đàn cá non lượn quẫy
Lách vào đám sậy*

*Tôi nói hoà bình cho sao trời
Trong suốt thời gian của ngày
Trên mái ngói, và cho em
Tình yêu và bóng tối.*

Bản dịch : **Hàn Thuỷ**
(Giáng sinh 2001)

Ảnh hưởng một chuyến về

HÀN THUY, KHÁNH TIỀN, KIẾN VĂN

Trà Lipton :

Tôi phải bắt đầu ngay về cái mục này, vì bức mình quá. Ở ta hiện nay có cái thói uống trà Lipton, thứ trà tán nhỏ trong bao giấy rất bình dân ở Âu châu mà ta lại chuộng và cho là sang ! Khi người Anh qua chiếm một phần lãnh thổ nước Tàu, học được cái cách uống trà, mới tìm cách đem về chính quốc. Vì thời ấy đi đường thủy xa và dễ ốm nên họ phải sấy thật kỹ sau khi ủ lên men khá lâu rồi mới đóng gói. Thành loại trà kiểu Anh, cũng có mùi vị đặc biệt nhưng rất xa với mùi vị chè tươi. Khi pha chế để bán thì loại thứ phẩm mới tán nhỏ, và có lẽ dùng lại thêm vụn trà trong đáy thùng. Trà kiểu Anh ngon bây giờ thường nhập từ Darjeeling, Ấn Độ, hay từ Tích Lan ; vẫn còn nguyên lá trà, tuy ít chất và thơm hơn trà Lipton gói giấy nhưng cái màu hổ phách đậm vẫn chứng tỏ thói quen ủ và sấy quá kỹ.

Sao bằng uống chè tươi của Việt Nam được ? Tôi cũng chỉ có hai lần được uống chè tươi thực sự trong gia đình người quen thôi, thơm ngát và hơi chát vì còn mộc mạc. Còn trong các quán vỉa hè hay bất cứ đâu nếu xin một bình trà thì có ngay, không tính tiền, nhưng là loại trà để phơi khô tự nhiên từ các lá đã già nên chát khe cổ. Thì ra thời buổi kinh tế thị trường, ngoài chợ chè tươi vẫn có, nhưng người ta đã quen có một hộp chè xanh phơi khô để sẵn trong nhà. Tôi cũng đã mua uống thử một hộp chè xanh loại cao cấp và phổ biến, ngoài bì để là pha chế theo phương pháp và máy móc Đài Loan đang hoàng, nhưng cũng không khác hơn nhiều, giống như trà Việt Nam xuất cảng sang bên này.

Người chuộng trà tàu bây giờ đều thích trà Đài Loan. Không như nhiều loại trà tại Trung Quốc nội địa để lên men quá lâu nên mất hẳn vị chè tươi, thứ trà Ô Long, Long Tỉnh của Đài Loan được ủ cho lên men sơ sơ thôi, rồi họ có phương pháp sấy khô thế nào mà tịnh không biến màu trà. Còn mùi vị thì thơm ngát, dịu không chát mà lưu luyến lâu trong cổ họng, vẫn như chè tươi, mà hơn hẳn chè tươi, đó là do đã lên men một chút. Không có gì lạ, không phải cái gì đã chế biến để giữ được lâu là kém ngon hơn khi dùng tươi, xì gà ngon một phần vì thổ nhượng, nhưng cũng ở cách ủ và sấy. Ở Pháp loại trà này giá có khi lên đến hai, ba nghìn quan một ký, trong khi trà Việt Nam rẻ hơn hàng chục lần.

Tôi không tin là vì giống trà, giống trà và thổ nhượng tại các cao nguyên miền Bắc so với Đài Loan thì chắc cũng thế thôi, và nghe nói Đài Loan họ còn mua lại trà tươi của Việt Nam để đem về chế biến. Vấn đề có lẽ là tâm thức đại sản xuất xã hội chủ nghĩa chưa qua hẳn, vẫn còn trọng số lượng hơn chất lượng, mà chưa tính nếu chỉ hái cái búp trà (và với loại thấp hơn thì thêm một hai lá non) để chế biến thì với cùng công sức có thể số lượng xuống còn nửa nhưng giá sẽ tăng gấp mười.

Không phải không có hy vọng. Tôi cũng đã được uống (xin đừng hỏi vì sao) một loại trà hái từ các cây trà cổ thụ tại Hà Giang, chỉ phơi khô thôi, số lượng các búp trà (màu hơi trắng do lòng tơ) còn ít so với số lá, mà đã ngon lắm. Nếu hái và chế biến kỹ thì chắc chắn sẽ thành tuyệt phẩm. Nhưng hiện nay hình như loại trà này chỉ được dùng biếu các vị lãnh đạo. Và người dân tộc thiểu số Hà Giang khi hái trà chỉ được trả ba nghìn đồng (hai nghìn đồng là một franc pháp) một ký trà tươi, nghĩa là khoảng 12 000 đồng cho một ký trà thành phẩm.

Sao thế nhỉ ?

Áo cưới và rượu đỏ

Chiều thứ bảy ở Hà Nội hay Sài Gòn đều có nhiều đám cưới, cũng như mọi khu đông dân cư khác trên đời. Điều người ta ngạc nhiên là áo cưới của cô dâu. Trong thời gian hơn một tháng có lẽ tôi đã thấy từ xa hơn hai chục cô dâu, ai cũng mặc áo cưới trắng kiểu Âu châu cả, mà là kiểu sang, váy dài quét đất cả mét, chắc là áo đắt lắm, hỏi thì biết đa số là thuê thôi. Tội nghiệp cô dâu bị nướng chín trong cái áo dày dưới trời nóng như thiêu, chỉ có đôi vai trần là được mát so với áo ta, mà cũng không giữ lại được cái áo cưới để làm kỷ niệm. Một lần tôi tình cờ ngồi trong hiệu ăn cạnh một đám cưới, thấy người ta uống toàn rượu vang đỏ. Ở Việt Nam ngày nay uống rượu vang đã là biểu hiện của sự sang trọng, tôi cũng đã tò mò thử nhiều lần, giá tương tự như giá rượu loại trung bình trong các tiệm ăn Pháp (100-150 quan), nhưng vàng thau lẫn lộn, ở một vài tiệm thì rượu đáng giá, ở một vài tiệm khác thì dỏm.

Bánh cuốn và bún

Nhưng về Việt Nam đâu phải để uống rượu Pháp, có lẽ hạnh phúc nhất là được ăn những món quê mà ở Pháp không thấy có, hay không thể ngon bằng : canh cua rau dền, hoa thiên lý nấu với nấm rơm, gỏi cá chép sống... Còn gì thú bằng ngồi cạnh hàng bánh cuốn xem bà bán hàng trắng từng bánh một trên nồi hấp, rồi được ăn ngay, chỉ ăn với mỡ hành, giá trần và chút nước mắm pha là đủ thưởng thức cái mềm và dẻo, thơm mùi gạo của bánh, khác hẳn làm bằng bột ngô trên chảo không dính, kiểu “ cây nhà lá vườn ” của Việt kiều. Bún cũng vậy, không thể làm bún khô thành có cái dẻo của bún tươi được, cả màu trắng hơi sáng nữa, bún khô luộc lên có màu trắng xỉn không thể đẹp bằng. bây giờ mới biết trong đĩa bún chả hay bát canh riêu tại Paris cái gì cũng thể có trừ mẹt bún tươi này.

Chợ quê

Một ngày cuối tuần tôi và một người bạn được người anh họ đưa về quê, trước khi vào làng ghé vào chợ, gọi là chợ bương, như “ *bao giờ trở lại đồng bương Cấn* ” trong thơ Quang Dũng. Cái chợ này phục vụ cho bương Cấn, nghĩa là cho hai làng Cấn Thượng và Cấn Hạ (lúc bấy giờ tôi mới biết nghĩa của chữ *bương*, một nhóm hai ba làng) và hình như còn một làng nữa bên cạnh thì phải.

So với lần trước tôi về làng, năm 1985 lúc còn chưa đổi mới, thì khác hẳn, chợ rất đông, ngày nào cũng họp, đếm thấy năm sáu thớt thịt, người ta nói cười rất vui vẻ (thay vì trước kia chỉ có một thớt thịt mậu dịch và chợ chỉ họp một tuần hai lần). Chỉ có điều lạ là các lán bán hàng có mái rất thấp, chúng tôi đều phải cúi đầu mới đi vào được. Nhìn kỹ ra mới thấy những người lớn tuổi, nhất là các phụ nữ trong chợ, đều quá gầy gò

nhỏ bé, có lẽ trung bình chỉ độ 1m50. Chúng nhân của một quá khứ quá gian khổ. Chợ cũng còn nghèo, ngoài vài lán thịt và các lán bán các hàng tạp hoá ở thành thị đem về, là của người chuyên nghiệp, thì các rau cỏ gà què đều là loại có dư trong vườn nhà đem ra bán, thế thôi. Mọi người đều ngồi xổm, chỉ có hàng hoá được nâng cao hơn mặt đất một tí trên cái ghế dài, cái giá, cái chõng... Nhưng nhìn cái chợ này, và nhìn thế hệ trẻ em nhớn nhoe, khoẻ mạnh phổng phao, ăn mặc lành lặn tôi rất mừng, làng tôi thuộc vùng nghèo của đồng bằng Bắc Bộ, sát vùng trung du, nghe cha mẹ kể lại ngày trước những năm đói kém dân làng phải đi ăn cướp mà sống.

Trong làng xe đạp khá nhiều, và xe máy không hiếm. Có thể nói nếu 15 năm trước dân chúng đi bộ và cán bộ đi xe đạp thì bây giờ dân trong làng nhiều người đi xe đạp, và những người khá hơn, không chỉ cán bộ, thì có xe máy. Thế là cũng tăng được một bước.

Kẹt xe máy

Còn ở thành thị thì tăng thêm được bước nữa. Người người đi xe máy, đến nỗi ít người dám đi xe đạp, và xe hơi không thiếu, của cả công và tư chức. Hà Nội thì chưa bị kẹt xe đến dừng tại chỗ, nhưng nhiều đường thì luồng xe cũng đã gần bão hoà và di chuyển khá chậm trong các giờ vào sở tan sở. Tại TP Hồ Chí Minh thì chuyện kẹt xe đến đứng tại chỗ là thường, nhất là ở đoạn đường từ Sài Gòn ra Phú Nhuận, Tân Sơn Nhất. Khó xe nóng phả vào mặt cộng với mùi rác mùi cống ở nhiều chỗ thật không thể chịu nổi. Nhiều người, nhất là phụ nữ, khi lái xe phải đeo khẩu trang che mũi miệng.

Hệ thống vận tải công cộng ở cả hai thành phố đã bị phá sản hoàn toàn.

Chuyện nghiêm chỉnh ?

Vậy nông thôn Việt Nam sẽ đi về đâu ? Thành phố sẽ đi về đâu ? Xin thú thật những câu hỏi nghiêm chỉnh này tôi không thể trả lời. Qua hơn một tháng làm việc tại Việt Nam, có thì giờ rảnh rỗi chút ít, đi vòng vo chút ít thì chỉ có vài ấn tượng và cảm tưởng, chẳng thà viết về những chuyện tâm phào một chút. Chứ còn những cảm tưởng về các vấn đề nghiêm chỉnh thì chỉ là... cảm tưởng. Tuy vậy, ý nghĩ vẫn còn trong đầu tôi sau gần một tháng trở lại Paris là có một sức sống đã bùng lên từ toàn xã hội, từ ở mức thấp nhất. Mọi người hối hả làm ăn, kiếm sống ; và họ sống được, sống khá hơn trước. Sức sống này có lẽ không ai kiềm chế được, và cơ chế thị trường, ít ra là ở mức nông dân, tiểu công tiểu thương, là chắc chắn không thể đảo ngược được.

Vấn đề là không chỉ cơ chế thị trường là đủ, còn nhiều cơ chế cần thiết khác. Có nhiều cơ chế “ vô hình ” không thể hiểu nổi, như tại sao với đồng lương mà ai cũng nói không sống nổi một tuần, mà ai ai cũng sống.

Tôi về làm một xêmina về tin học, cứ tự hỏi mình mãi : làm sao tin học hoá đất nước được với những cơ chế vô hình ấy ?

HÀN THUỶ

Nhất tự vi sư

Ngày 26.11 là ngày nhà giáo VN. Trong những ngày này nghe nói giá hoa ở Hà Nội vọt tăng. Trên đường đi Sơn Tây nam nữ đi như trẩy hội. Chắc các cô cậu được nghỉ học, rủ

nhau đi chơi, thăm chùa...

Truyền thống VN vốn trọng các cô thầy, tiên học lễ hậu học văn. Tôi không ngạc nhiên khi nghe tiếng gọi “ thầy ” kính trọng của những người bạn (ở lứa tuổi mà tôi gọi bằng anh) khi gặp lại các thầy Hoàng Tuy, Phan Đình Diệu, Hồ Thuần...

Bán tự vi sư

Được nghe kể các “ thầy ” dạy toán, dạy tư “ nổi tiếng ” ở Hà Nội kiếm hàng tháng một hai nghìn đô la. Các “ thầy ” dạy luyện thi ở các mùa thi, thậm chí kiếm đến năm nghìn. Không biết các “ thông tin ” này chính xác đến đâu ?

Một học sinh đi học tốn bao nhiêu ?

Tôi tò mò : “ Một học sinh đi học tốn bao nhiêu ? ”. Một cô giáo cấp một, 21 tuổi, ở Saigon, mồ côi cha mẹ, nuôi một đứa em 15 tuổi, học lớp 9 cho tôi biết :

- Nếu học trường bán công : học phí một tháng từ 80 000 đến 100 000 + tăng tiết 70 000 + tiền cơ sở vật chất + tiền học thêm + quỹ lớp, đoàn, đội + tiền tập vở, bút viết + tiền giấy kiểm tra + tiền đề cương + tiền tiêu vật + tiền gửi xe :
 $90\,000 + 70\,000 + 20\,000 + (70\,000 \times 3) + 5\,000 + 10\,000 + 4\,000 + 5\,000 + 15\,000 = 429\,000$

Tiền tiêu vật tùy thuộc vào khả năng của từng gia đình, và chưa tính thêm tiền học thêm Anh Văn hay Vi Tính.

- Nếu học trường công, học phí một tháng là :
 $15\,000 + 50\,000$ tăng tiết + cơ sở vật chất 7 000 + các khoản còn lại giống như nhau ; tổng cộng 321 000
- Nếu học trường tư : chi phí gấp đôi hoặc gấp ba trường bán công.

Các khoản này chỉ là số liệu ở một vài trường mà cô biết, ngoài ra tùy từng trường còn có các khoản thu riêng. Các khoản chi cho việc học của gia đình cũng rất chênh lệch : ví dụ học Anh Văn có nơi đóng 80 000/tháng, có nơi lên đến 400 000/tháng (Hội Việt Mỹ).

Tôi hỏi : thế thu nhập của cô giáo là bao nhiêu ? “ 400 000 đến 500 000, tùy theo cha mẹ các học sinh có trả tiền học tăng tiết ”. Vì là cô giáo cấp một nên dạy nhiều môn.

Cứ tính 15 000 VND là một đô la, thu nhập của cô là 33,33 đô la và cô đã tốt nghiệp trung học sư phạm.

Nhân chuyện “thu nhập”, tôi tự đặt câu hỏi :

Người lao động VN tiếp tục thu nhập không đủ chi phí, nhưng không thấy dân biểu, quốc hội thảo luận, bàn bạc gì ? Phải chăng “ lương bổng ” không còn là vấn đề đáng quan tâm khi các quan chức đều có cách sống thoải mái ? Hay đây là vấn đề thị trường, nhà nước không can thiệp.

Lên Saigon chữa bệnh mất một vụ lúa

Nói chuyện với các bạn ngành y, họ cho tôi biết : “ một người nông dân ở Đồng Tháp lên Saigon chữa bệnh tốn bằng thu nhập một vụ lúa ”.

Tôi cho là các ông bạn vàng “phóng đại” nên làm một điều tra qua một cậu sinh viên lên Saigon học và ở lại Saigon kiếm sống :

- Mấy năm gần đây giá lúa không tăng. Giá lúa ổn định ở mức 1 200 VND / kg. Đó là giá bán cho thương nhân, còn bán cho nhà nước thì thấp hơn từ 50 đến 100/kg tùy vào từng

thời điểm.

- Một gia đình nông dân chỉ trồng lúa thì thu nhập tương đối thấp so với thành phố. Ví dụ : một gia đình có sáu người : cha mẹ, vợ chồng, con cái làm ba công ruộng (3ha). Mỗi một công thu hoạch được từ 40 đến 50 tạ (tạ = 20kg). Một năm làm được hai vụ. Giá lúa một tạ là 1 200, thu nhập bình quân của họ là :

$(45 * 20kg) * 3 * 1200 VND * 2 \text{ vụ} = 6\,480\,000$

Để tăng thêm thu nhập người nông dân thường nuôi thêm heo, cá hoặc gà vịt. Gia đình nào có thêm trâu hoặc bò là rất khá.

- Một người nông dân từ Đồng Tháp lên Sài Gòn chữa bệnh:

Nếu đi bằng xe đò thì giá vé là 25 000. Tuy nhiên xe chỉ chạy về đến thị xã, còn từ nhà muốn ra thị xã phải mất thêm tiền đi xe ôm hoặc ngồi đò khoảng từ 8 000 - 10 000 tùy theo xa gần. Như vậy tiền di chuyển của họ đi về bằng xe đò tốn khoảng 60 000 - 70 000. Nếu bằng xe của bệnh viện thì khoảng 300 000 - 400 000.

Tiền chữa bệnh :

Phổ biến là : tiền thuốc, tiền phòng, tiền khám, tiền chụp hình, tiền xét nghiệm, tiền ăn uống... khoảng 600 000 - 700 000 VND. Một ca mổ thông thường khoảng từ 500 000 đến 1 500 000.

Ngoài ra còn một khoản tiền nữa là khoản tiền bồi dưỡng cho các hộ lý, điều dưỡng, y tá, bác sĩ trực tiếp mổ (khoản này là khoản quan trọng nhất, ở bệnh viện tư thì có thể không có khoản này).

Đó là một ca bệnh thông thường ở bệnh viện nhà nước. Còn ở bệnh viện tư thì giá cao hơn nhiều. Tuy nhiên do đi lại khó khăn nên những ca nặng họ mới lên thành phố hoặc là những gia đình có điều kiện mới lên Sài Gòn. Mà những ca nặng thì tiền chữa trị rất cao.

Tôi không biết gì về nông nghiệp, công, hecta ... nên sau khi nhận được thông tin qua internet (đây là một tiến bộ chưa đến nông thôn !!), chỉ có thể thử kiểm tra bằng... từ điển và toán.

Một công theo Đại từ điển tiếng Việt là 1/7 đến 1/10 hecta, tùy theo địa phương. Như vậy thu hoạch gia đình này từ 6,3 đến 9 tấn một vụ. Không biết có ai cho tôi biết được con số này có thể đúng không ?

Tuy thế, nếu tính ra ngoại tệ thì thu nhập đầu người / năm của gia đình này là : $1\,080\,000 = 72 \$ \text{ US}$. Một con số đáng lo ngại.

Cuối cùng, chuyện tâm phào giữa một đám bạn : mất một vụ lúa cho một lần chữa bệnh là chuyện có thể xảy ra !

KHÁNH TIỀN

Vĩa hè

Vĩa hè Sài Gòn là hình ảnh tiêu biểu cho cuộc sống kinh tế - xã hội Việt Nam. Trên nhiều đường phố, nhà nào cũng xây lát vĩa hè sạch sẽ. Có điều mạnh ai nấy làm, người thì tráng xi măng, người thì lát gạch, cao thấp tùy thích. Người đi bộ tha hồ vấp ngã. Đó không phải là chứng ngại duy nhất dành cho khách bộ hành. Trên nhiều đoạn, hàng quán tràn ngập vĩa hè, nếu không có hàng quán thì xe gắn máy. Bãi đậu xe chiếm trọn vĩa hè. Cũng không cần cả một bãi đậu, chỉ cần một chiếc Honda chắn ngang là đủ. Đôi khi, ngồi trên xe, bất động, là

một phụ nữ, khăn trùm kín mặt (một hình thức khẩu trang chống bụi), kính đen... khách du lịch có cảm giác mình đang đi ở một thành phố Hồi giáo !

Đi bộ trên vĩa hè Sài Gòn là cả một cuộc phiêu lưu. Phải nhìn trước mặt và nhìn ngang để tránh bàn ghế, quầy hàng, xe đậu... Phải nhìn xuống đất để tránh vấp ngã... Và phải nhìn cả đằng sau lưng nữa, ít nhất trong những giờ đông xe, vì mặt đường tràn ngập xe cộ, xe máy lấn sang làn đường dành cho xe hơi, leo luôn lên cả vĩa hè mà chạy, mà tông vào người đi bộ.

Một anh bạn nói đùa : thay vì bắt người đi xe máy phải đội mũ an toàn (trong thành phố, ở Sài Gòn cũng như ở Hà Nội, mười người không quá một người đội mũ an toàn, nghe nói trong kho của các công ti nhập khẩu, có hơn 2 triệu mũ tồn đọng), lẽ ra chính quyền phải bắt buộc người đi bộ đội mũ an toàn, như thế cứu được bao nhiêu sinh mạng. Điều chắc chắn : ở các bệnh viện, có không ít người đi bộ bị xe tông, hay vấp ngã trên vĩa hè, nhất là các cụ già. Vĩa hè Sài Gòn không phải là thiên đường của người lớn tuổi và người tàn tật.

Tôi trở lại thành phố sau hơn 19 năm trời. Buổi sáng đầu tiên, tôi đi bộ từ đường Đinh Tiên Hoàng tới góc Võ Văn Tần (Trần Quý Cáp cũ) và Cách Mạng tháng Tám (Lê Văn Duyệt), qua những phố buôn bán và những phố biệt thự nay mặt tiền cũng đã trở thành hàng quán, văn phòng công ti... ấn tượng đầu tiên là mức độ ô nhiễm. Ô nhiễm không khí, ô nhiễm âm thanh. Những dòng người, dòng xe ồ ạt tìm lối đi về phía trước, hỗn loạn, luồn lách, quẹo bên trái, vòng bên phải, tiến về mục tiêu của mình. Tôi chợt liên tưởng tới một nơi khác, ở phía bên kia bờ Thái Bình Dương. Ấn tượng đầu tiên của tôi khi đặt chân tới Bolsa, Orange County, cũng giống thế : một sức sống kì lạ, mạnh mẽ, dường như không gì ngăn cản nổi. Khác hẳn không khí Sài Gòn của năm 1982, mặc dầu lúc đó, có thể nắm bắt những dấu hiệu đầu tiên của một sự chuyển mình. Sức sống ấy, với tất cả sự hỗn loạn và bất định của một xã hội chưa có kỉ cương, chưa có “ luật chơi ”, tôi lại gặp nó trên trên vĩa hè Hà Nội, trên con đường đi Hải Dương, trên con đường đi từ Hải Dương qua Uông Bí, lên đỉnh núi Yên Tử.

Chính trị

Đọc báo hàng ngày ở Việt Nam, có thể theo dõi khá nhanh và tương đối chính xác diễn biến tình hình (kể cả chính trị) của các nước trên thế giới... trừ Việt Nam. Phần tin chính trị Việt Nam thì vẫn là những thứ văn bia của những thông cáo chính thức, các báo đăng lại nguyên xi, người đọc xem qua rồi bỏ. Chuyện chính trị của đất nước, chuyện cung đình, người dân không ai để ý. Một anh bạn nhà văn, năm nay đã ngoại thất tuần, kể lại câu chuyện đối thoại mà anh chứng kiến giữa người con trai anh, 40 tuổi, giám đốc công ti, và một bạn đồng nghiệp :

– Này, tổng bí thư bây giờ là ai ?

– Ủ, ai nhỉ ?... Chắc là tay Đỗ Mười đấy.

Nhà văn nhấn mạnh câu chuyện mới xảy ra tháng 10, khi ông Nông Đức Mạnh đã lên thay ông Lê Khả Phiêu, người thay thế ông Đỗ Mười. Anh vừa kể vừa ngạc nhiên như mình được nghe một câu chuyện khó tin. Đúng là ở cái thời anh bằng tuổi con anh, câu chuyện ấy không thể có được.

KIẾN VĂN

(xem tiếp kì sau)

Góp ý với giáo sư Nguyễn Tài Cẩn

Về hai chữ *SINH THÌ*

Nguyễn Văn Trung

Diễn Đàn số 110 (9/2001) Paris có đăng bài của giáo sư Nguyễn Tài Cẩn : *Kỷ Niệm 350 Năm Tự Điển A. de Rhodes - Về Hai Chữ Sinh Thì*.

Bài viết ngắn có sáu điểm do chính giáo sư ghi :

1. Đánh giá cao tự điển de Rhodes như một tư liệu rất quý về mặt lịch sử tiếng Việt và lịch sử chữ quốc ngữ.

2. Giải thích nghĩa “sinh thì” theo *Việt Nam Tự Điển* của Khai Trí Tiến Đức và *Tự Điển Tiếng Việt* của Hoàng Phê : thời còn sống của người nào đó đã qua đời, trái lại trong tự điển do người Công giáo biên soạn, sinh thì có nghĩa ngược lại : chết. Tự Điển Huỳnh Tịnh Của, Genibrel cuối thế kỷ XIX, Tự Điển Pigneau de Behaine cuối thế kỷ XVIII, và trong nhiều văn bản Công giáo như *Thánh Giáo Yếu Lý* chữ quốc ngữ của Adran, *Kinh Cầu Bảo Đàng Cho Kẻ Rình Sinh Thì*, trong các thư của Văn Tin, Bento Thiện theo : *Lịch Sử Chữ Quốc Ngữ* của Đỗ Quang Chính, trong *Phép Giảng Tám Ngày* và *Tự Điển Việt Bồ La* của A. de Rhodes giải thích sinh thì :

sinh : lên (ascendo : is)

sinh thì : giờ lên (ascensus hora)

đã sinh thì : đã chết (iam mortuus est)

A. de Rhodes chú thích thêm : “*Chúng tôi mượn cách nói đó của người bên lương để chỉ ý nghĩa sự chết của người Ki tô hữu như đi lên với Thiên Chúa.*”

3. Giáo sư Cẩn nêu thắc mắc vì nghĩa của “sinh thì”, nếu muốn chỉ ý đi lên phải dùng *thăng*, và đi xuống dùng từ *giáng*.

4. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, *thăng* cũng như *giáng* đều đã thấy dùng phổ biến trong ngôn ngữ Công giáo.

Trước tình hình đó, giáo sư Cẩn nêu giả thuyết : “sinh thì” vốn là “thăng thì” nhưng đọc theo cách của thế kỷ XVII như một số từ khác. Nhưng theo ý giáo sư Cẩn, *sinh thì* không thể là dạng cổ của *thăng thì* được vì sinh thì và thăng thiên trong ba thế kỷ đều có cách nghĩa giữ nguyên và như vậy không có chuyện *thăng* xưa vốn đọc là *sinh*.

5. Trong tình hình nghiên cứu hiện nay, chưa có câu trả lời dứt khoát được về những thắc mắc kể trên, và giáo sư Cẩn lại nêu giả thuyết : có lẽ do vô tình nhầm lẫn, một hiện tượng thường xảy ra trong ngôn ngữ, được truyền tục mãi về sau. Có thể có hai khả năng nhầm lẫn : ở khâu ghi chép và ở khâu đọc.

a. Do chép nhầm, thì phải xảy ra thời kỳ còn dùng bản Nôm, nhưng khó xảy ra vì tự dạng chữ *thăng* và chữ *sinh* khác nhau trong bản Nôm.

b. Do đọc nhầm có cơ sở hơn : Ví dụ ở Trung Quốc và ở Việt Nam, rất có thể các giáo sĩ thế kỷ XVI, XVII trước khi đến Việt Nam truyền giáo thường phải kinh qua Trung Quốc nên do thói quen đọc *thăng* thành *sheng* như *sinh* học được ở Trung Quốc nên vào Việt Nam cũng đọc như vậy. Ngoài ra

giáo dân có tâm lý tôn trọng Bề Trên nên chỉ biết tuân thủ đọc theo kinh bản do các thừa sai soạn đọc nhầm kể trên.

6. Một vấn đề khác : vì sao *sinh thì* được dùng như một động từ ?



Nếu tôi không lầm giáo sư Nguyễn Tài Cẩn dùng lối tiếp cận vấn đề bằng cách dựa vào tự điển mà giải thích và khi không giải thích được thì nêu lên những giả thuyết giải thích. Ngoài ra chỉ nói đến các thừa sai người nước ngoài trong việc dịch kinh sách đạo, và đánh giá họ không am tường tiếng Việt nên mới xảy ra khả năng nhầm lẫn hoặc ghi chép sai, hoặc đọc nhầm.

Tôi xin góp ý với giáo sư Cẩn dùng một lối tiếp cận khác dựa vào văn bản, vì từ trong tự điển là từ chết, nếu được định nghĩa tách khỏi ngữ cảnh hay văn mạch. Nói cách khác ý nghĩa của từ nằm trong câu. Do đó nếu tự điển không giới thiệu từ trong các câu, rất khó xác định được nghĩa của từ và diễn tiến của nghĩa trong thời gian. Trái lại văn bản cho thấy rõ nghĩa trong ngữ cảnh của câu nói và nếu từ không phải thuộc loại điển tích, thì nghĩa của từ khá rõ trong câu không cần giải thích. Nếu muốn xác định những nghĩa khác nhau của một từ cũng chỉ dựa vào văn bản xuất hiện kế tiếp nhau trong thời gian, hoặc những văn bản về các cuộc trao đổi tranh luận hoặc quyết nghị của các công đồng còn để lại từ thế kỷ XVII.

Sau cùng cũng chính các văn bản cho thấy người Việt Nam (nhà Nho, nhà sư, theo đạo chúa) hoặc là soạn giả, hoặc là cộng tác viên có thể là chủ chốt trong các công trình biên soạn sách đạo, tự vị mang tên các thừa sai. Sách *Hạnh Các Thánh*, thế kỷ XVII mang tên *Maiorica* nhưng thực ra là hòa thượng Thành Phao biên soạn ; tự điển Pigneau de Béhaine do linh mục Hồ Văn Nghi và tự điển Taberd do linh mục Phan Văn Minh soạn (1). Do đó khó có thể nghi ngờ những nhà Nho, nhà sư theo đạo không am hiểu tiếng Việt, chữ Nho, chữ Nôm. Nói chung, không nên quá chú trọng vào tên người biên soạn, phiên dịch vì những công trình này mang tính tập thể, thường không đề tên hoặc chỉ đề AMDG (Ad Majorem Dei Gloriam), một khẩu hiệu của Dòng Tên, ngụ ý mọi việc làm đều cho Chúa, vì Chúa, cá nhân không đáng kể. Nếu có đề tên ai vẫn là một công trình tập thể vì một lẽ đơn giản khác, linh mục nhất là giám mục bận việc giảng đạo, không có nhiều thì giờ ngồi soạn tự điển hay dịch kinh sách mấy nghìn trang.

Xin giới thiệu mấy văn bản hiện có trước mặt :

I. Thế kỷ XVII :

1. *Các Thánh Truyền* được soạn vào giữa thế kỷ XVII (năm 1646) nguyên tác bản Nôm mang tên *Maiorica* nhưng theo Philipphê Bình trong *Truyện Annam Đàng Ngoài Chí Đàng Trong* (trang 28-28), một vị hoà thượng theo đạo soạn bộ sách này cho 12 tháng. Nhóm Thanh Lãng - Nguyễn Hưng đã phiên âm ra quốc ngữ và tập tháng giêng đã được in gồm cả bản Nôm, bản quốc ngữ (lưu hành nội bộ 1997). Bản Nôm là bản gốc chép tay, lưu trữ ở thư viện quốc gia Pháp, mã số từ B1 đến B16.

Từ *sinh thì* được dùng ở các trang 27, 42, 48, 63, 70, 78, 79, 108, 116, 119, 122, 140, 141, 160, 209, 213, 223, 229, 230, 235.

Có một ngày người còn đứng trên cột chấp tay lên như khi đứng mọi ngày liền sinh thì (trang 48)

Người nghe tin ấy liền mừng lắm, dọn mọi sự về mình cùng gia đình họ mà đến ngày liền **sinh thì** chẳng sai (trang 63)

Từ Đức chúa Giê-Su ra đời cho đến ông thánh này **sinh thì** khỏi một nghìn sáu mươi sáu năm (trang 108)

Vậy người ở đây chịu đói khát, hơi hám và buồn sâu não, vì chẳng được làm lễ cùng giảng, liền phải liệt, đoạn **sinh thì** lên nơi chức cao cực trọng (trang 131)

Từ **sinh thì** trong sách *Các Thánh Truyện* được ghi bằng chữ Nôm bản gốc, chưa hề bị sửa chữa, sao chép. Thanh Lãng chụp hình ở Thư viện quốc gia, Paris, và Nguyễn Hưng photocopie lại.

2. *Sấm Truyền Ca* (1670)

Do Lữ Y Đoan, một trong bốn Thầy Cả đầu tiên của Đảng Trong phống tác Kinh Thánh bằng văn vần, dùng toàn bộ văn hóa Việt Nam, thấm nhuần Tam giáo để diễn tả Kinh Thánh (Cựu Ước). Nguyên tác bản Nôm hiện thất lạc, chỉ còn bản phiên âm quốc ngữ và một phần thôi (*Tạo Đoan Kinh - Genesis*, một phần *Lập Quốc Kinh - Exodus*) bản chép tay của Paulus Tào và Nguyễn Văn Nhạn lưu giữ ở gia đình và trao cho ông Hoàng Xuân Việt. Đây là một tác phẩm đã được những nhà nghiên cứu văn học trong nước, ngoài nước, không phân biệt xu hướng ý thức hệ chính trị đã gặp nhau trong một đồng thuận đề cao *Sấm Truyền Ca* về mặt văn học (xem về sách báo của các tác giả Công giáo Tài liệu tham khảo, Khoa Ngữ Văn, Đại Học Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh, 1993, bài của Trần Thanh Đạm, Nguyễn Nhã, Trần Thái Đình) và *Nẻo Mới Vào Văn Học Cảo Luận*, Montréal 1997, Trần Đức Cường, Lê Phụng.

Trong *Tạo Đoan Kinh* có hai đoạn dùng từ **sinh thì**:

Tuổi già chất nặng lên vai
Raham hạc thọ đến ngày từ qui
Trăm bảy năm tuổi **sinh thì**
Ích Mạnh, I Giác lo bề phát tang (đoạn XXV)

Nắm tay Đư Tiệp người nhìn
Con ơi cha đến giờ **sinh thì** rồi (đoạn XLVIII)

Hai câu dùng từ **sinh thì** :

Sinh thì công việc của người
Đến đâu cũng có tay trời chở che (đoạn thứ XXVIII)

Đoạn này chép truyện gia đình
Sinh cơ lập nghiệp của chàng Ấn Giao
Sinh thì ba vợ trước sau
Nghiêng chúi nếp sống trên đầu không ai
Vợ cả sinh được một trai
Vợ nhì ba đứa râu mày cũng xong
Vợ ba một trẻ ẵm bầy
Cùng nhau sinh trưởng ở vùng Trà Nam. (đoạn XXXVI)

Trong *Tạo Đoan Kinh* cũng thấy dùng từ **lâm chung** :

Quyết đi đến gặp con tôi
Nhìn cho thấy mặt trước hồi **lâm chung**

Sau trời đất trở về đây
Đư Tiệp vượt mắt người ngày **lâm chung**.

Lữ Y Đoan phống tác nhưng vẫn theo sát với sự kiện của

nguyên bản. Đây là đoạn Kinh Thánh kể Abraham qua đời, bản dịch của Nguyễn Thế Thuấn, dịch theo nguyên bản bằng tiếng Hipri, Hy Lạp, Dòng Chúa Cứu Thế, 1976, Thành phố Hồ Chí Minh, trang 56 : “ Đây là những ngày đời Abraham đã sống một trăm bảy mươi năm tuổi. Rồi Abraham đã thở hơi cuối cùng và đã chết lúc tuổi già phúc hậu và “ tuổi tác ” no đầy và ông đã được sum vầy với tổ tiên. Ysaac và Ismael con cái ông đã chôn cất ông trong hang Macpelah.” **Sinh thì** trong nguyên bản là hấp hối, thở hơi cuối cùng.

II. Thế kỷ XVIII, XIX

Sấm Truyền Cũ, Thuật Cùng Gẫm Truyện Thánh Tổ Tông. Bản hiện có in lần thứ 3, Tân Định, Sài Gòn 1890, bản đầu tiên có thể vào cuối thế kỷ XVIII hay đầu thế kỷ XIX chưa rõ.

Một số câu dùng từ **sinh thì** :

- Ấy là ví dụ Đức Chúa Giê Su đang **sinh thì** trên cây thánh giá (trang 5)

- Ông thánh ấy trọn đời gặp những sự khó khăn lại **sinh thì** ở trên rừng chẳng dặng vào nước Đức Chúa Trời hứa cho (trang 121)

- Truyện thứ sáu mươi, ông Giuduê **sinh thì**, trước Giáng Sinh 1444 năm (trang 131).

Sinh thì ở đây cũng có nghĩa hấp hối, còn chết rồi gọi là băng hay qua đời : Khi ông Giuduê băng rồi, thì cả và dân Israen mới chọn tướng gánh lấy qui mô (trang 132)

Song đến khi lớp ấy qua đời rồi, thì kẻ đời sau lấy làm kiêu căng (trang 133).

III. Kinh Đọc Thường Ngày hay Kinh Toàn Niên

Kinh gồm hai phần : Kinh công đồng nghĩa là kinh chung của cả giáo hội toàn cầu và các địa phận trong nước được các công đồng kinh quy định, thống nhất về lời kinh, chỉ khác nhau về chi tiết như giọng theo miền : *nhất* hay *nhứt*, *được* hay *đặng* mà thôi ; còn kinh riêng của các địa phận thường chỉ dùng ở địa phương.

Trong loại Kinh công đồng, nói về Chúa, Đức Mẹ, các Thánh hấp hối, dùng từ **sinh thì** :

- Kinh Phép Lăn Hạt Bấy Sự Thương Khó Đức Bà : Thứ năm thì ngắm khi Đức Mẹ thấy con ở trên cây thánh giá phán ra bấy lời nhut trời của trọng để lại cho mẹ vậy, đoạn thì gục đầu xuống mà **sinh thì**, thì lòng Đức Mẹ đau đớn quá sức như dao sắc thấu qua lòng vậy.

- Kinh Ngắm Lễ (Mùa Thương) : Thầy đánh ngực ba lần nghĩa là khi Đức Chúa Giê Su **sinh thì** đoạn, có nhiều người tin Đức Chúa Giê Su là con thật Đức Chúa Trời.

- Kinh Cám Ôn Mùa Chay : Con phó linh hồn ở tay cha cùng gục đầu xuống giã Đức Mẹ mà linh hồn cực trọng ấy ra khỏi xác liền **sinh thì** ở trên thánh giá.

- Kinh Ngắm Đàng Thánh Giá, Nơi Thứ Mười Hai : Đức Chúa Giê Su **sinh thì** trên thánh giá. Lạy ơn Đức Chúa Giê Su đã chịu mọi sự khốn khó cho đến gần hết hơi thì gục đầu xuống giã Đức Mẹ mà **sinh thì**.

Nhưng nói về con người phạm hèn hấp hối thở hơi cuối cùng thì thấy trong Kinh dùng từ **lâm chung** :

(xem tiếp trang 20)

NHỚ ÔNG QUÁN

Phạm Xuân Nguyên

Nếu còn sống đến năm Nhâm Ngọ này ông đã lên lão bảy mươi. Ông già biệt thơ, già biệt thế gian đã bảy năm nay (ngày 22.1.1995) đưa ông đi tôi có đôi dòng : “ Vượt Côn Đảo không quên lời mẹ dặn, Dầu tuổi già vẫn dữ dội tuổi thơ ”. Nay mừng ông thất thập nơi khuất bóng, tôi nhớ ông.

Tôi gặp ông lần đầu tại Huế.

Năm 1987 tôi từ Hà Nội vào Huế công tác. Một buổi trưa, anh em văn nghệ cổ đô tập trung rất đông tại một quán nước trên vỉa hè xé trước cổng trụ sở Hội văn học nghệ thuật Bình Trị Thiên hồi đó ở số 6 Lê Lợi. Ngẫu nhiên lúc đầu chỉ có vài ba anh em ngồi với nhau, rồi thấy người này người khác ngang qua gọi với vào, một lúc quán đã đông chật, đủ mặt văn tài xứ “đẹp và thơ”: Hoàng Phủ Ngọc Tường, Tô Nhuận Vỹ, Nguyễn Khắc Phê, Ngô Minh, Nguyễn Quang Lập... Và một ông già. Một ông già râu dài, tóc dài, mặc bộ đồ nâu. Một ông già dáng người thấp, khuôn mặt phúc hậu, cười mở. Anh em văn nghệ ở Huế tôi đã quen biết hầu khắp, còn ông già này? Mọi người đưa mắt nhìn tôi, cái nhìn như hỏi : sao, ở Hà Nội, làm ở viện nghiên cứu văn học quốc gia, vậy mà không biết người này sao? Tôi nhìn ông già lạ lắm. Đến lúc thấy rõ tôi không biết thật người đang ngồi trước mặt là ai, một người mới lên tiếng giới thiệu: Nhà thơ Phùng Quán. Nghe tên, tôi giật mình. Tôi vui sướng. Và tôi xấu hổ.

Mang tiếng là sinh viên văn khoa, lại là văn khoa đại học Tổng Hợp Hà Nội, rồi ra trường về làm việc ở Viện Văn Học, nhưng thú thực là tôi, và lớp chúng tôi, không được biết gì về quá khứ văn học của thời mình sống. Hồi còn trên ghế phổ thông, đầu vào khoảng những năm 1970, chẳng hiểu do đâu tôi có được trong tay cuốn *Bọn Nhân Văn - Giai Phẩm trước toà án dư luận*. Tôi đọc sách đó thấy khiếp. Trong tâm trí của tôi hồi đó và mãi đến sau này, những người được gọi là “bọn” đó họ là những người khác thường, không chắc còn sống, và nếu sống thì mình cũng không chắc được gặp và gặp được. Nhất là với một người ở tỉnh lẻ như tôi. Đối với họ, tôi có một “khoảng cách sử thi”. Ngay khi đã ở Hà Nội, đã vào nghề nghiên cứu, bắt tay vào tìm hiểu các vấn đề của văn học Việt Nam hiện đại, tôi vẫn không hình dung được cái ngày mình lại có thể được đối diện tương giao những đối tượng nghiên cứu “cấm kỵ” của mình. Bởi vì thực tế công việc cho tôi thấy mọi điều không đơn giản. Năm 1985 tôi được giao làm phân phụ lục “Các sự kiện văn hoá văn nghệ và giải thưởng văn nghệ” cho công trình nghiên cứu của Viện Văn học Việt Nam *kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*. Khi tôi đưa bản thảo phân của mình lên duyệt để đem in, ông Viện trưởng hồi đó đã tự tay xoá đi cuốn *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán được giải ba về truyện trong giải thưởng văn học của Hội Văn Nghệ Việt Nam (1954 - 1955). Tôi cố đem lời lẽ thuyết phục : nào là cái gì đã thuộc về lịch sử thì phải giữ nguyên cho lịch sử, nào là

bây giờ cởi mở thông thoáng rồi, nào là tác phẩm này có tính cách mạng cao, vân vân và vân vân, nhưng tôi có nói thế nào cũng không át được sự thận trọng của người lãnh đạo. Rốt cuộc, công trình nghiên cứu được in ra năm 1986 ở nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội không có tên Phùng Quán và tác phẩm của ông trong giải thưởng đã được chính thức trao tặng cách đó ba chục năm. Đó là nỗi đau khoa học đầu tiên của tôi.

Tôi đã kể chuyện này cho ông Quán và bạn hữu nghe trong buổi trưa Huế đó. Ông cười, tỏ ra đã quá quen với những sự đối xử như vậy mấy chục năm qua. Một ai đó chợt nói như chia sẻ cùng tôi nỗi ân hận trước số phận long đong của nhà thơ : thì bây giờ Huế cũng đã dám in thơ cho anh Quán mở, Đà Nẵng in trước cho anh đó chứ. Chừ anh Quán bán giá cao đi, anh em đây mua hết báo cho anh ! Loáng cái, từ sạp báo của Dương Thành Vũ bên bờ sông Hương mấy chục tờ *Quảng Nam - Đà Nẵng chủ nhật* số 7 (15/2/1987) có đăng trường ca *Cây cà* của Phùng Quán được đưa về. Đây là lần đầu tiên ông xuất hiện trở lại đúng tên mình sau hơn ba mươi năm chịu cảnh “ cá trộm, rượu chịu, văn chui ” bên túp lều ven Hồ Tây. Tờ báo giá 5 đồng, mọi người nhất loạt mua lại 10 đồng. Ông Quán xúc động bồi hồi trong tình cảm anh em văn nghệ thân thiết, miệng ông cười mà mắt gần lệ, tay ông liên tiếp chép lại một khổ thơ bị thiếu trong bài thơ và lời đề tặng. Ở tờ cho tôi, ông viết :

*Ba mươi hai năm trước
Tôi chết giữa Hồng Hà dữ sóng
Sau ba mươi hai năm
Tôi hồi sinh giữa xanh thẳm Hàn giang
Chính cây cà quê mùa lao lực
Đã cho tôi
dũng khí
bền gan.*

Bản trường ca *Cây cà* này đến Tết năm 1990 đã được in lại trọn vẹn trên báo *Thương mại*. Mùa thu năm ấy trên chòi Ngắm Sóng (Vọng Ba lâu) ông lại tặng tôi một bản để kỷ niệm duyên cớ đã cho tôi được gặp ông. Còn hồi đó, năm 1987, khi chia tay ở Huế ông khẽ bảo tôi : ra Hà Nội có dịp em ghé anh chơi, nhà anh ở phía sau trường Chu Văn An.

Từ đấy tôi có ông Quán.

Ông hơn tôi một thế hệ, nhưng tôi vẫn được gọi ông bằng anh. Đứa con tôi thấy ông đến chơi liền cất tiếng chào bằng ông, ông cười bảo: chào bác thôi, tao là bạn của bố mày. Ở đây tôi gọi Ông Quán là theo điển của cụ Đồ Chiểu mà các bằng hữu của ông vẫn thường yêu mến gọi ông.

Căn phòng tôi sống trong khu tập thể Viện văn Học hồi đó được cái tiện đường nên anh em xa gần thường lui tới. Ông Quán cũng đã nhiều lần ghé lại, trong đó có hai lần tôi rất nhớ. Một lần vào khoảng đầu năm 1990, khi đó tạp chí *Cửa Việt* của Hội văn nghệ Quảng Trị vừa mới ra mắt, nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường tổng biên tập ra Hà Nội ghé gặp tôi bàn chuyện bài vở. Khi anh Tường đến thì gặp ông Quán và tôi đang chuyện trò, thế là ba anh em bàn bạc rất tâm đắc, hào hứng. Trong câu chuyện ông Quán có nói cái ý này rất hay: người làm báo như người giữ sân bãi cho người viết là cầu thủ ra sân đá, anh phải làm thế nào đó đừng để bị mất sân bãi, vì bị bật bãi là hết chỗ đá. Anh Tường cũng tâm niệm như vậy, nhìn gương một đồng nghiệp trước đó để biết đường tiến thoái, sao cho còn đất mà chơi. Vậy mà chàng Hoàng Phủ cũng chỉ

giữ được *Cửa Việt* ba năm 17 số, ứng vận với con số vĩ tuyến chạy qua miền đất ấy và với khoảng thời gian trôi qua sau kết thúc chiến tranh (1992), để ít lâu sau Nguyễn Quang Lập phó tổng biên tập ngoái nhìn lại rút ra bài học thấm thía : làm báo thời nay vừa hay vừa đúng mới tài. Còn với ông Quán, *Cửa Việt* đã vang dội ở cái Tết 1992 khi đăng bài ông viết *Ngày xuân xông đất nhà thơ Tố Hữu*. Nhớ hôm ông đưa bản thảo, cũng tại nhà tôi, Lập và tôi đọc xong sướng run lên. Lập chỉ xin ông thay hai chữ “ hệ lụy ” có trong bài bằng một chữ khác cho an toàn hơn, ông đồng ý. Báo *Tiền Phong* đăng lại bài này, số lượng tăng lên cả vạn, nhuận bút trả ông Quán hai trăm ngàn đồng. *Cửa Việt* nghèo, chỉ trả cho ông Quán nhuận bút được bốn chục ngàn, ông bảo tôi chuyển số tiền đó ra thành 13 cuốn tạp chí (3000đ/cuốn) để tặng bạn bè, người quen. Về sau nhiều lần ông thích thú nói với tôi : cả đời mình làm thơ có người biết người không, nhưng chỉ một bài báo mà mình đi đâu ai người ta cũng biết, cũng đọc. Phải nói là ông Quán viết báo có cái duyên, cái chất riêng, nên đọc thấy thú vị và ngắm ngợi được nhiều điều, ví như bài ông viết về việc lo đám ma cho ông Đoàn Phú Tứ hay về cái chết của ông Trần Đức Thảo chẳng hạn.

Lần thứ hai đáng nhớ ông Quán đến nhà tôi là dịp làm lễ mừng thượng thọ cho ông Nguyễn Hữu Đang. Trước đó, một buổi chiều 29 tết Tân Mùi, ông chợt ghé lại tôi cho hay là nhân có số tiền được thưởng về phim *Tuổi thơ dữ dội* nên ông đã xuống Thái Bình thăm ông Đang từ hôm ông Táo về giới đến hôm nay mới lên. Những điều ông kể cho tôi nghe hôm ấy về cảnh sống khổ cực, về thân phận nổi chìm của ông Đang sau này ông đã chuyển thành một bài viết đầy tình cảm và luận cứ. Còn giờ đây, một ngày giữa tháng Mười Một 1992, ông đưa tôi một giấy mời như sau :

Mừng sống dai

Nguyễn Hữu Đang chiến sĩ khách mệnh. Trưởng ban tổ chức ngày đại lễ của đất nước Tuyên Ngôn Độc Lập mừng 2 tháng 9 năm 1945 tại Quảng trường Ba Đình Hà Nội. 1992 (Nhâm Thân) 80 xuân ngôi trăm tư tại bản quán trong căn hộ độc thân - nguyên cái chái bếp của tập thể giáo viên trường phổ thông cơ sở thôn Trà Vy, xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, Thái Bình. Chúng tôi Phùng Cung và Phùng Quán (em kết nghĩa) xin trân trọng kính mời: đúng 10 giờ 30 ngày 20 tháng 11 năm 1992 đến tại nhà riêng chúng tôi số 10 Thụy Khuê - khu tập thể giáo viên trường Chu Văn An, uống chung rượu khổ sám mừng sự sống dai.

Phùng Cung và Phùng Quán.

In kèm bên là tấm ảnh chụp ông Đang sáng mồng một Tết năm Nhâm Thân với dòng chữ đề “ *Nguyễn Hữu Đang. Tám mươi xuân - trai tân - độc thân* ”. Mặt sau tấm giấy mời khổ to này là bản chụp lại trang bìa tạp chí *Nghiên Cứu Lịch Sử* số đặc biệt kỷ niệm 45 năm Cách Mạng Tháng Tám (1990) trong đó có nói đến công lao của ông Nguyễn Hữu Đang. Ông Quán đưa thêm cho tôi mấy tờ bảo mời thêm những người trong Viện đến dự cho vui cho biết. Và ông nói với tôi : chỗ anh em, N. có thể đến vào tối hôm trước dự buổi gặp mặt trong không khí gia đình.

Vậy mà, hỡi ôi, tôi đã phụ lòng tin của ông. Tôi đã không đến dự buổi lễ thọ đó. Tôi đã hèn nhát, đã sợ hãi. Một anh bạn văn cũng được mời đến cuộc đó, khi thấy tôi định đi, anh khuyên tôi cẩn thận, có lẽ không nên đến thì hơn. Lúc đầu tôi

cãi lại : nắm kẻ có tóc, ai nắm kẻ trọc đầu. Nhưng một phút do dự, ngấp ngừng đã khiến tôi lại mang lỗi với ông Quán, lần này là do bối cảnh tôi. Buổi lễ đã diễn ra vui vẻ, yên lành, nên thế tôi mới càng đau cho cái sự hèn nhát của mình. Những ngày sau đấy gặp lại ông Quán tôi rất ngượng ngùng, xấu hổ, và một hôm tôi đã nói thật, nói thẳng tâm trạng của mình cho ông biết. Ông gạt đi như không có chuyện gì. Nhưng tôi biết thâm tâm ông cảm thấy rất buồn. Đây đâu phải chỉ là chuyện văn chương, đây là nhân cách, là cách sống, là tình cảm của con người và con người. Ông và thế hệ ông đã sống đúng mình và làm văn thực mình. Chẳng lẽ thế hệ sau lại cầu an, sợ sệt thế sao ?

Mẹ đã sinh ra một nhà thơ

Đó là điều nhiều bà mẹ trên thế gian này ao ước

Mẹ chết vì bệnh tim

Đó cũng là điều số phận đã định trước

Cho các bà mẹ

Dám sinh ra nhà thơ.

Ông Quán đã chép tặng tôi mấy câu này, đó là “ *Thơ dấn trên linh cữu mẹ nhà thơ Lê Thị Mây chết vì bệnh tim* ” (1987). Sau này đọc thơ nước ngoài tôi gặp lại những ý tưởng của ông Quán. Nhà thơ Bulgaria Stefan Tsanev viết :

Khi nhà thơ ra đời

Người mẹ nước mắt rơi :

Bà sẽ nuôi nấng ai ?

Chiếc nôi đưa không người

Đứa trẻ bị đánh cắp.

Mẹ sinh con nhưng chẳng cho mình,

Khi nhà thơ ra đời.

Đời ông Quán sướng khổ vì thơ, nhưng ông là người biết mình. Cái năm đổi mới, ông và mấy bạn văn một thời Nhân Văn - Giai Phẩm được nhà nước cho tiền in thơ. Một trưa hai anh em ngồi nhậu lòng lợn tiết canh trên gác xép cái quán cạnh Viện Văn, ông thông báo cho tôi tin đó. Ông kể cái khó lúc này là xác định ai thực là Nhân Văn - Giai Phẩm, không khéo nhận vợ. Nhưng điều quan trọng, và là điều làm tôi cảm động và yêu quý ông hơn, ấy là điều ông tâm sự : anh cảm thấy hồi hộp, và lo, vì lâu nay được cái tiếng ấy, bây giờ thơ in ra không khéo người ta thất vọng, tưởng mấy anh Nhân Văn thế nào, hoá ra chỉ thế này. Tôi nghe ông và đã tếu táo cạy tuổi trẻ nói với ông mấy lời : anh biết được thế là quý, nhưng theo em anh cứ in thơ, những bài anh làm trong quãng đời lặn lội sống gió ấy mà mấy năm qua anh đã cho đăng rải rác em thấy được đấy, không phải sợ đâu. Vả lại Nhân Văn đã là một hiện tượng lịch sử, người ta đọc thơ các anh là trong giá trị lịch sử ấy. Ông cười : lần nào đến mày cũng “ lo lơ ti ca ”, nể mày tao ngồi, chứ cứ thế này mãi, chán chết. Hai anh em cười xòa, cùng ly.

Ông đối với tôi như vậy, tôi mắc nợ ông nhiều lắm. Từ trước tôi đã có ý định sưu tầm tài liệu, lập hồ sơ về các “ vụ việc ” trong văn học sử Việt Nam hiện đại để nghiên cứu con đường vận động của nó. Khi gặp ông Quán, nhiều lần trò chuyện về tình hình văn học những năm 1956-58, tôi ngó ý muốn nhờ ông giúp gặp gỡ các nhân chứng hiện còn, thu thập những tư liệu hiện có, ông rất nhiệt tình. Ông bảo : cứ trò chuyện, cứ đọc đi đã, còn kết luận đánh giá thì các anh cứ

Về hai chữ SINH THÌ..

Kính Đức Chúa Thánh Thần : Đến khi tôi **lâm chung**, xin cùng Đức Chúa Lời cho linh hồn tôi được lên ở cùng Đức Chúa Lời.

Kính Cầu Ôn Chết Lành : Vì vậy tôi cầu cùng Đức Bà phù hộ cho tôi được lòng vui kính mến Đức Chúa Lời trong khi tôi **lâm chung**.

IV. Báo đời cuối thế kỷ XIX : Nam Kỳ Nhựt Trình, số 120 ngày 22 tháng 2 năm 1900

Báo này đứng tên A. Schreiner làm giám đốc theo qui định về xuất bản báo chí thời kỳ đầu thuộc địa ở Nam Kỳ nhưng do ông Trương Minh Ký, bút hiệu Mai Nham lo bài vở.

Trong bài *Phương Đông Với Phương Tây Giao Hảo Máy Lân Đầu Hết Ở Trung Quốc*. Đoạn nói đến Marco Polo và sau ông này “ là các thầy giảng đạo đi ngang xứ Thiên Trúc mà đến Bắc Kinh nhằm năm 1289, song có ba ông đi tới Bắc Kinh mà thôi, còn mấy ông kia yếu sức nên **sinh thì** dọc đường ” (trang 1910).



Ghi nhận :

Dựa vào văn bản, từ *sinh thì* và *sinh thời* được dùng trong bản Nôm với hai nghĩa khác nhau ở thế kỷ XVII.

- Để chỉ tình trạng hấp hối, sắp qua đời ; hình như từ *sinh thì* chỉ dành cho những nhân vật thật đáng kính trọng : Chúa, Đức Mẹ, các Thánh và những người sống chết cho một lý tưởng, còn đối với người thường, dùng từ *lâm chung*.

- Từ *sinh thì* được dùng trong sách báo đạo và báo đời.

Như vậy, nếu muốn nêu thắc mắc, chỉ còn vấn đề : Từ *sinh thì* đã có sẵn từ thế kỷ XVI trở về trước và người Công giáo dùng ở thế kỷ XVII, hay do người Công giáo tạo ra từ thế kỷ XVII, và vì giao lưu văn hóa, người ngoài Công giáo cũng bắt chước dùng ? Có một trao đổi nào về từ này, như đã có những tranh luận chẳng hạn về từ *nhân danh* trong Công thức rửa tội vào năm 1645 giữa 35 giáo sĩ Dòng Tên ; phe thiếu số gồm Alexandre de Rhodes và một giáo sĩ cho rằng tiếng Việt không có khả năng dịch từ *in nomine (au nom de)* ; phe đa số gồm 33 giáo sĩ khác cho rằng tiếng Việt hoàn toàn có khả năng đó và còn sát nghĩa hơn các tiếng Trung Hoa, Nhật Bản, Phi Luật Tân, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia ; cuối cùng phải tham khảo ý kiến 4 giáo dân Việt Nam ký chung vào một văn bản. Văn bản tranh luận về Công thức rửa tội mang ký hiệu Jap-Sin-Fol 76.80V của thư viện Vatican, nhóm Thanh Lăng đã dịch ra tiếng Việt để ở Phòng Ngôn Ngữ Học thuộc Viện Khoa Học Xã Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh, 1980.

Ngoài ra, văn bản về cuộc tranh luận này cho thấy các thừa sai, đặc biệt Dòng Tên rất am hiểu tiếng Việt, văn hóa Việt Nam nhưng để nói đúng tiếng Việt, cuối cùng vẫn phải dựa vào người Việt. Văn bản cũng cho thấy A. de Rhodes không phải là người thông minh được đa số đồng nghiệp tán đồng các lập luận của ông và thực ra các công trình của ông có nhiều hạn chế. Do đó thiết tưởng không nên phê phán quá đáng hoặc đề cao quá đáng.

Nguyễn Văn Trung

vantrungnguyen@hotmail.com

Chú thích (1) Trong *Tổng Kiểm Kê lịch sử tự điển Việt Nam* mà tác giả một số lớn và khởi xướng là người công giáo từ 1500-1978, bản đánh máy 29 trang, lưu hành nội bộ do nhóm Thanh Lăng, Nguyễn Hưng biên soạn. Theo hai soạn giả kể trên, tự điển Việt-La và tự điển Hoa-Việt-La của Pigneau de Béhaine chưa xuất bản ; một thủ bản bị thiêu huỷ ở Chứng Viện Cà Mau do một cuộc hoả hoạn năm 1778 ; nhưng văn khố hội Thừa Sai Paris còn lưu trữ bản sao hai tự điển kể trên (*). Trong số những người VN đáng để ý là Hồ Văn Nghi, người đã tích cực tiếp tay Bá Đa Lộc trong việc biên soạn hai tự điển mang tên ông. Trong cuốn *Lịch sử Giáo Đoàn Đàng Trong*, Adrien Launay cho biết tự điển Việt-La của Bá Đa Lộc được biên soạn từ tháng 9-1772 và hoàn tất tháng 6-1773. Ngày 1-5-1773, Bá Đa Lộc gửi thư cho Bộ Truyền Giáo ở Roma trình bày đã soạn xong bộ tự điển Việt-La cùng 8 chủng sinh, nhưng việc in sách ở Pondichéry gặp khó khăn quá, vì không có chữ, đã gọi 2 người Việt đi Ma Cao học in sách. Tự điển Việt-La và La-Việt của Taberd đã được nhà xuất bản Marschman Serempore xuất bản năm 1838. Về việc biên soạn tự điển Việt-La có chưa hán nôm, ta nên để ý công lao của các linh mục gần gũi Taberd và các chủng sinh người Việt mà từ 1833 khi rời VN ông đã đem theo cho học tại Pénang rồi có lúc gọi đến Serempore để tiếp tay ông hoàn thành các tự điển. Trong số các người Việt kể trên, người ta biết chắc được linh mục Phan Văn Minh và hai người khác nữa tên là Thìn và Hiền. Thanh Lăng đã nhắc lại các liên hệ trên giữa các người cộng tác với Bá Đa Lộc và Taberd trong bài *Tiếng và chữ người Sài Gòn* đăng trong *Địa Chí Văn Hoá thành phố Hồ Chí Minh*, tập 2, được in lại trong tập san *Đại Học Văn Khoa Sài Gòn*, tập 1, Dòng Việt, số 6, xuất bản ở California, 1999.

(*) Theo tin của chúng tôi, Hội thừa sai Paris (MEP, 128 rue du Bac, Paris 7e) vừa xuất bản bộ tự điển này (*chú thích của Diễn Đàn*).

NHỚ ÔNG QUÁN (tiếp theo trang 19)

khách quan khoa học mà làm, cốt là phải đúng sự thật và đúng lịch sử. Nhưng rồi tôi cũng mải phù phiếm, và cũng nói thật là chưa đủ sự tự tại để đối lại với sự thờ ơ, nghi ngại của xung quanh với ý đồ khoa học này của mình, nên đã lỡ dịp với ông Quán. Chắc đấy cũng là một điều tôi để buồn cho ông.

Sinh thời ông đã có lần tự họa mình : *Bạc đầu vẫn trẻ con, Đại khờ cho đến chết, Giữa nguyệt ngả trần gian, Trại tìm thơ thắm mệt*. Ngày ông nằm xuống, thấp nén hương trước quan tài ông xong, tôi ngồi với quyển sổ tang ngắn ngang bao điều chẳng thể viết ra. Bất ngờ, như cuộc đời ông đã định và tôi chỉ việc ghi lại cho ông thôi : “ *Vượt Côn Đảo không quên lời mẹ dặn, Dầu tuổi già vẫn dữ dội tuổi thơ* ”. Dữ dội là ở cái tính cách ông Quán trước sau không khác không ngược, là ở cái tiếng kêu vọng suốt một đời người đời vẫn “ thẳng Mùng không phải là Việt gian ”. Còn trong cuộc sống ông nhân tình, phúc hậu, có khi tôi còn dám đùa ông là *naiif* nữa. Ông rất thích một bài ca trù mà hầu như lần nào gặp tôi trò chuyện thế sự văn chương vẫn rồi ông lại cất cái giọng đọc rất truyền cảm đã ngấm chút hơi men của mình lên ngậm ngùi nó để cùng thích thú cùng buồn cùng cười cùng quên bao nỗi hệ lụy của kiếp người. Bài ca trù ấy nói rằng đời người ta ngắn ngủi lắm : *khoảng độ ba lăm là sắp kiệt, thế mà còn đi học đi hiệc, đi thi đi thiệc, khi đổ khi điệc, làm quan làm kiệc...*

Chao ôi, cái văn “ *ieć* ” nó hoá mọi sự thành ra trò cười hết. Thế mà còn làm quan làm kiệc, làm thơ làm thiệc, nghiên cứu nghiên kiệc..., văng vẳng giờ đây tôi còn nghe giọng ông Quán rung lên trong buổi chiều đông áp tết Nhâm Thân khi ông vửa từ Thái Bình lên.

Phạm Xuân Nguyên (Hà Nội 1995 - 2001)

Lê Phổ

và thế hệ họa sĩ
Việt Nam đầu tiên



Khoá I trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (1925-1930)
Từ trái sang : Lê Phổ, Mai Trung Thứ, Georges Khánh, Giáo sư Victor Tardieu, Nguyễn Phan Chánh, Công Văn Chung, Lê Văn Đệ

Văn Ngọc

Họa sĩ Lê Phổ, một trong những họa sĩ Việt Nam đầu tiên được đào tạo ở trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, vừa qua đời ngày 12-12-01 tại Paris, thọ 94 tuổi.

Lê Phổ sinh năm 1907. Bảy người cùng khoá với ông, nay cũng không còn ai nữa : Lê Văn Đệ, Mai Trung Thứ (sau này ký tên Mai Thứ), Nguyễn Phan Chánh, Georges Khánh, Công Văn Chung, Nguyễn Tường Tam và Lê Ang Phan. Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh) và Lê Ang Phan sau bỏ không học tiếp.

Nói đến thế hệ họa sĩ Việt Nam đầu tiên được đào tạo ở trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, thực ra người ta không phân biệt theo khoá. Bản thân các họa sĩ mấy khoá đầu này cũng đều cùng lứa tuổi với nhau, đã từng có những dịp cùng đi vẽ, cùng đi chơi với nhau. Hồi anh Mai Thứ còn sống có cho tôi xem cuốn album hình ảnh còn giữ được của thời kỳ còn học ở trường, và có cho phép tôi chụp lại vài tấm. Tiếc thay, tôi không tìm lại được mấy tấm hình ấy nữa : hai mươi năm đã trôi qua rồi còn gì ! Tôi còn nhớ, lúc bấy giờ, theo anh Mai Thứ và qua các tấm hình, thì trong nhóm bạn thân thiết gắn bó với nhau nhất có : Lê Phổ, Mai Thứ, Lê Văn Đệ (Khoá I, 1925-1930), Tô Ngọc Vân, Vũ Cao Đàm (Khoá II, 1926-1931), Lê Thị Lựu (Khoá III, 1927-1932). Nguyễn Phan Chánh lớn tuổi hơn mấy người này, nên không mấy khi thấy đi chung, chụp chung, mặc dầu ở vào thời kỳ ấy Nguyễn Phan Chánh cũng trẻ trung, cũng complet trắng, cũng bảnh trai như ai ! Tuy nhiên, sau này trên con đường nghệ thuật, mỗi người sẽ đi một ngả.

Mỗi người sẽ tự tạo cho mình một phong cách riêng, tự chọn cho mình một con đường riêng, mặc dầu mục tiêu của trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương được Victor Tardieu sáng lập năm 1924, với sự đồng ý của Toàn quyền Merlin, không phải là đào tạo những họa sĩ tự do, theo nghĩa nghệ sĩ sáng tạo, mà là đào tạo “ *những giáo sư giảng dạy hội họa trong các trường cao đẳng tiểu học, các trường chuyên nghiệp*

nghệ thuật trang trí ”(Nghị định do Toàn quyền Merlin ký ngày 27-10-1924) .

Nguyễn Phan Chánh, ngay năm học thứ ba đã chọn con đường đi chuyên về tranh lụa, và ông sẽ tìm ra một phong cách vẽ tranh lụa rất Việt Nam. Phong cách ấy đã được khẳng định ngay từ năm 1930-31, nghĩa là ngay sau khi ông tốt nghiệp, với tác phẩm *Ô ăn quan* - mà nhiều người cho là đỉnh cao nghệ thuật của ông - bức tranh này đã được đưa sang trưng bày ở đấu xảo Paris (1931), cùng với các bức *Lên đồng*, *Rửa rau cầu ao*, *Em cho chim ăn*.

Mai Thứ sau này cũng sẽ chỉ vẽ tranh lụa thôi, nhưng với một phong cách khác, cũng rất Á đông, song tranh của anh có tính chất nửa hồn nhiên, ngộ nghĩnh, đôi khi hóm hỉnh, nửa trang trọng, cổ kính, ngay từ trong đề tài, nét vẽ, và màu sắc.

Lê Phổ, vừa vẽ cả tranh lụa, vừa vẽ cả tranh sơn dầu. Vũ Cao Đàm, Lê Thị Lựu, dứt khoát đi theo con đường hội họa tây phương và chịu nhiều ảnh hưởng của trường phái ấn tượng, ít ra về mặt hình thức.

Nhìn chung, thế hệ họa sĩ Việt Nam đầu tiên, ngoại trừ Nguyễn Phan Chánh và Lưu Văn Sìn, có bút pháp khá hiện thực, và rất Á đông, lại chọn những đề tài đa dạng về đời sống nông thôn ra, các họa sĩ khác, từ Lê Phổ, Lê Văn Đệ, Mai Thứ, Tô Ngọc Vân, Vũ Cao Đàm, đến Lê Thị Lựu, lúc đầu đều chịu ảnh hưởng của những ý tưởng, quan niệm đang lưu hành lúc đó về cái đẹp (cũng chính là quan niệm của trường phái cổ điển Âu tây về cái đẹp trong thiên nhiên và trong nghệ thuật): đề tài thiếu nữ là đề tài lý tưởng, là cái cố, để người họa sĩ biểu hiện *cái đẹp* qua nhận thức về cái đẹp tự nhiên, “trời phú cho” của người thiếu nữ, qua sự quan sát, song cũng qua trí tưởng tượng, óc thẩm mỹ, và bàn tay khéo léo của mình.

Điều nghịch lý, là cả Victor Tardieu, cả Inguimberty - mặc dầu bản thân các ông này không phải là những họa sĩ ấn tượng - đều đã khuyến khích các học trò đi vẽ nhiều ở đồng quê (cũng như phong trào đi vẽ ngoài trời của những họa sĩ ấn tượng trước kia ở Pháp !), và nhất là đi vẽ tượng, vẽ kiến trúc ở các đình chùa, v.v., song cái một thời thượng lúc ấy vẫn là vẽ thiếu nữ ở mọi kiểu dáng, và nếu có thể được, ở mọi trạng thái nội tâm. Thi thoảng cũng có người vẽ đề tài Mẹ con, Chị em, v.v. Có điều là, không biết do một ảnh hưởng nào, mà tất cả những thiếu nữ này đều có một thân hình eo lả, yếu ớt, gầy như không có xương, không có vai, trừ cô *thiếu nữ bên hoa huệ* của Tô Ngọc Vân bắt đầu có xương có thịt ! Phải chăng vì thời đó ở trường CDMTĐD chưa biết đến khái niệm *cấu trúc* trong quan niệm về hình thể ? (Khái niệm này cũng gắn liền với khái niệm về *nhịp điệu*) Hoặc giả vì ảnh hưởng của khuôn mẫu người đẹp lý tưởng trong văn học và lễ giáo truyền thống ? Một chi tiết khác cũng rất quan trọng, là trong suốt thời kỳ đầu này của hội họa Việt Nam, không thấy một tác phẩm nào vẽ *dám đông* ! Không biết đây có phải là một vấn đề kỹ thuật thuần túy không, hay cũng là do cái quan niệm giới hạn về cái đẹp kia mà ra ? Vào thời đó, khái niệm về *nhịp điệu* và về *sự chuyển động* của sự vật có lẽ chưa lọt được mắt xanh của các nhà thẩm mỹ học, và chưa được cảm nhận như một yếu tố của cái đẹp chẳng ? Dẫu sao, cũng ít thấy những cảnh phố phường, chợ búa, được vẽ thành tranh, không nói gì đến những cảnh đồng áng, gặt hái, v.v. (Xem Văn Ngọc, *Hội họa Việt Nam, thành tựu và giới hạn*, ĐĐ số 57, 11-1996).

Trong khi Mai Thứ vẫn còn vẽ *Thiếu nữ bên án sách* (*Jeune fille accoudée*, 1936), *Độc thư* (*La lecture*, 1935) ; Lê Phổ vẽ *La femme du mandarin* (1931), *La Mélancolie* (1938), *L'oiseleuse* (1938) ; Tô Ngọc Vân mãi đến năm 1943 vẫn còn

vẽ *Thiếu nữ bên hoa huệ* (1943), v.v., thì Nguyễn Phan Chánh ngay từ những năm 30, ngoài những tác phẩm đã nêu ở trên, còn có những sáng tác khác như : *Đi cấy*, *Mùa đông đi cà trong sương mù*, *Công chúa hoa dâm bụt*, v.v., mà tác giả đã gửi sang Pháp triển lãm vào những năm 30, rồi sau bị thất lạc.

Không lấy gì làm lạ là ngay sau khi tốt nghiệp, phần lớn các học viên thế hệ đầu tiên của trường CDMTĐĐ đã tìm cách đi ra nước ngoài để mở rộng thêm kiến thức nghệ thuật và để sáng tác : Lê Phổ, Mai Thứ, Lê Văn Đệ, Vũ Cao Đàm, Lê Thị Lưu, v.v. Trong khi chờ đợi, Mai Thứ được bổ nhiệm vào Huế dạy vẽ, Tô Ngọc Vân cũng sẽ dạy vẽ một thời gian ở Hà Nội, rồi cũng bị chuyển sang Nam Vang, nhưng Tô Ngọc Vân sau này chắc vì không có điều kiện, nên cũng không đi đâu cả - tôi muốn nói đi sang một nước Âu châu - hoặc giả ông cũng không muốn đi đâu nữa. Tô Ngọc Vân, người thâm thấp, với chiếc mũi dẹt xuống mắt, vào những năm 40, trên đường đi đến trường Mỹ thuật ở dưới Đẩu xảo vẫn hay đi qua phố tôi. Lê Thị Lưu sau khi tốt nghiệp cũng được bổ nhiệm làm giáo sư dạy vẽ ở trường Bưởi, và trường Hàng Bài (Đồng Khánh).

Những người có may mắn xuất ngoại vào thời kỳ này, nói chung đều là con nhà khá giả. Lê Phổ được cấp học bổng vì xuất sắc, nhưng dẫu sao ông cũng là con quan Tổng đốc Lê Hoan. Ngay từ năm 1931, ông đã được đi theo giáo sư Victor Tardieu sang Pháp làm phụ tá cho ông này trong Đẩu xảo thuộc địa được tổ chức tại Paris. Mai Thứ cũng thuộc một gia đình phong lưu (lúc dạy học ở Huế anh có cả xe sport để chạy ! Vào những năm 30, và vào cái tuổi 23-24 ấy, không phải ai cũng có điều kiện để chơi xe sport được). Vũ Cao Đàm và Lê Thị Lưu cũng đều là con nhà thế phiệt ở Hà Nội cả.

Trên kia, tôi có trình bày sơ qua về sự thiếu vắng của *nhịp điệu*, và *sự chuyển động* trong nhiều bức tranh của các họa sĩ thời ấy. Tuy nhiên cũng có những trường hợp ngoại lệ : Nguyễn Gia Trí. Ông là người họa sĩ Việt Nam đầu tiên đã biết khai thác nhịp điệu, sự chuyển động, cũng như sự *tương phản* giữa các chất liệu, đặc biệt là sự tương phản giữa những mảng vàng chói và những mảng màu xỉn hơn : son, đen, trắng, v.v. trong các bức sơn mài lộng lẫy của ông.

Ngược lại, trong các tác phẩm của Nguyễn Phan Chánh, Mai Thứ, Lê Phổ, Lê Văn Đệ, hay Tô Ngọc Vân, cái đẹp là cái đẹp bình dị của những bố cục tĩnh. Cái không khí toát ra từ những bức tranh thường là một không khí tĩnh lặng, thời gian như đọng lại, khiến người xem có một cảm giác êm đềm, đôi khi bồi hồi xúc động.

Tôi còn nhớ trong cuộc triển lãm mang tên “ Paris-Hà Nội-Sài Gòn, l'aventure de l'Art moderne au Vietnam ”, được tổ chức tại Paris năm 1998, tôi đã được xem một bức họa sơn dầu của Lê Phổ, có tên là *Les deux enfants*, với một gam màu trắng-nâu rất nhẹ nhàng, thơ mộng. Bức họa đã để lại cho tôi một ấn tượng khó quên.

Ở Lê Phổ, mặt tĩnh lặng là như thế, nhưng đôi khi ông cũng có những bức tranh “nhộn nhịp” hơn, bố cục không còn là một bố cục tĩnh nữa, mà bước đầu đã có những dấu hiệu của nhịp điệu, trong hình dáng chuyển động, cũng như trong nét cọ. Đó là trường hợp bức tranh lụa mang tên *L'Oiseleuse* (1938), mà các bạn có thể tham khảo ở trên trang web Diễn Đàn : <http://perso.wanadoo.fr/diendan>.

Lê Phổ và thế hệ họa sĩ Việt Nam đầu tiên đã ra đi, gần như không còn ai. Họ đã sống trọn vẹn cuộc đời nghệ sĩ của họ, và ít hay nhiều cũng đã có những đóng góp xứng đáng cho nền hội họa Việt Nam.

Văn Ngọc

Paris

từng đột hoá thân



Au cochon qui dort, mô hình giấy gấp, Editions Mirontaine

Văn Ngọc

Sống và làm việc ở Paris nhiều năm, bạn không thể nào không nhạy cảm với những đổi thay đôi khi có ảnh hưởng trực tiếp đến nếp sống và sinh hoạt của bạn ở thành phố này. Có khi chúng còn tác động lên cả những thói quen suy nghĩ của bạn nữa !

Chắc nhiều người còn nhớ, trước kia, đi qua khu chợ Halles, ngày cũng như đêm, khó khăn như thế nào, và bây giờ khu này đã đổi khác ra sao, từ khi có Trung tâm Beaubourg và Forum des Halles ? Rồi nào là sự ra đời của chiếc kim tự tháp bằng kính của Pei ! Rồi nào là quảng trường Bastille và khu phố lân cận, trước và sau khi có nhà hát Opéra Bastille ! v.v.

Paris không như Berlin, không còn đất để xây mới nữa, nhưng Paris đã hoá thân liên tục như thế đấy ! Và người dân cứ phải có thời gian mới kịp nhận thức được tầm quan trọng của những biến đổi đó.

Gần đây, tình cờ, tôi chợt khám phá ra một vài hiện tượng *mới*, *lạ* ở một vài khu phố.

Trước hết, là khu Marais (Quận 3), một trong những khu phố mà tôi thích nhất.

Khu này nằm ở hữu ngạn sông Seine, và là một trong những khu phố cổ nhất của Paris, giáp với cái nôi lịch sử của nó là đảo Cité và đảo Saint-Louis. Những ngôi nhà phố cổ nhất của Paris hiện còn giữ được nguyên vẹn đều nằm trong phạm vi khu này : nhà số 3 rue Volta (cuối thế kỷ 13), nhà số 51 rue de Montmorency (1407), nhà ở đường Saint-Louis-en-l'île, trong đảo, v.v. (đấy là không kể những công trình kiến trúc tôn giáo và kiến trúc cung đình của vua chúa, bởi nhiều nhà thờ, nhiều lâu đài, dinh thự, ở khu này, hoặc ở bên kia sông, khu Latin (và ở khắp trong Paris, nói chung), đều có niên đại rất cổ : nhà thờ Saint-Germain-l'Auxerrois, chẳng hạn, được xây từ thế kỷ 12, cũng như cung điện Louvre, cũng như nhà thờ Notre-Dame, v.v..

Khu Marais, ngay như không có gì *mới, lạ* đi nữa (theo cái nghĩa hoá thân, đổi mới), thì cũng vẫn xứng đáng để cho khách lãng du đến tham quan trước tiên, khi đặt chân đến Paris ! Chỉ nội cái tên Marais cũng đã là dấu tích sống động của cái thời nơi đây còn là một vùng đất sinh lầy (từ thế kỷ 6 trở về trước). Bắt đầu từ thế kỷ 6 trở đi, cho đến thế kỷ 10, các tu sĩ đạo Ki-tô đã khai phá vùng đất này, cùng với vùng đất bên kia sông, là khu Latin. Những tên phố bắt đầu bằng chữ *Coutures* (từ chữ *Cultures* mà ra), cũng là chứng tích của những hoạt động nông nghiệp ở vùng đất này trong quá khứ.

Trước kia, nói đến khu Marais, người ta chỉ nghĩ đến một khu phố cổ, tĩnh lặng, có Place des Vosges, với kiến trúc độc đáo thế kỷ XVI, XVII ; có nhiều lâu đài dinh thự còn nguyên vẹn như : Hotel de Sens, Hotel d'Aumont, Hotel de Beauvais, Bảo tàng Carnavalet, v.v.

Từ một ít năm nay, khu này đã hoàn toàn đổi khác : xen lẫn với những bảo tàng, dinh thự, người ta thấy xuất hiện những cửa hàng đủ loại, với một chất lượng ngày càng cao : nhiều nhất là các cửa hàng thời trang, nữ trang, đồ mỹ nghệ, đồ chơi, gadgets, galleries nghệ thuật, tiệm ăn, v.v.

Sự tương phản giữa kiến trúc của những cửa hàng buôn bán, ở tầng trệt – thường thường trang trí rất nhã nhặn, hiện đại, với đầy màu sắc và chất liệu ấm áp, nhất là vào buổi tối, khi phố xá và các cửa hiệu đã lên đèn – với kiến trúc cổ của những ngôi nhà, nằm ở kế bên, hoặc ở ngay tầng trên, không những đã không làm mất đi sự hài hoà chung của cả dãy phố, mà ngược lại còn đem đến cho nó một không khí tươi vui, nhộn nhịp, một sức sống mới.

Thực ra, xưa kia ở khu này, kiến trúc các ngôi nhà cũng vẫn như thế : trên là nhà ở, dưới là cửa hiệu, xưởng làm đồ mỹ nghệ, đồ thủ công, v.v. Xem như vậy, vô hình trung, người ta đã trả lại cho khu phố cổ này cái đời sống nguyên khai, đích thực của nó, hay ít ra, sự náo nhiệt của nó ngày trước.

Tôi chợt nghĩ đến khu phố cổ Hà Nội... nghĩ đến những ngôi nhà ống, mà ở mặt tiền trên tầng lầu là cửa “ thượng song hạ bản”, không có cửa sổ kính, mà chỉ có những chiếc màn hình cổ truyền, kín đáo, và ở tầng dưới là cửa hiệu. Nhà cổ ở Hà Nội thật ra không cổ lắm, vì xưa kia phần lớn là nhà gỗ, nhà lá, đã bao phen bị thiêu huỷ bởi các cuộc hoả hoạn và các cuộc binh biến triền miên, đâu còn được mấy ngôi nhà cổ bằng vật liệu bền vững nữa ! Có cổ chăng là cái mô bào của khu 36 phố phường còn giữ được tương đối nguyên vẹn.

Paris hơi khác Hà Nội ở chỗ là còn giữ được khá nhiều công trình cổ bằng gạch đá. Mặc dầu xưa kia nhà phố cũng đều có kết cấu khung gỗ (pans de bois), rất dễ cháy, sau đến thế kỷ 16, vua François Đệ Nhất mới ra lệnh bắt phải trát thạch cao lên trên khung gỗ để phòng chống cháy.

Dẫu sao, cái quan niệm về phố buôn bán ngày xưa của các



Cầu Pont Neuf và đảo Cité, ở quảng gần Place Dauphine (hình L. Reiz)

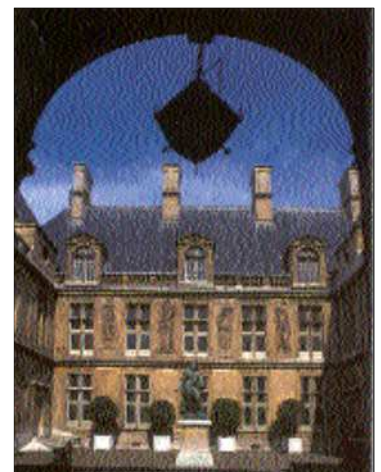
cụ ta, cũng không khác gì như ở đây, và các cửa hiệu ở tầng trệt chỉ càng làm cho phố xá thêm đông vui, tấp nập, và không bao giờ làm mất đi cái bản sắc cổ kính của dãy phố, hay của khu phố, nhờ ở phần trên của các ngôi nhà, nhất là nhờ ở bộ phận nóc nhà và những chiếc mái ngói rêu phong...

Tôi chợt nghiệm ra rằng *qui luật tương phản* không chỉ được tôn vinh trong nghệ thuật mà thôi, mà còn được áp dụng cả vào trong đời sống thường ngày nữa ! Không phải ngẫu nhiên mà óc thẩm mỹ, con mắt thẩm mỹ, của con người ta đòi hỏi trong tác phẩm nghệ thuật phải có sự tương phản, từ một bức hoạ, một bản nhạc, cho đến một cuốn truyện, một bộ phim. Đơn giản chỉ vì trong sự tương phản có những yếu tố của sự *chuyển động*, tức của *sự sống*. Trong đời thường cũng vậy, người ta không mấy ai thích sự đơn điệu cả ! Nhất là trong đời sống đô thị, lại càng cần có sự tương phản : phố xá cần có những nét chấm phá, những màu sắc tươi vui, đột ngột, để làm cho chúng thêm sống động. Không nói gì là các cửa hàng buôn bán lại càng phải làm sao hấp dẫn được khách qua đường (không phải loại khách qua đường “ cười ngựa xem hoa ”, nghĩa là cứ ngồi ở trong xe hơi mà đi ngắm phố !). đương nhiên, không phải là làm bất cứ cái gì nhố nhăng cũng có thể thu hút được sự chú ý của du khách ! Làm thế thì chỉ có mà xua khách đi thôi, và nói chung, làm cái gì *lập dị* mà không có *gu*, và không có ít ra một ý tưởng táo bạo, thì không thể nào chinh phục được ai hết !

Tôi xin nêu một ví dụ nhỏ về sự táo bạo ấy. Một trong những mốt thời thượng hiện nay ở Paris là những cửa hàng đầy ánh sáng và đầy âm thanh trẻ trung, bán đồ *gadgets*, những thứ đồ chơi, hoặc đồ trang trí, bằng nhựa bơm phồng lên (*gonlables*), đầy màu sắc có lân tinh, nghĩa là hoàn toàn vui nhộn, nằm xen lẫn vào giữa những cửa hàng cổ điển trong một dãy phố. Những cửa hàng này rất ăn khách và luôn luôn chật ních người ! Bạn cứ thử đi coi một lần cho biết, những cửa hiệu mang tên *Why* ở phố Francs Bourgeois, hoặc ở Forum des Halles ! Đáng coi lắm !

Tôi cũng chợt nghiệm ra rằng thành phố là một cơ thể sống, và *sự sống* bao giờ cũng mãnh liệt, nó có thể đi trước, hoặc đi sau nghệ thuật, nhưng dù thế nào, khi cần thiết, nó vẫn có thể dễ dàng *qua mặt* những qui ước nghệ thuật (qui ước về sự hài hoà, về màu sắc, về tỷ lệ, v.v.), thậm chí cả đến những qui ước xã hội (những cấm kỵ, thủ tục, v.v.) !

Người đến khu phố này bây giờ cũng đông hẳn lên. Đông nhất là phố Francs-Bourgeois. Ở đây, người đi cứ như chảy hội, nhất là vào những ngày thứ Bảy, Chủ Nhật. Già có, trẻ có, hàng hàng lại càng nhiều hơn ! Dân Paris và ngoại ô cũng đông, mà người từ các tỉnh lên cũng không ít. Người ngoại quốc cũng không thiếu, nhất là



Bảo tàng Carnavalet, phố Sévigné (thế kỷ 16), hình Didier Piquier.

người Nhật Bản. Họ đi chơi phố, đi xem cửa hàng, đi mua sắm, nhưng đôi khi đó cũng là những người đi xem bảo tàng, hoặc đi nghe hoà nhạc ở đây, rồi nhân tiện khi ra, đi xem cửa hàng, tham quan phố xá và các danh thắng luôn thể.

Ở khu này có rất nhiều bảo tàng và danh thắng nằm sát bên nhau : bảo tàng Carnavalet, tập trung về lịch sử Paris. Bảo tàng này là một dinh thự cổ (Hotel Carnavalet), chiếm gần cả một ô phố, và nằm ở giữa các phố Payenne, Parc Royal, Sévigné, và Francs Bourgeois. Bảo tàng Picasso nằm ở góc phố Thorigny và phố Coutures Saint-Gervais cũng rất bề thế. Bảo tàng Lịch sử Pháp ở phố Francs-Bourgeois cũng nằm trong một dinh thự thế kỷ 17-18.

Ở đây, người đi bộ làm vua, và chỉ có đi bộ mới có thể lê gót, la cà, đi xem thoải mái được, chứ ngồi trong xe hơi “cưỡi ngựa xem hoa”, thì chẳng thấy được cái gì hết !

Trong khu Marais còn có một tiểu khu, gọi là Khu người Do Thái, với các phố nổi tiếng như rue des Rosiers, rue Vieille-du-Temple, rue des Archives, v.v. Nói chung, khu này là khu có nhiều người Do Thái ở từ xưa và làm các nghề như sản xuất và bán buôn quần áo, đồ da, v.v. Nhích lên phía bắc một chút, về mạn gần Arts et Métiers, là khu người Trung Hoa, có lẽ họ đã đến lập nghiệp ở đây từ ngay sau Thế chiến thứ nhất, và cũng chuyên về nghề may quần áo và làm đồ da. Ở đây cũng có hai ba “phố Tàu” có đầy tiệm ăn Tàu và Việt Nam (rue au Maire, rue Volta, v.v.).

Hiện tượng *thay da đổi thịt* từng ngày từng giờ của một thành phố tràn đầy sức sống như Paris, thật ra cũng dễ hiểu, và không phải chỉ diễn ra ở khu Marais. Trong Paris còn nhiều nơi khác cũng đã thay da đổi thịt như thế từ một ít năm nay : bên tả ngạn, có khu Bastille (rue de la Roquette, rue de Lappe, rue des Tournelles, v.v.) ; khu République (phố Oberkamf, phía bên này đại lộ République) ; khu Saint-Séverin (rue de la Harpe, rue de la Huchette, v.v.) ; bên hữu ngạn, có khu Pigalle - Montmartre (từ rue des Martyrs đến Place des Abesses), và ở một mức độ khác, với một tinh thần khác, có khu công viên Butte de Chaumont, và các phố xung quanh.

Thí dụ mà tôi nêu lên ở trên về khu phố Marais, và đặc biệt là trục đường rue des Francs Bourgeois, và các phố lân cận, chủ yếu để nói lên một điều là, ở thành phố này, người ta đã thành công trong việc làm sống lại một khu phố cổ, khiến cho nó không những đáp ứng được kịp thời những nhu cầu văn hoá đa dạng của xã hội, mà còn đem lại được cho thành phố những nguồn lợi đáng kể về mặt kinh tế (du lịch và thương mại).

Nói chung, những sự hoá thân, đổi mới, thường có nguyên nhân là sự kết hợp giữa những động cơ kinh tế và văn hoá. Để tạo nên một bộ mặt mới, với những chức năng mới, đem lại cho một khu phố một sức sống mới, người ta đã phải nghiên cứu, tìm tòi, thử nghiệm từng bước, và giải pháp được chọn lựa không phải là một giải pháp áp đặt, mà ngược lại, phải đáp ứng được đúng những nhu cầu sinh hoạt của dân chúng, nắm bắt được đúng các xu hướng thẩm mỹ, cũng như cái *gu* của quần chúng ở một thời điểm nhất định.

Sự hoá thân của khu Marais và khu Forum des Halles chỉ thật sự bắt đầu từ năm 1969 với quyết định của nhà nước cải tạo khu chợ Halles cũ, dựa trên phương án của APUR (Atelier Parisien d'Urbanisme), và với sự ra đời của Trung tâm văn hoá



Trung tâm Beaubourg giữa khu phố cổ
(tranh biếm hoạ, *Bulldingue*)

Beaubourg vào đầu những năm 70. Khi đưa ra cuộc thi thiết kế trung tâm này – cũng như một cuộc trưng cầu dân ý – những người có trách nhiệm chung về sự phát triển của thành phố đã mời các nhà qui hoạch và kiến trúc suy nghĩ về chức năng của công trình tương lai, và ảnh hưởng của nó lên cả khu phố. Kết quả là Trung tâm Beaubourg, với kiến trúc khá táo bạo đối với thời điểm nó ra đời, đã là một nét chấm phá

quan trọng, một cực thu hút, một biểu tượng mới của sự phát triển của khu phố ! Dù muốn dù không, nó đã là một cái đầu tàu, một đòn bẩy mạnh mẽ cho sự phát triển của cả khu vực về các mặt văn hoá, du lịch và thương mại. Chỉ sau vài năm, các phố xung quanh Trung tâm đều trở nên náo nhiệt, sầm uất. Trục đường phố Rambuteau - Francs Bourgeois, vốn đã tấp nập ngay từ xưa, nay càng trở nên nhộn nhịp, một đầu nối liền khu Trung tâm Beaubourg với khu Forum des Halles, đầu kia nối với khu Marais, và khu Bastille.

Bài học có thể rút ra từ kinh nghiệm “bảo tồn và cải tạo” khu Marais và khu chợ Halles cũ là : ở đây, mục tiêu đặt ra, vào cuối những năm 60, sau khi dời chợ Halles cũ ra ngoại thành, không phải chỉ là bảo tồn một khu phố cổ, mà còn là khai thác giá trị lịch sử, cùng mọi khả năng tiềm ẩn của nó, để làm cho nó phát triển hơn trước về mọi mặt kinh tế và văn hoá. Ở đây, người ta đã không *bảo tồn* trong tinh thần tôn cổ, nhưng người ta cũng không *cải tạo* bừa bãi. Chẳng hạn như xen kẽ với những ngôi nhà cổ, người ta không xây những khách sạn mini, hoặc những trụ sở công ty cao tầng, v.v. Song, ngược lại, người ta tận dụng tối đa các dinh thự, nhà thờ cổ, bằng cách lồng thêm cho chúng những chức năng văn hoá mới ; mặt khác, người ta khuyến khích việc phát triển các cửa hiệu buôn bán nhỏ, các ngành nghề mỹ nghệ, thủ công, các galleries nghệ thuật, nhưng cũng chỉ giới hạn ở tầng trệt thôi.

Nói tóm lại, nếu lộ trình cổ điển của khách lãng du đến thăm viếng Paris từ xưa tới nay vẫn là các trục lớn, như : Louvre - Tuileries - Champs-Élysées ; Invalides - Grand Palais - Faubourg Saint-Honoré ; Chaillot - Tour Eiffel - Champs de Mars ; Palais Royal - Opéra - Grands Boulevards ; và mặt khác, các trục đường Saint-Jacques, Saint-Germain, Saint-Michel ; hoặc các khu phố vốn vẫn nổi tiếng như Montmartre, Saint-Germain-des-Prés, Quartier Latin, v.v. thì giờ đây có thể bổ túc thêm vào đó một lộ trình khác, với một tinh thần hơi khác, mà tôi vừa trình bày ở trên. Đó là một lộ trình cho phép nhìn sâu hơn vào lịch sử của Paris, và đi sâu hơn vào các khu phố cổ, mà dư hương của đời sống phố phường ngày trước vẫn còn như phảng phất.

Văn Ngọc

Lê Minh Hà

Ông

Khi cháy hết đời mình, nến sẽ lịm dần, và từ đó, một tia khói sẽ vươn lên, sẽ thoảng một mùi hương. Rất nhẹ, rất lành hiền, tựa hồ quên lãng.

Có những cuộc đời như thế.

Có một cuộc đời như thế.

Ngân biết tên ông từ lâu, như một người tham dự, như một người làm chứng, làm chứng cho một thời kì, làm chứng cho một lớp người con Việt, ở một xứ sở đã để lại cho chúng ta hôm nay dấu ấn không thể tàn phai, về máu, về nước mắt, về một cách gào thét, thở than. Bản thân ông và đồng chí của ông, trong một nghĩa nào đó, cũng chính là lịch sử.

Ngân quen ông chưa lâu. Số phận đã chọn ông thành người phù trợ cho Ngân, trong một khoảng đời cay đắng. Điều ông và Ngân mong muốn rút cục không thành. Nhưng Ngân không quên tấm lòng ông, ngây thơ, bao dung và nhẫn nại vô cùng tận trước đời sống này.

Ngân gặp ông chỉ một lần. Thời gian chỉ đủ cho Ngân nói đôi lời hỏi thăm sức khỏe của ông và kể về chuyến đi cập rập của mình. Nhưng đủ để Ngân giữ mãi trong lòng nỗi buồn ngùi trong buổi sáng Paris ấy.

Sự sống dường như chỉ còn là một mạch nước sắp kiệt ở ông. Làn da nhăn nheo, trắng bột, giọng nói yếu, nụ cười mong manh, đôi bàn tay đầy gân vịn trên thành ghế. Đây là ông. Ông ngồi đối mặt với bức sơn dầu ngồn ngộn hai khối tròn nóng ấm và tươi sáng mà chính ông đã vẽ. Bức tranh thu toàn bộ sự sống trong nhà. Còn lại : chỉ là ông và bụi nắng.

Căn hộ của ông ở Paris giống như một cái bến mà đồng hương từ Việt Nam qua hay tập thuyền vào. Đã bao nhiêu người ngày ngày vào ra nơi đó. Đã bao nhiêu người ngày ngày đi qua ông để tới với cuộc đời hăm hở ngoài kia. Có phút nào, có ai nghĩ đến ông lão đang leo lét sống và đợi. Có ai, một lần ngồi lại, nói với ông về Tổ quốc ông yêu ? Có ai, một lần hỏi ông về cuộc đời ông ? Có ai biết vì sao ông lại quẩn luyến con người như thế ?

Đâu phải vì cô đơn.

Đã hơn một lần Ngân tưởng ra rằng ông và đồng chí của ông là người chiến thắng trong cuộc đấu tranh thuở ấy. Nếu thế thì những bài lịch sử mà bọn Ngân đã học phải ra sao ? Những bài ca cho tuổi măng non ngày ấy sẽ ra sao ? Và cách xưng hô của một thời đã ra sao, nếu không phải là “ chúng ta, đồng chí ” ? Và liệu có không nổi ngày Bắc đêm Nam ? Liệu có không máu thịt Việt Nam trải khắp những cánh rừng già bên mưa bên nắng ?

Tất cả chỉ là giả định. Có cái gì thật vô vọng trong cuộc chiến đấu mà ông đeo đuổi cho tới lúc tàn hơi. Ngân không

nghĩ mình sẽ bị thuyết phục bởi lý tưởng của ông. Lớn lên nơi ấy vào thời buổi ấy, nơi những gam màu sáng chỉ hội trong bóng cờ và khẩu hiệu tung bùng, Ngân đã tự miễn dịch được rồi trước những lời kêu gọi, sau những tin yêu rồi choáng váng hoài nghi. Nhưng gặp ông, thỉnh thoảng nghe tiếng ông qua điện thoại, Ngân lại ngạc nhiên thấy mình xúc động. Có cái gì vừa bất khuất vừa bi thảm trong toàn bộ cách thế sống của những con người ấy.

Ngân biết mình cũng không mê văn chương của ông. Ngôn ngữ ông dùng trong văn chương giống như là di tích vậy. Nhưng chính điều đó làm Ngân cảm động. Ông đã giữ cho mình bao nhiêu năm ròng tiếng Việt ấy của làng quê nghèo ấy ở thời buổi ấy. Bao nhiêu năm rồi ? Ông kể cho Ngân về sáu mươi năm thương nhớ quê nhà. Về nỗi đau không bao giờ gặp lại người ruột thịt. Và ông khóc. Tiếng khóc vọng từ đâu kia đường dây điện thoại, xuyên qua không gian đầy cảm biến tới Ngân chỉ còn là khúc điệu nghẹn ngào của những khoảng ngừng chết chóc. Hình ảnh người trai nhà quê Việt Nam mấy mươi năm về trước lúi thủi lê chỏi đi về giữa những tình sương Paris trắng rợn lòng bóng rầy một nỗi quê nhà có khác gì đâu hình ảnh mà bọn Ngân suốt một tuổi học trò đã tưởng là duy nhất.

Khác chăng : ông phải mượn quê người để kí thác cả cuộc đời đã sống cho quê hương.

Nhiều năm ròng sống cho một quê nhà chưa bao giờ được một lần nhìn lại là bi kịch của bao nhiêu con dân Việt đã tự vãi mình ra trên thế giới này ? Ngân kinh ngạc vì tưởng tượng của ông về quê hương : một gốc đa đầu làng, (đã hắt), những người đàn bà xắn váy quai công gồng gồng gánh gánh ; những hàm răng đen hôn hậu; bấy trẻ nghèo mới tí tuổi đầu đã phải xóc vác nuôi thân, và những con đường làng lầy lội, những mái tranh đã ải, nắng trên sông xa, sương khói buồn buồn. Hình dung của ông vừa cũ kỹ vừa sát thực. Chẳng phải những cảnh đời đau khổ thuở ấy vẫn còn nguyên đó hay sao ? Có khác gì đâu một đôi mắt đối, đâu là trong thời nào. Ông không biết những hồi ức của ông làm Ngân đau khổ. Không phải vì cảm thương cho ông. Ông đâu cần điều đó và Ngân đâu dám. Nhưng nỗi đau khổ là có thật. Khủng khiếp xiết bao khi đột nhiên nhận ra rằng tám mươi năm đời ông không phải là sự kết nối những ngày sống và những cùng cực mà người ta vẫn tưởng chép miệng một cái là xong, vì rút cục thì đã đi qua, dù sao cũng phải đi qua. Gần một thế kỉ ấy là trùng trùng đau khổ của mấy thế hệ Việt Nam, trong đó có thế hệ Ngân. Một lần nhìn lại đủ để Ngân kinh sợ, khi tưởng ra rằng đó có thể vẫn là số kiếp của thế hệ con mình.

“ Tại sao anh không về ? ”

“ Đâu có được về hả em. Người ta...! ”

Ông trả lời sau một hồi lâu im lặng ?

Tại sao ?

Tại sao ?

Ngân muốn gào lên chỉ một câu hỏi ấy. Ngân không thể gào lên câu hỏi ấy. Tại sao ? Tổ quốc đã chẳng độc lập hơn nửa thế kỷ rồi đó sao ? Tổ quốc đã chẳng thống nhất một phần tư thế kỷ rồi đó sao ? Không Tổ quốc nào cấm cửa con mình.

Một người con như ông, Tổ quốc nào không thương quý.

Tại sao ?

Tại sao ?

“Mấy năm trước họ bảo anh là có thể về. Nhưng già yếu quá rồi, đường xa...” Tiếng ông khê khàng qua đường dây điện thoại.

“Người ta... Họ...”

Giọng ông bình thản quá. Còn có bao người như ông ?

Ông nội của Ngân nằm lại ở một góc rừng Việt Bắc. Khi toàn quốc kháng chiến, ông dặn bà đưa bốn con đại về quê nương tựa họ hàng. Bố, đang thành thoi đi học, phải sáng sáng cấp sách vở cùng thúng xôi lang thang các phố, thay cha giúp mẹ nuôi em. Còn ông, quần nâu tím ống, hì hục khuân vác máy móc đưa lên Việt Bắc. Bố kể buổi ông đi, nắng và gió lạnh, bố cấp thúng xôi còn lưng lưng qua đó ngóng, gặp ông trong đoàn quân đang tập hợp chuẩn bị ra đi. Niềm tự hào làm cổ cậu bé học trò mười hai tuổi nghẹn lại không gọi người cha thành tiếng được. Ông nhìn thấy bố, rời hàng quân chạy qua phố, đỡ thúng xôi đặt xuống vỉa hè, vết đưa anh em mỗi người một gói, rồi lần túi đưa nốt cho con mấy đồng bạc lẻ, nắn hai bả vai gầy của đứa con còn chưa vỡ giọng, dặn nói với mẹ đưa em về quê ngay. Rồi ông đi. Không bao giờ về lại. Chưa bao giờ Ngân hiểu thấu tiếng gọi đã giục ông đi ngày ấy, dầu vợ yếu và con đại còn vướng lại trong thành phố sắp bỏ ngõ. Người vệ quốc trong đoàn quân chân đất quần nâu ấy khi còn làm lính thợ đã một lần tưởng phải xuống tàu, qua Pháp. Nếu ông đi ? Thì biết đâu ông chẳng đã sống một cuộc đời tranh đấu âm thầm và quyết liệt như người lính thợ năm xưa, người cộng sản không hợp thời vừa gửi vào gió Paris hơi thở chói. Rất nhiều năm sau này, rồi nơi sơ tán trở lại trường xưa, bao nhiêu chiều Ngân đã cấp sách đi lại con đường xưa của bố và ông, bao nhiêu chiều Ngân đã dừng lại ở cổng nhà máy ấy, cúi nhìn những tấm đá xanh vạm vỡ và bóng lên như nước ở quảng phố ấy, cố gắng tưởng tượng người ông chưa bao giờ biết mặt phong phanh trong bộ áo quần nâu, cố gắng tưởng tượng Hà Nội mùa đông xưa rạo rực bước chân âm thầm quyết liệt của những người dân một niềm quyết tử. Cho Tổ quốc quyết sinh. Ông mất, không bao giờ tìm thấy mộ. Ngày cải cách ruộng đất, cả nhà dân Hà Nội tản cư không ruộng không vườn nhưng vẫn lao đao vì lời vu dũ, rằng ông đi lính cho Pháp, rằng ông là việt gian bị ám sát ở thành. Bà, gồng tám thân gầy yếu cho đàn con đang vừa phần uất vừa hoang mang hải hùng nương vào, nhất quyết đòi lại cho chồng một lời chứng đã chết vì Tổ quốc. Lời chứng ấy, bao nhiêu năm sau mới tới với cả nhà, qua tấm bằng Tổ quốc ghi công, mà trong đó tên ông bị viết sai. Bà, rằm tháng bảy, thở một hơi dài : “ Không sao cả. Nếu chỉ câu sống, ông đã không đi kháng chiến. Vậy có sống lại, chắc ông cũng chả đòi gì. Chỉ tội cho ông, chết chả biết ngày nào mà làm giỗ giờ phải về cùng ma đói ”. Rồi bà khóc. Rằm tháng bảy năm nào cũng khóc. Suốt nửa thế kỷ. Từ thuở ngoài ba mươi. Cho tới ngày xuôi tay.

Ngân tin lời bà. Nhưng Ngân đã bao lần tự hỏi ông đã nghĩ gì khi ông bị thương nặng rồi nằm lại vĩnh viễn ở góc rừng ấy, ở tuổi bốn mươi, như chồng Ngân bây giờ. Ông có nhớ một thành phố mà ở đó ông đã lớn lên, đã lấy vợ sinh con, đã sống một kiếp âm thầm nhưng bình an cùng với nó và đã

đột nhiên hiểu ra rằng nó có thể thuộc về mình ? Ông có nhớ chăng buổi lên đường theo tiếng gọi của sông núi ? Ông có nghĩ tới một làng quê đang bao bọc và rầy bỏ vợ con mình ? Ông có nghĩ tới một cuộc sống khác ông mong mỏi cho con mình ? Và ông có biết...

...Và ông lão vừa khuất bóng ở Paris ? Với ông, cái gì là hình ảnh cuối về cuộc đời đã qua hiện lại trong trí phút tàn hơi ? Những năm dài sống âm thầm ở Paris sau những buổi dần thân ? Hay chính là những ngày trẻ trai tranh đấu ? Gương mặt đồng chí một đời ? Vợ và con ? Con đường xưa về làng xưa và mờ nhân ảnh bao người ruột thịt đã chết đói nửa thế kỷ trước mà ông đã từng khóc với Ngân là ông rất khó hình dung lại ?

Ngân đã nhắc mình đừng nhớ nữa, đừng nhớ nỗi bùi ngùi ấy nữa. Nhưng không thể. Không thể nào xóa nổi hình ảnh ông lão đồng hương ngồi trong bóng sáng Paris, giữa căn hộ ở tít cao một ngôi nhà lớn. Không thể xóa nổi hình dung dấu bàn tay đứa con hai tuổi của chị để lại trên lớp bụi quanh ông lúc lẫm chẫm bước trong phòng. Ông đã ngồi như thế bao lâu rồi, đã cô độc cùng trí nhớ của mình, dầu có bao người lao xao vào ra nơi đó. Mỗi bình minh. Mỗi ban trưa. Mỗi hoàng hôn. Mỗi đêm dài khó ngủ. Ngôi nhà chon von như một ngọn núi mà ông không thể nào tự lần xuống được nữa, để đến với ngoài kia hừng hực vô tư tự Paris. Đêm. Núi. Mưa. Nỗi sầu cố quốc. Bao nhiêu lần ông đã sống cảm giác ấy trong cuộc đời dằng dặc biến cố của mình ?

“ Vẫn biết chết rồi là hết chuyện - Chín châu chưa chút được sum vầy - Ngày nào thu lại miền trung thổ - Cúng bố đừng quên khấn bố hay...” (*)

...Nỗi sầu biên tái ấy âm vọng từ xưa, xưa lắm, xa, xa lắm. Vì Tổ quốc không còn. Hiểu được ! Ông, thế kỷ này, cũng một niềm xứ sở. Biết khấn ông như thế nào, nếu có thể thấp cho ông một nén hương. Ngân chạnh lòng. Tàn tro một nắm...

Vẫn biết chết rồi là hết chuyện ! Mà sao...

Lê Minh Hà

Trích Gió của thời khuất mặt

* Thơ Sầm Tham (Trung quốc)

Tìm đọc

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA
Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

♦ *nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước*

♦ *nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam*

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện
15 place Souham, F-75013 PARIS
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Phỏng vấn Nhà thơ Nguyễn Duy :

“Tôi nặng duyên nợ với thơ...”

Phạm Hoàng và Đỗ Quyên thực hiện

Để làm lời phi lộ, xin mượn điều sau của nhà báo Lương Châu Phước (Canada) nói về nhân vật chính của chúng ta :

“ Nguyễn Duy là một trong những nhà thơ ở lứa tuổi 40-50 được mến mộ nhất ở Việt Nam. Anh (đang) được mời sang Mỹ để thuyết trình, triển lãm thơ Việt Nam và đọc thơ trong nhiều trường đại học. Anh là tác giả nhiều tập thơ, bút ký, trong đó có tập thơ song ngữ *Distant Road / Đường Xa*, xuất bản ở Mỹ. Anh có nhiều bài thơ nhiều người đặc biệt ưa thích như : Năm Vòng Đi Ra Biển, Thơ Gửi Người Xa Xứ, Đánh Thức Tiềm Lực, Bán Vàng, Mười Năm Bấm Đấm Ngón Tay, Pháo Tết, v.v... Trong vài năm gần đây, anh có thêm những hoạt động sáng tạo mới lạ : viết lời bình cho một số vở ballet của Ea Sola, tổ chức những cuộc triển lãm thơ, xuất bản những tấm lịch thơ rất dễ thương. Anh có trí nhớ rất tốt, thuộc nhiều bài thơ của mình và của nhiều tác giả khác, có cách đọc thơ độc đáo và nhất là “ hát xẩm ”, hát “ tiểu lâm vĩa hè ” không thể bắt chước được. Ngoài ra, anh còn là người am hiểu tình hình văn học, thời sự. Và lại còn có tài... nấu ăn “ hết sảy ” ! ”

Chúng tôi xin bổ sung : Nhà thơ Nguyễn Duy sinh năm 1947 ở Thanh Hóa, đã được xuất bản 13 tập thơ, 3 tập sách ; năm 1982, lần đầu tiên, được giải Quốc gia về thơ với tập Cát Trắng ; là người đầu tiên ở Việt Nam phát hành thơ theo cách mới qua các cuộc triển lãm thơ, viết thơ trên thúng, mùng, tranh giấy dó, lịch đề thơ...

Tháng 7-2001, Nguyễn Duy được mời sang Đức và có một buổi nói chuyện thơ, có phòng triển lãm thơ. Chúng tôi đã tới dự và có ghi chép buổi nói chuyện, ngoài buổi trò chuyện riêng với anh. Để bạn đọc có cái nhìn toàn cảnh về cuộc gặp gỡ này, xin trích dẫn phần nói chuyện xen kẽ những câu hỏi của chúng tôi với nhà thơ Nguyễn Duy về thơ với cuộc sống của anh, cũng như những suy nghĩ của anh về thời cuộc.

Nguyễn Duy - Thơ lục bát

NGUYỄN DUY : Tôi quê ở cái vùng “ ăn rau má, phá đường tàu, đục ống dẫn dầu, cắt dây điện thoại ”, là cái vùng “ khu Bốn đầy ra khu Ba đầy vào ”. Tôi sinh ra ở nông thôn, làm ruộng từ bé, đầm mình trong đất cát, rơm rạ, cua ốc và ngôn ngữ của nhà quê. Lớn lên thì đi lang thang nhiều nơi, nhưng mà cái thần hồn của làng quê trong tôi nó cứ nhập vào như lên đồng ấy. Chính thế mà sau này tôi rất thích làm thơ lục bát. Đã một thời người ta bỏ thơ lục bát không làm nữa, nhất là ở cuối những năm 60 ít người còn làm thơ lục bát. Tôi thấy tội nghiệp cho cái thể loại thơ này, người ta bỏ đi thì mình lại nhặt vào. Tôi mài, tôi dũa, tôi thổi vào cái thể thơ lục bát ấy một cái hồn vía của thế hệ tôi. Và cứ thế là tôi làm thơ lục bát và đã có lúc phải tuyên ngôn :

*Ta dù lếch thếch lời thôi
Mong thơ sinh hạ cho đôi ba dòng
Cứ chìm nổi với đám đông
Riêng ta xác định ta không là gì
Cứ bèo bọt bước thiên di
Đưa chân lục bát mà đi loằng ngoằng*

*Cứ nôi lẫn thần nghìn năm
Vu vơ động cốn tâm thần tâm linh
Cứ là rượu của chúng sinh
Cho ta nhắm nháp cho mình say sưa
Cứ như cây cỏ bốn mùa
Giọt sương giọt nắng giọt mưa rơi đầy
Thơ ơi ta bảo thơ này
Để ta đi cấy đi cày nuôi em*

Và cứ đưa chân lục bát mà đi loằng ngoằng mãi như vậy thôi, nên trong thơ của tôi, số lượng thơ lục bát tương đối nhiều. Kể cả đối với những đề tài hiện đại, đề tài mới của những năm 70, 80 và những năm 90, tôi cũng đều dùng thơ lục bát để thể hiện.

Thí dụ như cách đây mấy năm tôi làm bài *Com bụi ca*. Đây là bài thơ viết về Hà Nội. Những ai lang thang ở thành phố trong chục năm trở lại đây rất thích ăn com bụi. Com bụi vừa ngon vừa rẻ và tại đó người ta lắng nghe được những từ ngữ mới, được để ra từ các quán com bụi. Thí dụ như là : “ hơi bị ”

*Giọt rơi hơi bị trong veo
Mắt đi hơi bị vòng vèo lời thôi
Chân mây hơi bị cuối trời
Em hơi bị đẹp, anh hơi bị nhàu*

Hay là những từ rất là trang nghiêm, sử dụng trong các cuộc hội nghị Thượng đỉnh chẳng hạn được đưa ra ngoài hàng com bụi và ngược lại những từ dùng ở ngoài đời, không được đứng đắn, cũng được người ta đưa vào các cuộc họp trang nghiêm. Thí dụ, trong một cuộc mặc cả về một món hàng nào đó, chị bán hàng nói : “ *Bây giờ ông anh phát biểu đi, để cho em quyết !* ” Và khi trả giá với nhau, người bán hàng nói thách giá cao lên, thì ông anh nói : “ *Gớm bà chị làm gì mà cao bá quất thế, thôi nguyên bình khiêm đi, em bây giờ cũng đang đội cán lắm. Này qua cái thời võ văn kiệt rồi nhưng chưa phải là nông đức mạnh đâu nhé, làm gì cũng phải lưu ý đến trần đức lương, chứ đừng có mà lè khà phiêu đâu nhé !* ”. Cho nên là mỗi lần về Hà Nội tôi rất thích đi com bụi, còn mấy cái nhà hàng khách sạn tôi rất ngại vào.

*Xa nhau cực nhớ cực thèm
Ai về Hà Nội gửi em đôi nhời
Cô đầu thời các cụ chơi
Ta nay com bụi bia hơi tà tà
Lò mò Cẩm Chải, Bắc Qua
Mà coi giai gái vật quà như điên
Tiết canh Hàng Bút, Hàng Phèn
Bún xuôi Tô Tịch, phở lên Hàng Đồng
Cháo lòng Chợ Đuối, Hàng Bông
Nhật Tân, Âm Phủ mệnh mỏng thịt cây
Bánh tôm hơi hớ Hồ Tây
Com đầu ghế, bát ngát ngay vĩa hè
Cực kỳ gốc sáu bóng me
Cực ngon, cực nhẹ, cực nhoe em ơi !
Đừng chê anh khoái bụi đời
Bụi dân sinh ấy bụi người đấy em
Xin nghe anh nói cực nghiêm
Linh hồn cát bụi ở miền trong veo
Rủ nhau com bụi giá bèo
Yêu nhau theo một nhà nghèo, vô tư.*

“ Vô tư ” là một từ của com bụi và rất nhiều những từ ngữ mới được sinh ra ở trong những lớp người mới.

Có nhiều người nói một cách khoác lác là nhà thơ là người sáng tạo ra ngôn ngữ ; nhưng tôi làm thơ mấy chục năm rồi và cũng nghiên cứu rất nhiều nhà thơ khác, thì tôi thấy là không

Việt Nam trong khoảng chục năm gần đây có một cái phong trào, đó là phong trào Thi Hoa Hậu : Hoa Hậu Tiền Phong, Hoa Hậu Thể Dục Thể Thao, Hoa Hậu Học Đường, Hoa Hậu Khóm, Hoa Hậu Phường... Tôi có làm một bài về cuộc thi Hoa Hậu đầu tiên ở Việt Nam, cuộc thi Hoa Hậu Tiền Phong, chủ yếu để tặng hai ông bạn được mời làm giám khảo cuộc thi, đó là nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và anh Hoàng Thiệu Khang, một người dạy về mỹ học. Bài thơ *Hoa Hậu vườn nhà ta* đùa diễu hai ông bạn giám khảo nhưng lại được nhiều anh em trẻ thích thú.

Ta dán mắt vào lỗ lồi lõm mỹ học
Nét đẹp sinh thành từ đường cong
Nhan sắc phô phang cái lý luận của nó
Tài năng đờng hòng mà chen ngang
Cả vô thức, ý thức đều bị loại
Cuộc thi dành cho những gì Trời cho
Người thi người còn ta thi thi nhìn
Khán giả buông lời cái nhìn thành thực
Ban giám khảo có vẻ nhìn nghiêm túc
Nhà giáo dục nhìn hé hé mắt
Nhà chức sắc nhìn nghiêng
Nhà phê bình nhìn xiên
Nhà thơ lơ mơ nhìn cuộc hoá ra gà
Nhà nhiếp ảnh nhìn vắn vắn vèo vèo
Nhà báo nhìn lơ lơ lơ lơ
Nhà buôn nhìn lắt lắt lắt lắt
Nhà quê nhìn em bằng con mắt lá mắt vui vui,
khúc ruột lại buồn buồn

Ta dán làm sao hết lỗ thủng định mệnh,
Em thoát làm sao khỏi cơ chế thị trường
Hậu Hoa Hậu còn gập ghềnh lắm
Thua cũng thương mà thắng cũng thương
Hồng nhan ả, giá ta làm chủ khảo
Để em thi với cỏ nôi, hoa vườn

Phạm Hoàng : Hôm nay là lần đầu tiên tôi được nghe chính nhà thơ Nguyễn Duy đọc thơ của mình, còn lúc trước tôi được biết về thơ Nguyễn Duy qua các báo chí. Có một bài thơ mà tôi rất thích và tâm đắc mà quên tựa đề, hình như nói về một người lính biệt động quân. Và điều thứ hai, được biết không phải lần đầu tiên nhà thơ Nguyễn Duy tới Đức, tới Berlin, vậy anh có làm bài thơ nào ở Đức hay không và nếu có xin mời anh đọc để tặng cho mọi người.

Bút chùa nhà không thiêng... Ban biên tập Diễn Đàn nhiều lần gặp Nguyễn Duy, báo đã đăng nhiều bài thơ và văn của anh, nhưng chưa bao giờ chúng tôi làm được một bài phỏng vấn. Rượu vào lời ra, nên bút khó sa. Xin cảm ơn Phạm Hoàng và Đỗ Quyên (và tạp chí *Cánh én*) đã làm hộ việc này.

nhắc, đó là bài thơ Đứng Lại. Bài này tôi viết ở mặt trận Quảng Trị năm 1972 và cũng rất là phiền khi bài thơ này được đọc ở trường đại học Tổng Hợp Hà Nội thì cũng bị phê phán. Ông Hà Xuân Trường, khi đó là Trưởng ban Tuyên Huấn Trung Ương, có viết phê bình trên báo rằng đây là bài thơ theo tinh thần chủ nghĩa nhân đạo chung chung. Trong bài thơ nói về một anh lính : là tôi, đuổi theo một anh lính đối phương. Tôi có thể, có quyền bắn anh hoặc bắt anh đó. Trong hai chiến thắng đó thì tôi chọn chiến thắng cao hơn là bắt chứ tôi không bắn. Bài thơ như sau :

- Đứng lại !

Đó là bài thơ của 30 năm trước. Còn bài thơ của 10 năm trước ở Đức là bài thơ ngắn tôi viết tặng bé Hải Anh, bé hôm nay đang ngồi ở đây. Tôi từ Tiệp Khắc qua bên này thì phát hiện ra ở Dresden có rất nhiều rau muối và bé Hải Anh dẫn tôi đi hái rau muối.

Hồi đó tôi có viết phóng sự về những người Việt Nam ở Đức, phóng sự *Đông Âu du ký*, đăng 10 kỳ ở báo *Lao Động*, trong đó có những chương viết về nước Đức. Thật ra vấn đề của nước Đức lúc đó tôi muốn viết lắm, nhưng hoàn cảnh viết chưa được. Chỉ có bài *Nghĩ cho cùng mọi cuộc chiến tranh / Phe nào thắng nhân dân đều bại*, tôi đã bị làm phiền rất là ghê. Lúc đó tôi muốn viết là viết về Bức tường thành Berlin, sự hình thành ra nó, sự phá vỡ nó và biểu tượng của nó trong thế giới hiện đại, nhưng mà thú thật là chưa viết được. Nó vẫn còn là một món nợ mà đến một lúc nào đó tôi sẽ phải trở lại

cái đề tài này.

PH : Tôi không có tài năng gì về thơ cả nhưng xin kể một câu chuyện nhỏ. Cách đây khoảng vài năm, hai người bạn làm thơ của tôi có gặp tôi và chị Đoàn Thị Lam Luyến. (Chắc là anh Duy có biết chị Luyến ?). Hai người bạn làm thơ đã đưa thơ của mình để chị Luyến xem và góp ý, thì chị Luyến có phê : “ Thơ của anh thật thà quá ! ”, và nói với người kia là “ Thơ anh rất hay và có cái giọng của Nguyễn Duy ”. Quả thật trước đó tôi biết rất ít về anh và sau đó tôi có để tâm tìm hiểu. Theo tôi cái nhận xét là “ có phong cách Nguyễn Duy ” là một lời khen và một trong những đỉnh cao của thơ Nguyễn Duy là bài Nhìn Từ Xa... Tổ Quốc mà anh mới đọc. Tôi nghĩ, anh để rất nhiều cái tâm vào đó. Vừa rồi anh cũng nói là muốn mãi dũa, muốn theo đuổi thơ lục bát, nhưng tôi thấy những bài đánh vào lòng của anh, cho dù có thể không phải chủ ý của anh mà là do người đọc, lại nằm ở những bài không phải lục bát chút nào hết. Nếu tôi nhớ không nhầm thì trước đây khoảng một vài năm cũng có những bài phê bình ở trong nước hành hạ anh cả về mặt đặt câu thơ.

Tôi muốn hỏi tò mò một chút là anh bắt đầu cách viết thơ không có vào thời điểm nào, có thể anh thích một thể loại thơ nào đó, hoặc một thần tượng nào đó, hay là do một thôi thúc nào đó làm anh viết kiểu thơ như vậy ?

NGUYỄN DUY : Thực ra cái lúc mà tôi đi học ở trường Lam Sơn - Thanh Hoá, lúc đó khoảng 14-15 tuổi, tôi cũng làm thơ và gửi nhiều báo. Đạo đó tôi rất thích kiểu thơ gọi là hiện đại hoá và có làm một bài thơ tựa đề là Người vợ của tôi

*Tôi hình dung người vợ của tôi
da thịt bằng gang, tim gan bằng chì và ruột bằng cứt sắt
cái mặt nửa đỏ nửa đen, răng lợn lòi nhọn hoắt
đôi mắt đèn pha phòng không sáng quắc
khi trợn lên mắt thiên hạ nhắm nghiền
nụ cười dịu hiền ngoác ra như hố bom
khi xuất hiện là miệng đời méo xệ
và giọng nói là xe tăng gầm xé
khi cất lên tất cả phải im hơi
Bởi rất yêu người vợ của tôi
nên tôi phải hình dung như thế*

Và cứ kiểu ấy tôi làm rất nhiều, rồi gửi mãi mà chả có ai in cả. Sau, thấy người ta đua nhau làm hiện đại hoá thơ, bỏ lục bát thì tôi lại nghĩ : Mình nhặt lại cái lục bát đó mình làm. Đi tìm lòng vòng như vậy rồi tôi lại trở về điểm xuất phát. Tôi còn nhớ một bài thơ viết vào năm 1957, khi đó tôi đang học lớp hai ở trường Đờ Lèn, bài Trên sân trường :

*Đứa chơi đáo đứa nhảy vòng
còn tôi ngắm nhìn dòng sông
tôi không chơi đáo vì không có tiền
Có tiền tôi cũng không chơi
vì tôi không muốn bạn tôi mất tiền
Tôi vui tôi ngắm tôi nhìn
Con sông có bóng con thuyền thả câu*

Những bài thơ mà tôi thích nhất vẫn là những bài lục bát. Còn những bài thơ mà tôi gọi là thơ hạng nặng như vừa đọc thực ra nó được nhiều người quan tâm bởi vì nó đi thẳng vào những chuyện của ngày hôm nay, tâm tình của thời cuộc, mối quan tâm, mối liên hệ rộng với rất nhiều người, liên hệ sâu với nhiều lĩnh vực xã hội. Thật ra, nếu nói riêng về thơ thì những bài thơ đó không phải là những bài tôi thích. Tôi thích vẫn là những cái nhỏ nhỏ :

*Giọt rơi hơi bị trong veo
Mắt đi hơi bị vòng vèo lời thôi*

*Chân mây hơi bị cuối trời
Em hơi bị đẹp anh hơi bị nhàu
Lơ ngơ hơi bị ám đầu
Mù mờ hơi bị ngu lâu tàn đời
Thần kinh hơi bị rối bời
Người hơi bị ngòm ta hơi bị người.*

Đấy đại loại là như thế, những cái nho nhỏ mà tôi nghĩ là nó sẽ có sức sống dài hơn những bài thơ dài mà tôi vừa đọc xong, bạn ạ !

PH : Thưa anh, ở đây ai cũng gọi anh là nhà thơ Nguyễn Duy và anh đọc thơ của mình cũng rất hấp dẫn, triển lãm thơ của anh cũng rất hay, nhưng tôi có nghe nói rằng anh tuyên bố sẽ không làm thơ nữa. Vậy mà qua những câu chuyện anh vừa kể ở đây, tôi thấy anh vẫn còn những cái bức xúc, những cái xúc động về những vấn đề buộc anh vẫn phải làm thơ. Nay muốn hỏi “ câu tuyên bố ” đó có đúng không và khi nào anh sẽ làm thơ trở lại ?

NGUYỄN DUY : Cái lời tuyên bố đó là đúng và tôi đã thực hiện đúng điều tôi nói từ năm 1997. Tôi làm triển lãm kỷ niệm tôi 50 tuổi đời và 30 năm làm thơ (kể từ lúc in bài thơ đầu tiên năm 1967). Bài thơ gần đây nhất là Bài ca phiêu lưu viết vào đêm Giao thừa (dương lịch) ngày 31.12.1996 tặng cho cô Ea Sola.

*Xin em đừng nắn lòng yêu
Tình tang là cuộc phiêu lưu tuyệt vời
Xin em đừng ngăn cuộc chơi
Phiêu lưu đã nhất trần đời là mơ
Xin em đừng mãi mong chờ
Phiêu lưu tới bến tới bờ còn xa
Xin em đừng vội vã già
Hiếu cho nhau sống đã là phiêu lưu*

Có thể kể đó là bài thơ mà đến đó tôi ngừng. Sở dĩ như vậy là vì sau 30 năm làm thơ, nhìn lại từ cái thơ nho nhỏ cho đến cái thơ lớn lớn, nhẹ nhẹ cho đến nặng nặng, loại gì tôi cũng có làm, kể cả thơ trào phúng, hài hước. Bây giờ tôi thấy mình làm gì cũng lặp lại mình. Cái đó là tôi nói thực. Chuyện nhỏ mình cũng lặp lại, chuyện lớn mình cũng lặp lại, mình không vượt qua được những cái mà mình đã làm, không vượt qua được chính mình nữa thì nếu tiếp tục nữa, nối dài nữa sẽ rất phí thì giờ. Thì thôi mình ngừng lại đó để làm việc khác. Mấy năm vừa rồi tôi làm một loạt các hoạt động triển lãm, làm lịch, mở ra một cái lối phát hành cho thơ ca. Cho đến bây giờ cũng có nhiều người bắt đầu làm theo cái cách của tôi. Và tôi muốn dành thì giờ để viết sách. Trong bụng tôi hiện nay có rất nhiều những cuốn sách về số phận những người thân, của bạn bè, và của bản thân tôi. Một tuổi thơ, một làng quê, một cuộc chiến tranh như thế, một cuộc vận động xã hội khủng khiếp mà tôi đã trải qua, rồi về cộng đồng người Việt, số phận những người Việt ở nước ngoài, những người lao động ở Liên Xô, Tiệp Khắc, ở Đức mà tôi đã chứng kiến ; cộng đồng người Việt ở Bắc Âu, ở Thụy Điển, ở Pháp, ở Mỹ...

PH : Là người phụ trách tuần báo Văn Nghệ ở miền Nam, anh cho biết qua về nền thơ mới của Việt Nam cũng như thơ ca Việt Nam hiện nay ra sao ?

NGUYỄN DUY : Dù làm trong bộ phận của tuần báo Văn Nghệ ở miền Nam, vì mấy năm nay không làm thơ nên mối quan tâm của tôi với thơ, với những anh em đang làm thơ cũng không được đầy đủ lắm. Tôi nghĩ bây giờ cũng chưa có một cái gì đặc biệt hay về thơ. Còn thơ là ngôn ngữ của hồn người thì lúc nào con người còn thơ nó còn, từng giai đoạn thơ có trào lưu, có thoái trào. Hiện nay người ta đang tìm một lối cho

thơ mới, tuy cái cũ thì không ai muốn làm nhưng cái mới lại chưa ai tìm ra đó là cái gì, cho nên anh em làm thơ còn lúng túng nhiều thứ lắm. Tôi đọc thơ của anh em người Việt ở Mỹ, ở các nơi khác cũng vậy thôi. Lúng túng lắm, như bây giờ mình cũng rất lúng túng là sống như thế nào. Sống đã còn lúng túng huống hồ là làm thơ.

PH : *Lúc này anh có nói thấy buồn khi những bài thơ của anh gặp trắc trở không đến ngay được với bạn đọc. Vậy anh có thấy là may mắn không khi anh không phải “tuần tiết” (cách nói của anh lúc này) về những câu thơ của mình, như là một số nhà thơ Việt nam đã từng gặp phải ?*

NGUYỄN DUY : Tôi vẫn thích những bài thơ nho nhỏ, những câu lục bát bình dị, còn những bài thơ thế sự mang đậm cái tình cảm, tinh thần công dân có một tiếng nói với đất nước vào cái thời mà mình sống. Tôi nghĩ là nó ở trong những cơn bức dọc, phần nộ, bất bình, căm giận... mà mình lớn lối đại ngôn. Nó giống như là quát lên, la lên, bức xúc... Chứ còn thật tình là tôi không muốn làm những bài thơ như vậy.

Nguyễn Duy : Thơ và thời cuộc

NGUYỄN DUY : Tôi xin kể câu chuyện sau về một bài thơ, bài *Nhà thơ và cảnh nghèo*. Sau này khi được in tên bài thơ được đổi là *Thơ tặng người ăn mày*. Đây là bài thơ tôi viết trong vụ lụt năm Quý Sửu, 1973 tại Thanh Hoá, một trong những bài thơ phá cách hồi đó, vì lúc đó người ta thường làm những bài thơ kiểu tụng ca, minh hoạ, còn những điều nói thẳng nói thật về thực trạng xã hội rất khó phổ biến. Không những không được thông cảm mà đôi khi còn bị tai hoạ nữa. Bài này là một trong những thí dụ. Thanh Hóa quê tôi có rất nhiều vua, có tới 5 đời vua, 2 đời chúa... Có thể nói là nhiều đời vua nhất trong lịch sử Việt Nam, nhưng đồng thời ở quê tôi cũng là nhiều ăn mày nhất. Cũng không hiểu tại sao lại có những nghịch lý như vậy, chỉ ghi nhận thế thôi. Ngày xưa người ta có nói : *Thái Bình đẹp lắm ai ơi / Tay bị tay gây khắp nơi tung hoành*, nhưng về sau thì chính người dân Thái Bình còn phải đón tiếp ăn mày của Thanh Hoá ra. Những đoàn đi ăn xin rất hùng hậu, có xe ô-tô chở, có trường đoàn, có giấy giới thiệu để đi : Tự túc lương thực. Hồi tôi đi làm vở múa *Hạn hán và cơn mưa*, tôi có về Thái Bình, nằm ở Quỳnh Phụ mấy tháng, nghe người dân ở đây kể lại rằng “ *Dân Thanh Hoá nhà ông ra đây tàn phá quê tôi ghê gớm lắm !* ”. Tôi lại nhớ tới vụ lụt năm 1973, người ăn xin đầy đường, nhiều người đem con đi cho... Lúc đó tôi là một người lính nghèo, bản thân không có tiền, đi tàu từ Hà Nội về Thanh Hoá cũng phải lậu vé, mà chữ nghĩa thì chả giúp gì được người đói cả. Đó là xuất xứ của bài *Thơ tặng người ăn mày*.

Sau này tôi cứ bị ám ảnh mãi vì cảm giác gặp những người ăn mày hồi đó và tôi tự nghĩ nếu mà mình viết được cái gì với một tâm trạng thực, tấm lòng thực, chia sẻ được với tình cảnh thực của mọi người thì thú vị hơn là làm một công việc của một anh hề, một anh bồi bút. Vì nổi ám ảnh như vậy, tôi nghĩ rằng mình làm thơ bằng những xúc cảm, thích thú của mình, chứ không phải vì những đồng nhuận bút, để viết, để in... Về sau, khi tôi làm lịch, làm các tập tuyển thơ khi phát hành lại bán được, phóng viên báo *Lao Động* có hỏi tôi : “ *Tại sao thơ của anh bây giờ lại bán được ? Anh có thể giải thích một chút và anh có nghĩ gì về chuyện ấy không ?* ” Thời tôi bảo là có lẽ vì cái lúc mà tôi làm thơ tôi không nghĩ đến chuyện tôi bán nó, bây giờ qua nhiều năm những cái gì còn, lại có người cần tìm. Nếu tôi làm được chữ nào lại đem bán ngay chữ đó thì chắc bây giờ tiêu cũng hết rồi, chả còn lại gì cả.

Ngoài những bài thơ về tình yêu, về đồng đội... tôi còn viết những bài thơ về làng quê tôi, về những người thân như mẹ tôi, bà tôi, cha tôi... Đó là những tình cảm mà nhiều người cùng chia sẻ. Rồi tôi viết về những tình cảm thực của chính mình, thí dụ như năm 1980 - cái thời Hậu chiến gian khổ - khi vợ tôi sinh cháu thứ 3, tôi phải làm đủ mọi thứ nghề để kiếm sống. Sau đó tôi làm một bài thơ tên gọi là *Bán vàng* (1980).

Có một bài thơ trở thành một kỷ niệm của giai đoạn lịch sử ấy. Đó là bài *Đánh Thức Tiềm Lực*. Tôi viết nó trong 2 năm, từ 1980 đến năm 1982 mới xong và khi bài thơ viết xong thì cũng không in ở đâu được. Bài thơ được truyền bá, lúc đầu bằng cách tôi đọc vào băng ghi âm và sau đó thì người in lại, phát hành lan truyền cái băng đó. Mãi đến năm 1986, tờ *Tuổi Trẻ* của thành phố Hồ Chí Minh mới in bài thơ này. Trước đó đúng ra đã được in một lần vào tháng 12.1984 ở một tờ báo địa phương, tờ Văn Nghệ Đồng Nai của nhà thơ Xuân Sách, nhưng hầu như không có ai đọc. Bây giờ tôi nhớ về bài thơ đó và nghĩ rằng, vào thời điểm đó nếu bài thơ được in sớm hơn thì có lẽ nó sẽ có đóng góp tốt hơn.

Và tôi vẫn cứ ám ảnh với ý nghĩ, mình viết một cái gì đó mà tâm tư được với người nghe, chia sẻ từ những tình cảm rất nhỏ đến tình cảm với cả một cộng đồng dân tộc, thì chỉ có mỗi một cách thôi : Là phải chân thành ! Tôi cũng chưa thấy ai nói dối có hiệu quả cả. Khôn và ngu đều có tính mức độ.

Về bài *Nhìn Từ Xa... Tổ Quốc*, năm 1988, tôi viết ở Học viện Gorky, Mạc-tư-khoa. Tôi đưa bài thơ này cho ông Nguyễn Ngọc, lúc đó là Tổng biên tập báo *Văn Nghệ*, thì ông Nguyễn Ngọc bảo chưa in được. Tôi đưa cho chị Kim Hạnh, Tổng biên tập báo *Tuổi Trẻ* và chị Kim Hạnh cũng nói : Chưa in được. Thế rồi ông Tô Nhuận Vỹ, lúc đó là Tổng biên tập tạp chí *Sông Hương*, mang về Huế in, nhưng in xong thì tạp chí *Sông Hương* bị đình bản. Lúc đó là rất căng đối với bài thơ này. Ít năm sau bài thơ mới được công nhận. Và tôi cũng tiếc mãi, vì cái lúc nó cần được phổ biến ngay thì không được phổ biến, để lâu khi bài thơ được chấp nhận thì những vận động xã hội đúng như mình trình bày đã phần nào bị muộn. Nhưng tôi cho là để tác động vào ý thức hệ thì chả có lúc nào muộn cả. Ngay bây giờ tôi thấy nó vẫn còn có thú vị về tính thời sự của nó. Bây giờ đọc lại thấy các cái thứ nghị quyết thực ra trong bài thơ này đã nói từ lâu rồi. Sau, tôi có viết một bài ở báo *Văn Nghệ*, *Nói và nghe sự thật*, bởi vì mình viết được ra sự thật đã là khó nhưng nghe được sự thật lại còn khó hơn. Tôi muốn đọc lại bài thơ này với các anh, các chị vì tôi nghĩ là các anh, các chị có thể có sự đồng cảm với tôi ; và để các anh, các chị tự xác nhận xem những suy nghĩ của tôi có đúng không hay nó đã trật trìa mất rồi.

Năm 1979 biên giới Lạng Sơn có chiến tranh, tôi có mặt ở đó từ những ngày đầu tiên và một trong những người rút lui cuối cùng khỏi mặt trận Lạng Sơn. Rồi đến năm 1989, kỷ niệm 10 năm chiến thắng biên giới tôi được mời trở về dự lễ kỷ niệm ấy. Lúc đó tôi thấy trên đồng gạch đỏ nát ngày xưa đã mọc lên những quán xá, người Việt người Hoa ngồi uống rượu nhậu nhẹt với nhau rất là vui, hàng nông thổ sản được gửi sang Trung Quốc, rồi bia Vạn Lực từ Trung Quốc lại được gửi qua bên này. Lúc đó tôi chạnh nghĩ giá 10 năm trước đừng có đánh nhau, mà cứ nhậu nhẹt như thế này thì có khi cuộc đời hay hơn. Tôi cứ tiếc mãi. Hồi đó tôi có làm một bài thơ là *Lạng Sơn 1989*, tặng một cô giáo ở trường Đông Kinh Phố, trong tổ giáo viên chốt trụ lại trường khi xảy ra chiến tranh và khi chúng tôi rút lui thì họ cũng rút về xuôi. Tôi hình dung cái cuộc đánh nhau năm 1979 là cuộc đánh nhau của hai anh A Q

và Chí Phèo, mà rồi cuối cùng chả anh nào thắng cả, anh nào cũng thua.

Lạng Sơn 1989

(Tặng một người dung)

*Ta về thăm chiến trường xưa
Em - hoa đào muện Kỳ Lừa mùa xuân
gió đi để lại mưa dầm
người đi để bước dấu chân trên đường
Đồng Đăng... Ai Khẩu... Bằng Tường...
chợ trời bán bán buôn buôn tít mù
ta đẩy một bị ưu tư
giá như cũng bán được như bán hàng
Trớ trêu nổi Hữu Nghị Quan
giá như máu chẳng luânh loang mặt đèo
A Qui túm tóc Chí Phèo
để hai bác lính nhà nghèo cùng thua
Nổi Tô Thị xót xa chưa
giá như đừng biết ngày xưa làm gì
giá như đá chẻ vô tri
để ta hồi lối trở về thiên nhiên
Giá như ta chớ gặp em
để không mắc nợ cái duyên Kỳ Cùng
giá như em đã có chồng
để bông bong khỏi rồi lòng người dung*

Rồi cũng năm 1989 (tôi nhớ là ngày 29.08.1989) tôi có mặt ở đợt rút quân cuối cùng của quân đội Việt Nam khỏi Campuchia. Tôi nhìn những người dân Campuchia đen đúa, đói khổ và nghĩ : Sau khi bộ đội Việt Nam rút đi, quân của Pol Pot, Hun Sen, Ra-na-đít... phe này phe kia đánh nhau lung tung beng cả lên thì những người dân đói khổ kia sẽ ra làm sao ? Tự nhiên tôi thấy xót lắm. Cái lúc mà mình ở trong một cuộc chiến tranh, mình không cảm thấy hết bằng khi mình đứng ở ngoài nhìn vào cuộc chiến tranh của một dân tộc khác. Tôi làm bài thơ *Đá ơi*

*Ta mặc niệm trước Ăng-co đồ nát
đá cũng tàn hoang hướng chi là kiếp người
Đá ơi
xin tạc lại đây lời cầu chúc hoà bình !
Nghĩ cho cùng
Mọi cuộc chiến tranh
Phe nào thắng thì nhân dân đều bại...*

Bài thơ này tuy ngắn nhưng như một lời chúc tụng của tôi với hoà bình. Trong các cuộc đọc thơ của tôi ở Việt Nam hay cũng như ở nơi nào đó tôi đều đọc bài thơ này. Năm ngoải nhân kỷ niệm 25 năm ngày chấm dứt chiến tranh Việt Nam, một tờ báo ở Mỹ đã dùng câu thơ :

*Nghĩ cho cùng
Mọi cuộc chiến tranh
Phe nào thắng thì nhân dân đều bại...*

làm một cái tiêu chí cho đợt kỷ niệm của bang Connecticut, vì ngay cả người Mỹ cũng có những tổn thất rất lớn trong chiến tranh Việt Nam nên họ cảm thông về câu thơ này. Có người nói rằng cần phải phân biệt chiến tranh chính nghĩa hay chiến tranh phi nghĩa, tôi nghĩ chính nghĩa hay phi nghĩa lại là một việc khác, nhưng còn tổn thất của bất kỳ một cuộc chiến tranh nào, kể cả chính nghĩa, kể cả phi nghĩa, thì đều rơi lên đầu người dân hết. Cho nên bài thơ này đối với tôi là một cái lời cầu nguyện :

*Nghĩ cho cùng
Mọi cuộc chiến tranh
Phe nào thắng thì nhân dân đều bại...*

Tôi nói điều đó với tư cách của một người từ trong cuộc chiến tranh đi ra, đã chết hụt không dưới 10 lần, và tôi nghĩ rằng mình còn sống được ngày nào thì đã là có lãi rồi. Lãi lãi của mình là những ngày đang sống cho nên nếu có nói một điều gì, viết một điều gì thì phải hết cái lòng chân thành của mình, không thể khác được.

Lúc nhỏ tôi sống ở Đồ Lèn, là vùng đất phát tích của nhà Nguyễn. Nhà Nguyễn ở Thanh Hoá và phát tích ở xã Hà Long huyện Hà Trung, đó là quê của tôi. Năm 1993 vợ tôi bị sứt cột sống, tôi phải chăm vợ và lo cho các con một năm. Tôi thấy thật là vãi linh hồn. Nên tôi viết tặng vợ tôi bài thơ này :

*Vừa một xuân lại một xuân
Vợ ơi đại hạn đã gần một năm
Một nhà là sáu mồm ăn
Một thi nhân hóa phẩm phẩm ngựa thồ
Cái lưng em sụm bất ngờ
Tứ chi anh lũng thông quơ rụng rờ
Thông thường thượng giới rong chơi
Trần gian choang choác sự đời tùy em
Nghìn tay nghìn việc không tên
Mình em làm cõi bình yên nhẹ nhàng
Thình lình em ngã bệnh ngang
Phang anh sát bất sang bang sao đành
Cha con chúa chổm loanh quanh
Anh như nguyên thủ tanh bành quốc gia
Việc thiên việc địa việc nhà
Một mình anh vãi cả ba linh hồn*

Thế hệ những người làm lính của chúng tôi cho đến bây giờ, tôi nghĩ rằng, họ vẫn đang áp ử cái mơ ước làm cho đất nước này nó đẹp lên. Vừa rồi tôi có tới một cái làng, gọi là “làng Việt cộng” ở Boston, bang Massachusetts. Một khu vực của những người Việt Nam mà toàn là bộ đội vượt biên, họ cụm lại với nhau. Đây là một buổi mà tôi được trò chuyện với những người Việt ở nước ngoài một cách chính thức, còn như ở Mỹ thì hoàn toàn chưa có những buổi như vậy. Tôi có chừng độ quãng 40-50 buổi đọc thơ ở Mỹ vào năm 1995, 2000 và 2001, nhưng toàn là trong các trường đại học của Mỹ, hay với một vài người Việt Nam mà tôi quen biết ở Sài Gòn trước khi họ vượt biên. Chứ còn với cộng đồng người Việt ở Mỹ thì xin thưa là tôi chưa được một may mắn nào để tiếp xúc chính thức. Bởi vì những cái mặc cảm chính trị của cộng đồng người Việt ở Mỹ còn khá phức tạp. Như vừa rồi nhóm ca sĩ như Phương Thanh, Lam Trường, Lam Phương và một vài người nữa dự định biểu diễn tại 6 thành phố ở Mỹ, nhưng đi đến đâu cũng bị cộng đồng người Việt tẩy chay, biểu tình rất đông với khẩu hiệu hô chống tuyên truyền cộng sản. Có hai ông nhà nghiên cứu là Hoàng Ngọc Hiến và Nguyễn Huệ Chi đến đại học Massachusetts nghiên cứu về văn hoá của cộng đồng người Việt di tản cũng bị biểu tình chống đối. Vì thế mà tôi chưa có dịp được tiếp xúc với người Việt Nam của mình ở Mỹ.

Để viết một bài thơ dài tôi thường mất vài năm, tôi phải viết lặt đi lặt lại mất nhiều công, còn ý tứ để dồn lại thì phải mất từ nhiều năm trước đó. Bài *Đánh thức tiềm lực* nhanh nhất cũng mất hai năm ; bài *Nhìn từ xa... Tổ quốc* tôi làm mất 4 đến 5 năm. Bài thơ tôi sắp đọc, bài *Kim Mộc Thủy Hoả Thổ*, bài này tôi viết xong năm 1991, năm 1992 thì in ở tạp chí *Cửa Việt* do anh Hoàng Phủ Ngọc Tường làm Tổng biên tập. Vừa in xong thì tạp chí *Cửa Việt* cũng bị đình bản và ông Hoàng Phủ Ngọc Tường mất việc từ hồi đó vì bài thơ này. Và cũng phải sau 5 đến 7 năm thì mới có một cách nhìn nhận bình thường về bài thơ và cho đến bây giờ thì một phần nào đó

những điều mình muốn trình bày lại bị lỗi thời rồi, nhưng cũng còn đôi điều có thể nói lại với nhau được.

PHẠM HOÀNG : *Thưa anh Nguyễn Duy, có thể nói anh là một nhà thơ “ đi Tây ” nhiều nhất trong những nhà thơ ở Việt Nam. Qua những lần anh đi như vậy anh có cảm nghĩ gì về đồng bào ta ở ngoài nước và đặc biệt là anh em văn nghệ sĩ, những người làm thơ, những người sáng tác ở nước ngoài ?*

NGUYỄN DUY : Tôi gặp gỡ người Việt ở nước ngoài nhiều, tôi đi nhiều và có một cái thú là đi bằng... thơ. Tôi rất mừng là như vậy. Tôi chả là quan chức gì, không phe phái nào tôi chỉ có là phe... phe làm thơ thôi. Tôi đi như thế và tôi đọc thơ, bán thơ, bán lịch rồi tôi đi tiếp. Tôi thấy một điều như thế này, con người ở đâu cũng là con người, đã dính líu đến hoạt động chính trị thì con người nó bị lưu manh hoá đi. Những cái hoạt động chính trị cực đoan thì ở phía nào cũng đều không tốt. Trong một diễn đàn về Đông Dương của trường đại học Columbia, Nữ Ước, năm 1995, tôi cũng đã có nói những điều này. Người ta quan tâm đến văn học Việt Nam hiện đại, đôi khi người ta quan tâm đến việc chống đối chính phủ ở cái khu vực chính trị thuần túy, tôi không đồng ý cái đó. Văn chương là văn chương. Nhà văn có thái độ của chính trị nhưng nhà văn không phải là cái đuôi của chính trị. Mà nếu anh là cái đuôi của chính trị thì anh ở thái cực nào cũng tầm thường như nhau hết. Tôi không muốn sa vào nó, nên khi nhiều người gọi chung một số phản ứng của các nhà văn ở Việt Nam là Văn học phản kháng, tôi đã bảo như vậy là không phải. Phản kháng vẫn là một hoạt động cực đoan của chính trị thôi, điều quan trọng hơn cái phản kháng mà tôi thấy, tôi làm và tôi đánh giá : Đó là dòng văn học thức tỉnh, một nền văn học đã có từ hàng nghìn năm nay và tôi là người theo cái mạch đó chứ không phải là ở những thái cực chính trị.

PH : *Anh vừa nói đến nhà văn với chính trị thì tôi nhớ đến hiện nay ở hải ngoại, trên mạng Internet cũng có cuộc tranh luận về trí thức - văn nghệ sĩ Việt Nam với thời cuộc. Đã có nhiều anh em ở trong nước tham gia với những ý kiến xác đáng. Xin hỏi anh một câu ngắn về thái độ của người trí thức - văn nghệ sĩ với thời cuộc của đất nước ?*

NGUYỄN DUY : Là một nghệ sĩ mà anh đã đứng về phe Nhân Dân, Dân Tộc thì trong bất kỳ thời đại nào anh phải có thái độ chính trị của mình. Nhưng để nhảy ra làm một cái thứ chính trị manh mún, lật vạt, tep nhẹp thì cái đó không là công việc của những nghệ sĩ lớn.

PH : *Khi anh sang Berlin lần đầu vào đúng thời điểm cổng thành mở, hai miền Đông - Tây Đức thống nhất, vô tình anh đã chứng kiến một thời điểm lịch sử của nước Đức. Thế khi đó cảm tưởng của anh như thế nào ?*

NGUYỄN DUY : Thứ nhất là tôi mừng cho nước Đức, cho dân tộc Đức thống nhất, sống với nhau hoà thuận mà không phải trải qua một cuộc chiến tranh đẫm máu. Và, tôi nghĩ rằng tôi sẽ trở lại cái đề tài này vào một lúc nào đó.

PH : *Tôi cũng từng là một người lính và anh cũng là một người lính làm thơ, chúng ta đều trải qua cuộc chiến ở Việt Nam. Bây giờ, gần 30 năm trôi qua, tâm trạng của anh về cuộc chiến đó ra sao ?*

NGUYỄN DUY : Lúc này tôi có nói, những người lính gần với cái chết cho nên không ai hơn họ về sự khát khao với sự sống. Họ nằm trong lò lửa chiến tranh nên không ai hơn họ cái khao khát hoà bình. Cho đến giờ những người lính làm văn chương, không phải là tất cả, nhưng phần lớn đều giữ được niềm khao khát từ cái lúc còn làm lính.

PH : *Bài thơ Nhìn Từ Xa... Tổ Quốc sau một thời gian bị dừng lại cuối cùng cũng được in ra, đến với độc giả. Nhưng những dằn vặt của anh trong bài thơ đó cho đến nay vẫn còn chứ ?*

NGUYỄN DUY : Nó vẫn còn chứ, chưa hết được nhưng có điều bây giờ nhiều người cũng nói ra được cái dằn vặt của tôi khi đó. Thú vị nữa là ngay trong giới cầm quyền người ta cũng cảm được những nổi trăn trở và thật sự có một sự chuyển động. Nó chậm nhưng mà có chuyển động, tốt hơn lên.

PH : *Anh có nói người Việt ở ngoài nước cũng như trong nước khó cộng tác với nhau ngay cả trong làm ăn chứ không tính đến chuyện chính trị. Và nhiều người nói cái đó là bản tính của người Việt, do đó khó hy vọng vào người Việt. Anh có tin rằng người Việt sẽ sửa được bản tính đó để dân tộc mình đi lên được không ?*

NGUYỄN DUY : Cách đây 11 năm trong thiên bút ký *Đông Âu du ký*, tôi cũng đã nói thẳng vấn đề này. Từ người ở trong nước cho đến người ở ngoài nước, người Việt có rất nhiều nhược điểm mà chúng ta cần phải nhìn thẳng vào đó. Bây giờ nếu có người nào đó nói về những nhược điểm của người Việt thì rất dễ bị vu cho cái tội là nói xấu dân tộc mình. Tôi muốn có một cuộc “ Tổng kiểm thảo toàn dân tộc ” về cái hay, cái tốt, cái dở, cái xấu của chính mình và nếu không nhận thức được sự thật về mình thì đừng nói đến chuyện phát triển. Tôi muốn có một cuộc nói chuyện nói thẳng nói thật với nhau một cách sòng phẳng và đừng ai buộc tội ai hết. Tôi nghĩ cái dân chủ hiện nay cần phải có trước tiên là dân chủ nhận thức sự thật, chứ không phải là dân chủ hành động. Người Việt ta có thể nói là dân chủ về hành động có thừa. Từ cái ăn, cái nói, cái làm việc đến cái... phóng uế bậy : Có thể nói chúng ta là loại người “ tự do ” nhất thế giới ! Những hành động dân chủ vô chính phủ chúng ta có thừa, nhưng nhận thức về dân chủ, trình độ trí tuệ về dân chủ thì lại đang còn thiếu.

PH : *Rất cảm ơn anh và một lần nữa tôi vẫn mong muốn vào lúc nào đấy thì anh sẽ quay trở lại với thơ, lại có những bài thơ mới, hay, hấp dẫn như anh vừa đọc. Vì, người ta không thể gọi anh bằng một cái danh xưng nào khác, ngoài danh xưng là nhà thơ Nguyễn Duy.*

NGUYỄN DUY : Tôi nặng duyên nợ với thơ. Không làm được những bài thơ hay thì tôi ngừng, tôi không làm nữa, nhưng không có nghĩa như thế là mình đoạn tuyệt với thơ...

Phạm Hoàng và Đỗ Quyền thực hiện

Berlin, tháng 7-2001

Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 4 €

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 86 65 93 ; quốc tế : 33 1 45 86 65 93

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Thẻ lệ mua báo : xin coi trang 2.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, TCVN, VPS, PDT..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)